

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 46/2023

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚP
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
TRẦN THỊ TÚ ANH

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com

Website: <http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn>

Bìa 1: Sưu tầm

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 71/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 29/11/2023. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 12/2023

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 93 NĂM NGÀY XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH (12/9/1930 - 12/9/2023)		
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Đảng bộ Hà Tĩnh lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1931 và xô viết Nghệ - Tĩnh	2
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH		
Ths. Trần Ánh Dương	Nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	5
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Phát huy vai trò giảng viên lý luận chính trị trong công tác tuyên truyền trên mạng xã hội hiện nay	9
Ths. Phan Bá Linh	Khẳng định giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nội dung tiên quyết để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	13
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	20
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trở thành "bức tường thành", "bộ lọc" quan trọng góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	25
ThS. Nguyễn Thị Lam	Phản bác luận điệu xuyên tạc, phủ nhận mối quan hệ giữa Đảng với Nhân Dân	30
Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy	Đấu tranh phản bác một số luận điệu sai trái của các thế lực thù địch về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	36
Ths. Phan Thị Ái Vân	Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái, thù địch về những thành tựu của cách mạng Việt Nam	40
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về vai trò của tổ chức công đoàn Việt Nam	43
Ths. Phan Chí Quyết	Nâng cao hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay	47
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Một số kinh nghiệm vận dụng Nghị quyết số 29-NQ/TW vào giảng dạy chuyên đề "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với việc phát triển kinh tế tri thức" trong chương trình trung cấp lý luận chính trị	51
Ths. Thái Thị Hiền	Đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng - nhiệm vụ phải tổ chức thường xuyên tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	57
Ths. Phan Thị An Phú	Lan tỏa giá trị tác phẩm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng	62
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới	66
Ths. Võ Thanh Cường	Kế thừa, phát triển các giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay	69
Nguyễn Trọng Minh Quân	Xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	72
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022-2025	76
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở Hà Tĩnh hiện nay	79
Ths. Hồ Thanh	Nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn huyện Nghi Xuân	84
Ths. Dương Thị Vân Linh	Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	87
ThS. Tô Thị Thu Hiền Trần Thị Tú Anh	Nâng cao chất lượng cán bộ và công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng ở Hà Tĩnh trong tình hình mới	91

ĐẢNG BỘ HÀ TỈNH LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ XÔ VIẾT NGHỆ - TỈNH



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng

Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh là sự kiện lịch sử mở đầu những trang sử vẻ vang của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù bị tổn thất, nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng, “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình...”⁽¹⁾.

Cuối tháng 3/1930, tại Bến đò Thượng Trụ, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, Đảng bộ lâm thời tỉnh Hà Tĩnh được thành lập. Ngay sau khi thành lập, Đảng bộ đã khẩn trương lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng, tổ chức quần chúng, chỉ đạo thành lập chi bộ cộng sản ở các địa phương như Can Lộc, Cẩm Xuyên... Cuối tháng 4/1930, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Xứ ủy Trung kỳ, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã phát động phong trào quần chúng nhân dân đấu tranh kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 01/5/1930.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các địa phương trong tỉnh đã có nhiều hình thức kỷ niệm, phổ biến nhất là hình thức treo cờ đỏ, rải truyền đơn, mít tinh diễn thuyết. Sau ngày 01/5, các cấp bộ đảng tiếp tục đẩy mạnh các hình thức đấu tranh cổ

động, tuyên truyền để khơi dậy tinh thần đấu tranh của quần chúng. Từ tháng 5 đến tháng 7/1930, phong trào tiếp tục diễn ra quyết liệt, các cuộc mít tinh, tuần hành liên thôn, liên xã được tổ chức; các tổ chức quần chúng được mở rộng, có hệ thống đến thôn xã, nhiều nơi đã tổ chức được cả lực lượng thiếu nhi vào đội “Đồng tử quân”. Hệ thống tổ chức đảng được củng cố, các tổ chức quần chúng được mở rộng, lực lượng tự vệ được xây dựng và phát triển.

Ngày 9/7/1930, Tỉnh ủy ra thông cáo quyết định phát động nhân dân đấu tranh nhân kỷ niệm ngày Quốc tế đỏ 01/8. Thông cáo chỉ rõ: “Đây là ngày kỷ niệm đấu tranh đầu tiên được tổ chức ở Hà Tĩnh, do đó nhiệm vụ của chúng ta là phải làm sao cho cuộc biểu tình trong ngày này là cuộc biểu tình lớn nhất”⁽²⁾. Tỉnh ủy chủ trương: “các cuộc biểu tình, bãi công phải có tính chất hoàn toàn chính trị, mục đích là đòi một số quyền lợi về đời sống kinh tế”⁽³⁾. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngày 01/8/1930, hàng loạt các cuộc mít tinh, biểu tình đã nổ ra ở nhiều huyện trong tỉnh, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê, Đức Thọ, Kỳ Anh... Từ tháng 9/1930, làn sóng cách mạng đã dâng cao khắp các địa phương, đông đảo nông dân, lực lượng công nhân, viên chức, học sinh, tiểu thương tích cực đứng dậy đấu tranh. Hốt hoảng trước khí thế cách mạng của nhân dân, tri huyện,

nha lại và lính tráng đã chạy trốn khỏi công đường.

Hoang mang trước làn sóng cách mạng của quần chúng nhân dân và sợ ảnh hưởng của Xô viết Nghệ - Tĩnh sẽ lan rộng ra các khu vực Đông Dương, thực dân Pháp một mặt thực hiện những yêu sách do các đoàn biểu tình đưa ra để xoa dịu phong trào đấu tranh, mặt khác chúng điều lính ở các nơi về đàn áp phong trào ở Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Thị xã Hà Tĩnh vào các ngày 8,9 tháng 9/1930. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã gửi Thông tư cho Xứ ủy Trung Kỳ chỉ rõ trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng đấu tranh chống khủng bố trắng, giữ vững lực lượng và ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, mặt khác rút lui vào hoạt động bí mật để củng cố và xây dựng căn cứ, tránh tổn thất cho cách mạng. Thực hiện chủ trương của Trung ương, các tổ chức Đảng dần rút vào hoạt động bí mật, Tỉnh ủy Hà Tĩnh chuyển lên hang đá Đen, hang đá Bạc ở dãy núi Hồng Lĩnh và khu vực Trà Sơn.

Có thể thấy rằng, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, các cuộc đấu tranh trong tháng 9/1930 đã đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở Hà Tĩnh; lực lượng cách mạng đã được động viên cao độ và có sự phối hợp hành động một cách tích cực, tấn công trực diện vào bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến; mục tiêu của các phong trào ngày càng mở rộng, gắn chặt giữa việc đòi quyền lợi kinh tế với quyền lợi chính trị; khí thế và mức độ đấu tranh ngày càng quyết liệt. Phát huy khí thế đó, cuối tháng 9/1930, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã chủ trương tiếp tục phát động quần chúng vùng lên đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa; các cuộc đấu tranh cần có vũ trang bằng các loại vũ khí; phát triển tổ chức tự vệ để hỗ trợ quần chúng trong đấu tranh cũng như bảo vệ nhân dân; tiếp tục

đẩy mạnh công tác phát triển đảng và xây dựng tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục xây dựng các phường, hội. Đại hội có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, là nhân tố quan trọng đưa phong trào cách mạng của tỉnh đạt tới đỉnh cao với sự ra đời của 170 làng Xô Viết trong toàn tỉnh.

Từ tháng 10/1930, phong trào đấu tranh của quần chúng trong toàn tỉnh tiếp tục phát triển mạnh mẽ, điển hình là cuộc đấu tranh của quần chúng nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga (7/11), Quảng Châu Công xã (12/12)... Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, hệ thống tổ chức đảng và tổ chức quần chúng tiếp tục được xây dựng, củng cố; các huyện đã tiến hành Đại hội thành lập Đảng bộ như Hương Khê, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Thạch Hà; tổ chức quần chúng tiếp tục được mở rộng, đặc biệt Nông hội đỏ đã xây dựng được hệ thống từ thôn bộ, xã bộ lên đến huyện bộ; Hội Cứu tế đỏ, Hội Phụ nữ giải phóng đã thu hút đông đảo hội viên tham gia vào tổ chức.

Sức mạnh của quần chúng cách mạng đã làm cho chính quyền thực dân, phong kiến ở Hà Tĩnh bắt đầu rệu rã, các huyện đường Can Lộc, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh hầu như bỏ trống. Trước tình hình đó, các cấp bộ Nông hội đỏ đã đứng ra quản lý, điều hành công việc trong các làng xã, hình thành nên chính quyền cách mạng theo những hiểu biết về Xô viết Liên Xô. Các làng Xô viết lần lượt ra đời. Cuối năm 1930 đầu năm 1931, Hà Tĩnh đã có 170 làng Xô viết. Tại các làng Xô viết, người nông dân Hà Tĩnh thực sự được hưởng các quyền lợi thiết thân về kinh tế và chính trị. Thành quả bước đầu mà chính quyền Xô viết mang lại đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng; là niềm cổ vũ, động viên các tầng

lớp nhân dân tiếp tục vùng lên đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng, chính quyền thực dân, phong kiến tay sai đã tìm mọi biện pháp để dập tắt phong trào như đốt phá làng xóm, xả súng bắn vào các đoàn biểu tình... Tuy nhiên, Đảng bộ, nhân dân Hà Tĩnh vẫn kiên cường bám trụ, duy trì và giữ vững phong trào, chống khủng bố trắng, bảo vệ thành quả cách mạng. Bước sang năm 1931, bên cạnh các biện pháp bạo lực, thực dân, phong kiến đã sử dụng những thủ đoạn chính trị như dụ dỗ, mua chuộc nhân dân, lập ra các tổ chức tay sai, âm mưu dùng các tổ chức này để khống chế, chống phá cách mạng tận cơ sở. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các đoàn thể công nông phải huy động quần chúng tích cực đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân, phong kiến. Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ Hà Tĩnh đã thống nhất chủ trương gắn đấu tranh chống khủng bố với chống đầu thú, vạch rõ âm mưu của địch, uốn nắn những lệch lạc trong đấu tranh. Các cấp bộ đảng đã sử dụng mọi phương tiện tuyên truyền, cổ động để củng cố và nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho quần chúng; các loại báo của các cấp ủy đã lần lượt ra đời như: Báo “Bước tới” của Tỉnh ủy, báo “Tự Cứu” của Can Lộc, báo “Tiếng gọi” của Thạch Hà, báo “Cổ động” của Đức Thọ..., là tài liệu hướng dẫn cho cuộc đấu tranh của quần chúng.

Tháng 3/1931, Đại hội Đảng bộ Hà Tĩnh chủ trương tiếp tục đẩy mạnh các phong trào đấu tranh của quần chúng. Để tiếp tục gây thanh thế cho phong trào cách mạng, Tỉnh ủy chủ trương phát động cuộc tổng biểu tình nhân ngày Quốc tế lao động 01/5/1931. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cuộc tổng biểu tình có quy mô toàn

huyện nổ ra ở Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân... Tiếp đó, các cuộc nổi dậy của quần chúng diễn ra liên tiếp trong suốt tháng 5/1931 nhằm chống lại việc thu thuế của thực dân.

Đến giữa năm 1931, sau khi dập tắt được phong trào cách mạng ở Nghệ An và các nơi khác, thực dân, phong kiến đã tập trung lực lượng đàn áp phong trào cách mạng ở Hà Tĩnh. Đảng bộ Hà Tĩnh bị tổn thất nghiêm trọng, phong trào quần chúng dần dần lắng xuống. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Hà Tĩnh chủ trương lập ra các cơ quan chỉ đạo ở từng vùng. Tuy vậy, do những điều kiện khách quan và chủ quan lúc bấy giờ, lực lượng Đảng tiếp tục bị tổn thất nặng nề. Đến đầu năm 1932, nhìn chung phong trào cách mạng trên phạm vi toàn tỉnh đi vào thoái trào.

Xô viết Nghệ Tĩnh là sự hội tụ của ý chí kiên cường, bất khuất, lòng yêu nước, ý thức cách mạng của con người xứ Nghệ. Mặc dù thất bại, nhưng Xô viết Nghệ - Tĩnh “đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau”⁽⁴⁾. Với Xô viết Nghệ - Tĩnh, nhân dân Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của phong trào cách mạng cả nước.

Chú thích:

(1). Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, HN, 1975, tr38-39.

(2);(3). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh 1930-1975*. Nxb CTQG - Sự thật, HN, 2014, Tập 1, tr75.

(4). *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 7, tr20.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI Ở CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Trong thời gian qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở các cấp đã có những chuyển biến đáng kể, tuy nhiên hiệu quả vẫn chưa cao, nhất là ở cấp cơ sở. Trong giai đoạn hiện nay, thế lực thù địch đang tìm mọi cách chống phá, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng ta, nhất là trên không gian mạng. Hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung nỗ lực thực hiện một số giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ở cơ sở.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi trọng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Hiện nay, trong khi chúng ta đang đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, các thế lực thù địch lại ra sức chống phá, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thành quả phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, nhất là trên không gian mạng. Vì vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong giai đoạn hiện nay có vai trò rất quan trọng.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch là bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường

niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân với Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Trong thời gian qua, nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đạt được những kết quả đáng khích lệ; hoạt động của Ban chỉ đạo 35 của huyện, tổ đấu tranh 35 của xã ngày càng bài bản, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh còn có những hạn chế nhất định: Một số cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “*về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới*” có lúc chưa quyết liệt; hiệu

quả của việc định hướng tư tưởng, phản bác các thông tin sai trái bịa đặt, vu cáo, phản động trên các trang mạng xã hội chưa cao, còn bị động, thiếu kịp thời; việc tham gia đấu tranh trên không gian mạng của một số cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, thiếu sắc bén, thậm chí có nhiều đồng chí còn thờ ơ trước những thông tin sai trái, xuyên tạc của thế lực thù địch, phản động; năng lực, khả năng viết các bài phản bác, đấu tranh của cán bộ, đảng viên còn hạn chế, nhất là những bài viết chính luận; hoạt động của tổ đấu tranh 35 ở xã chưa thật sự hiệu quả, chưa bám sát quy chế, nhiệm vụ được phân công, chưa thường xuyên nắm bắt tình hình, dư luận hoặc nắm bắt được nhưng không báo cáo theo quy định, khả năng nhận biết, phân biệt những thủ đoạn tinh vi của thế lực thù địch còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chưa quan tâm đúng mức việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch; chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng của một số cấp ủy Đảng còn hạn chế; lực lượng tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch chủ yếu là kiêm nhiệm, hạn chế về năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ trong khi đó lực lượng thù địch hoạt động ngày càng tinh vi nên rất khó đấu tranh; nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù

địch còn hạn chế; cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ phục vụ cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch chưa đảm bảo, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, cán bộ, đảng viên về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa lâu dài và xem đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị cơ sở; cần tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp nêu ra trong Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tiếp tục tăng cường quán triệt cho cán bộ, đảng viên nêu cao trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch; phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên *“cán bộ đi trước, làng nước theo sau”*; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên làm cho cán bộ, đảng

viên có *“sức đề kháng”*, *“tự miễn dịch”* trước những thông tin xấu độc, chống *“tự diễn biến”*, *“tự chuyển hoá”* trong nội bộ đảng viên, từ đó góp phần tuyên truyền cho Nhân dân thực hiện tốt việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Thứ hai, đổi mới nội dung, phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cấp xã cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, tình hình thực tiễn của địa phương và căn cứ vào tình hình chống phá của thế lực thù địch để xây dựng nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch theo hướng thiết thực, hiệu quả và linh hoạt về phương thức.

Thứ ba, coi trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho tổ đấu tranh 35, đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Bồi dưỡng cho tổ đấu tranh 35 và cán bộ, đảng viên về nhận diện những thông tin sai trái, thông tin xấu, độc, những phương thức thủ đoạn của thế lực thù địch; bồi dưỡng kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; bồi dưỡng cách thức nội dung viết bài chính luận để đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái; bồi dưỡng kỹ năng sử dụng internet, công nghệ thông tin; kỹ năng khai thác và sử dụng thông tin chính thống; bồi dưỡng tính tích cực, tinh thần, thái độ trong đấu tranh các quan điểm sai trái của thế lực thù địch.

Thứ tư, phát huy vai trò Nhân dân trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan

điểm sai trái thù địch. Cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở phải tăng cường sâu sát thực tiễn của địa phương để nắm bắt tình hình chính trị tư tưởng Nhân dân, từ đó phát huy vai trò của Nhân dân về cung cấp thông tin về các hoạt động chống phá, gây rối trật tự xã hội của thế lực thù địch, cơ hội chính trị, thiếu hiểu biết bị lôi kéo kích động. Trên cơ sở đó, tuyên truyền vận động Nhân dân phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, giữ gìn phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương, của dân tộc để củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ, để nâng cao sức đề kháng cho Nhân dân. Phát huy vai trò của những người có uy tín tại cộng đồng dân cư tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những hành vi sai phạm; tiến hành sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trên địa bàn. Hệ thống chính trị cơ sở cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của cấp tỉnh, cấp huyện về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Kịp thời có biện pháp xử lý những cá nhân, tổ chức vi phạm quy định trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Thường xuyên sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch để nhận thức đầy đủ những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, rút ra những kinh nghiệm, từ đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trên địa bàn trong thời gian tới; có biện pháp động viên khuyến khích những nhân tố tích cực trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Thứ sáu, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ phục vụ công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, trong đó tập trung trang bị các thiết bị phục vụ cho tổ đấu tranh 35 của xã, cán bộ, công chức tại cơ quan bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ.

Tóm lại, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới là nhiệm vụ rất quan trọng của cả nước nói chung và cấp cơ sở nói riêng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần phải có sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị. Trong đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thực sự là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, không giao động trước mọi âm mưu thủ đoạn, cám dỗ của các thế lực thù địch, là chiến sĩ tiên phong trong mặt trận tư tưởng. Cấp cơ sở thực hiện tốt các giải pháp nêu trên sẽ góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở./.

PHÁT HUY VAI TRÒ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRÊN MẠNG XÃ HỘI HIỆN NAY



ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Mạng xã hội (MXH) được hiểu là một hệ thống trên nền tảng Internet kết nối các thành viên với nhiều mục đích khác nhau ở khắp mọi nơi trên thế giới không phân biệt thời gian, không gian, độ tuổi, giới tính thông qua những tính năng như kết bạn, trò chuyện, gọi điện, facetime,... Trong thời gian vừa qua, MXH đã bước đầu có những tác động tích cực đến công tác tư tưởng của Đảng. Tại nhiều địa phương, cán bộ, đảng viên và giảng viên lý luận chính trị đã chủ động sử dụng MXH như một công cụ hữu hiệu trong việc tuyên truyền, định hướng tư tưởng, dư luận, góp phần thực hiện công tác tư tưởng của Đảng.

Lý luận chính trị là hệ thống tri thức về chính trị đã được khái quát, tạo ra một quan niệm hoàn chỉnh về các quy luật và về mối liên hệ cơ bản của hiện thực đời sống chính trị; là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại giới hạn trong lĩnh vực chính trị; là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn của nhiều người trong đời sống chính trị.

Giảng viên lý luận chính trị là những nhà giáo thực hiện vai trò chia sẻ, trao đổi, truyền đạt hệ thống tri thức lý luận chính trị đến người học nhằm giúp cho người học từng bước hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa trong quá trình cải tạo

xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ca ngợi nghề thầy giáo nói chung và nghề giảng dạy lý luận chính trị nói riêng: “Còn gì vẻ vang hơn nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”¹. Giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay là một hoạt động có vai trò rất quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng. Đó là quá trình sử dụng các phương pháp, cách thức để luận chứng, giải thích một cách khoa học những khái niệm, những quy luật, những quan điểm chính trị đến người học để họ nhận thức đúng đắn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thống nhất với đường lối, quan điểm

của Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của họ; hướng dẫn họ vận dụng những hiểu biết ấy vào cuộc sống, hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, phương pháp tư duy biện chứng và phương pháp hành động khoa học; góp phần phát huy tính tích cực của người học vào quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Hiện nay, MXH ngày càng trở nên gần gũi, thân thuộc và đi vào từng ngõ ngách trong đời sống của nhiều giai tầng trong xã hội. Hiểu theo nghĩa chung nhất, MXH là một hệ thống trên nền tảng Internet kết nối các thành viên với nhiều mục đích khác nhau ở khắp mọi nơi trên thế giới không phân biệt thời gian, không gian, độ tuổi, giới tính thông qua những tính năng như kết bạn, trò chuyện, gọi điện, facetime,... nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân và những yêu cầu cộng đồng chung. Nhờ vào những ưu thế nổi bật mà MXH đang có tốc độ phát triển “chóng mặt” và có sức hút với người dùng ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là thanh niên trên khắp địa cầu. Do đó, hình thành khái niệm “cư dân mạng” tức là chỉ những người sử dụng MXH. Mạng xã hội trên Internet có các đặc điểm nổi bật: “tính liên kết cộng đồng, tính đa phương tiện, tính tương tác, khả năng truyền tải và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ”². Hiện nay, có rất nhiều loại hình MXH khác nhau. Tại Việt Nam, các MXH bắt đầu du nhập từ những năm 2000 dưới hình thức các trang nhật ký điện tử (blog). Đến nay, có khoảng 270 MXH được cấp giấy phép hoạt động Có thể kể đến một số MXH được người dùng sử dụng nhiều nhất ở nước ta hiện nay như Facebook, Youtube, Zalo, Twitter, Instagram,... Không ai có thể phủ nhận sự ra đời của MXH đã đem

lại nhiều tiện ích trong đời sống vật chất và tinh thần cho mọi giai tầng xã hội. Bởi MXH là một ứng dụng giúp kết nối, liên kết người dùng ở bất cứ đâu, là bất kỳ ai thông qua dịch vụ internet, giúp họ có thể chia sẻ những sở thích và trao đổi những thông tin cần thiết với nhau, không phân biệt giới tính, độ tuổi, vùng miền, quốc gia dân tộc... Các dịch vụ, ứng dụng của MXH còn cho phép người dùng chia sẻ thông tin qua tin nhắn, gọi điện trực tuyến (miễn phí). Mạng xã hội là một trong những sản phẩm khoa học trí tuệ của con người trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin. Vì vậy, nếu biết phát huy tối đa những tích cực của MXH sẽ rất hữu ích đối với những người sử dụng nó nhất là đối với các giảng viên lý luận chính trị trong tuyên truyền trên MXH hiện nay. Trên thực tế, Internet và MXH đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; trở thành công cụ rất quen thuộc và là “một phần tất yếu” của các tầng lớp xã hội. Mạng xã hội đã bước đầu đem lại một số tác động tích cực đến công tác tư tưởng của Đảng. Nhiều địa phương, nhiều cán bộ đảng viên và giảng viên lý luận chính trị đã chủ động sử dụng MXH như một công cụ hữu hiệu trong định hướng dư luận, trong công tác tư tưởng trong thời gian qua.

Tuy nhiên, hiện nay MXH đang tiềm ẩn những nguy cơ đáng báo động. Lợi dụng sự phát triển của MXH, các thế lực thù địch đã tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam với thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn, tác động tiêu cực đến tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất là những người trẻ trở nên mơ hồ, nhạt phai lý tưởng, giảm sút lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành

của Nhà nước, vào chế độ và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước thực trạng đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục”³. Do đó, mỗi giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đặc biệt là, mỗi giảng viên cũng nhận thức được thực trạng các thế lực thù địch lợi dụng MXH để thực hiện “chiến lược diễn biến hòa bình” hòng làm thay đổi hệ giá trị xã hội, gây mất lòng tin của nhân dân nói chung và thế hệ trẻ nói riêng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Chính vì vậy, việc xác định được vai trò, trách nhiệm giảng viên lý luận chính trị trong tuyên truyền tư tưởng chính trị trên mạng xã hội là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng thời kỳ hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

Mạng xã hội là một công cụ có tính hai mặt đối với người sử dụng. Nếu biết tận dụng những lợi thế của nó và hạn chế tối đa những mặt tiêu cực, MXH là sẽ là một phương tiện hữu hiệu trong công tác tuyên truyền quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Muốn tận dụng được mặt tích cực của MXH, trước hết giảng viên lý luận chính trị phải nhận thức rõ vai trò của mình khi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền trên MXH:

Thứ nhất: Chia sẻ, trao đổi, viết bài tuyên truyền những tri thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, thành tựu của sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trên MXH.

Thứ hai: Chia sẻ, trao đổi, viết bài định hướng một cách đúng đắn, khách quan, khoa học cho “cư dân mạng” các vấn đề mới về lý luận và thực tiễn cần tiếp tục bổ sung, phát triển của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên MXH trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba: Chia sẻ, trao đổi, viết bài điều chỉnh, định hướng để các “cư dân mạng” nhận diện được các luận điệu sai trái, thù địch, bóp méo, xuyên tạc phủ định các giá trị khoa học, cách mạng và tiến bộ của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng trên MXH.

Thứ tư: Chia sẻ, trao đổi, viết bài vạch trần, phê phán các luận điệu sai trái, thù địch, xuyên tạc, bóp méo, phủ định các giá trị khoa học, cách mạng và tiến bộ của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên MXH.

Thứ năm: Tuyên truyền, vận động học viên, sinh viên, bạn bè, người thân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thường xuyên chia sẻ các bài viết, các thông tin tích cực trên mạng xã hội; tẩy chay các trang mạng không chính thống hoặc các bài viết xuyên tạc, bóp méo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Để tiếp tục phát huy vai trò của giảng viên lý luận chính trị trong tuyên truyền

tư tưởng chính trị trên MXH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản sau:

Một là, mỗi giảng viên lý luận chính trị phải không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tư duy sắc bén; nâng cao trình độ lý luận chính trị, không ngừng học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu lý luận, tham gia các hoạt động thực tiễn như đi thực tế, biệt phái ngắn hạn, dài hạn tại cơ sở. Trên cơ sở tiếp thu những tri thức lý luận và thực tiễn giúp cho người giảng viên có luận cứ khoa học sắc bén trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền trên mạng xã hội.

Hai là, nâng cao nhận thức về nghĩa vụ và trách nhiệm của giảng viên lý luận chính trị trong công tác tuyên truyền và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch nói riêng trên không gian mạng. Trong quá trình đấu tranh, phải luôn tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ của người chiến sĩ cách mạng; có quan điểm rõ ràng, thái độ dứt khoát, phân biệt rõ đúng sai; không dung hòa, thỏa hiệp hay nhượng bộ trong bất kỳ tình huống nào; sử dụng tư duy sắc bén, lập luận khoa học chặt chẽ để chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục đối với các luận điệu, tư tưởng chống phá của các thế lực phản động, thù địch; vạch trần bộ mặt của những kẻ phản động, cơ hội, bất mãn chống phá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... điều này luôn là bản chất của người giảng viên lý luận chính trị.

Ba là, thường xuyên cập nhật các thông tin thời sự chính trị trong nước và thế giới; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các nội dung chính trị - xã hội, nghiên cứu và nắm vững luật an ninh mạng. Từ đó,

có cơ sở pháp lý chắc chắn trong đấu tranh phòng, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Bốn là, có kiến thức, phương pháp, kỹ năng nhận diện và phê phán các luận điệu sai trái, thù địch trên không gian mạng vừa khoa học vừa đạt hiệu quả cao.

Năm là, tham gia các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học, các lớp tập huấn về công tác tuyên truyền trên mạng xã hội; nâng cao trình độ công nghệ thông tin trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên nền tảng số.

Sáu là, lồng ghép việc tuyên truyền trên không gian mạng thông qua các bài giảng lý luận chính trị trực tuyến, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thực tế tại cơ sở được ghi hình và tuyên truyền lên mạng xã hội./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H.2011, tr.647-648
2. Lê Minh Thanh (2010), *Truyền thông cá nhân trong xu thế bùng nổ thông tin hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Báo chí học, Khoa Báo chí, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.
3. *Đảng Cộng sản Việt Nam*, (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia- ST, Hà Nội, tr.146

KHẸNG ĐỊNH GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỘI DUNG TIÊN QUYẾT ĐỂ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội với những quan điểm sai trái, thâm độc và nguy hiểm đang ra sức xuyên tạc, chống phá nhằm loại bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ra khỏi đời sống tinh thần xã hội, phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Chính vì vậy khẳng định, làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ hết sức quan trọng, cấp bách, thường xuyên, liên tục nhằm củng cố niềm tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào cái nền “cốt” vững chắc của Đảng, cũng như đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

1. Sức sống trường tồn và giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin

Cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, lúc đầu là Mác và Ăngghen, sau đó là Lênin đã kế thừa và hoàn chỉnh ba trào lưu tư tưởng chủ yếu trong thế kỷ XIX, với những bộ phận hạt nhân, cốt lõi là Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp, đồng thời còn không ngừng làm giàu, phát triển bản thân bằng cách bổ sung thực tiễn phong phú của nhân loại, những thành tựu của khoa học khác... Trên nền tảng đó, các ông đã sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin - với tư cách là một “hệ thống các học thuyết khoa học và cách mạng” mà đến nay không một hệ thống tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa nào có thể vượt qua.

Chủ nghĩa Mác-Lênin, với khối lượng di sản tri thức vô cùng đồ sộ, phong phú và đa dạng bao gồm 105 tập (C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập (50 tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản năm 1995 và V.I. Lênin Toàn tập, (55 tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự

thật, xuất bản năm 2005). Đó là hệ thống các học thuyết, chứa đựng những tri thức phong phú, sâu sắc về triết học, kinh tế, chính trị, lịch sử, quân sự, luật học, dân tộc học, xã hội học, mỹ học, logic học, mối quan hệ giữa sự phát triển xã hội với giới tự nhiên...; là cội nguồn tri thức để hình thành nên rất nhiều bộ môn khoa học với những giá trị lịch sử, thời đại và khoa học to lớn. Với hệ thống lý luận hoàn chỉnh, gắn kết chặt chẽ với nhau, ngay từ khi mới ra đời, học thuyết Mác-Lênin đã giải thích được quy luật phát triển của xã hội loài người một cách khoa học, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể. Mác, Ăngghen và Lênin đã xây dựng nên một thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng để nhận thức và cải tạo thế giới “cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân, những công cụ nhận thức vĩ đại”, nhằm giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lênin khẳng định: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là

một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản”¹. Và do đó, chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là một học thuyết khoa học và cách mạng mà còn là “một học thuyết phát triển”, “chủ nghĩa nhân văn vì con người”².

Chủ nghĩa Mác-Lênin cũng không phải là thứ lý luận kinh viện, khép kín, nó luôn hướng về thực tiễn, thời đại; tiếp thu không ngừng nghỉ những thành tựu tư tưởng, khoa học ưu tú của nhân loại; trở thành “tinh hoa” của thời đại, linh hồn sống của văn hóa. Lênin đã nói: “Hệ tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản của chủ nghĩa Mác có ý nghĩa mang tính lịch sử thế giới, bởi vì nó không bài trừ những thành tựu đáng quý nhất của giai cấp tư sản, ngược lại đã tiếp thu và cải tạo tất cả những thứ có giá trị trong lịch sử hơn 2.000 năm phát triển tư tưởng và văn hóa nhân loại”³. Vì vậy, mọi toan tính xem xét chủ nghĩa Mác bên ngoài con đường phát triển của văn hóa nhân loại, biến nó thành một học thuyết biệt phái, “đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới” đều là biểu hiện của cách tiếp cận mang tính xuyên tạc, trái với chân lý”⁴. Và do vậy, sự ra đời của chủ nghĩa Mác-Lênin là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng loài người; giá trị đó lan tỏa rộng khắp toàn cầu, có sức cuốn hút tư tưởng vô cùng mạnh mẽ và kỳ lạ trên phạm vi toàn thế giới.

Thế giới ngày nay có nhiều điểm mới khác xa với thế giới ở thời điểm chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời và phát triển. Chủ nghĩa tư bản kể từ sau cuộc khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa xã hội với sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, đang “tự điều chỉnh” và “chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng

đã đạt được nhiều thành tựu to lớn... Và nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển”⁵. Tuy vậy, “chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra”⁶, nhất là: Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa; các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm đề quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn...

Trong điều kiện đó, hệ thống lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn tiếp tục là vũ khí sắc bén phê phán hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nhà lý luận được vinh danh là người có sức ảnh hưởng lớn nhất thế giới hiện tại Eagleton trong cuốn sách *Vì sao Mác đúng* đã nhận định về địa vị, vai trò lịch sử của chủ nghĩa Mác như sau: “Với vai trò là người phê phán chủ nghĩa tư bản kể từ khi xuất hiện một cách triệt để nhất, nghiêm khắc nhất, toàn diện nhất, chủ nghĩa Mác đã làm cho thế giới của chúng ta thay đổi mạnh mẽ. Từ đó, có thể đoán định rằng, chừng nào chế độ chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì chủ nghĩa xã hội sẽ còn không bị diệt vong”⁷.

Sự biến sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, qua lăng kính của chủ nghĩa Mác-Lênin là sự sụp đổ của một mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa được coi là “mẫu mực” là “duy nhất đúng” (mô hình chủ nghĩa xã hội dựa trên nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu và bao cấp). Tuyệt nhiên, đó không phải là sự đổ

vỡ, sự “kết thúc lịch sử” của chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhân loại từ trước đến nay vẫn luôn hướng tới một xã hội tốt đẹp mà trong đó: Sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có⁸. Những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội, là giá trị trường tồn, bất biến của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu lý tưởng, xu thế thời đại vẫn là động lực thôi thúc giai cấp công nhân, các Đảng Cộng sản và hàng triệu triệu người lao động trên thế giới hành động để biến nó thành hiện thực sinh động.

Thực tiễn lịch sử xã hội đã xác nhận, 175 năm trôi qua kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (2/1848) ra đời, đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác, mặc dù thực tiễn có nhiều thay đổi, khoa học, công nghệ có bước phát triển vượt bậc nhưng linh hồn, bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn giữ nguyên giá trị. Lịch sử càng lùi xa càng tỏ rõ, chứng minh sinh động, có sức thuyết phục cho giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh - kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam - giá trị dân tộc và thời đại

Trên hành trình vạn dặm đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin con đường cách mạng chân chính, con đường cứu nước đúng đắn. Người đã nhận thức rằng, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”⁹, và “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”¹⁰. Hồ Chí Minh đã đặt trọn niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy lý luận đó làm ngọn đèn soi đường, làm kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam để giành độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động cùng khổ, xây dựng xã hội mới vì Nhân dân, vì con người.

Điều trăn trở của Hồ Chí Minh là “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”¹¹. Vì vậy, Người đặt vấn đề cần phải “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc theo phương Đông”¹². Từ đó, khác với Mác, Ăngghen và Lênin, Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm đặc biệt đến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Theo Người, độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng. Mục tiêu cao nhất của mọi cuộc đấu tranh là nhằm thoát khỏi ách áp bức bóc lột của giặc ngoại xâm, giành độc lập, tự do, hòa bình để xây dựng đất nước, đảm bảo cho Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và đó cũng là mục tiêu cao cả của Người “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ

quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”¹³.

Đầu năm 1930, khi soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã hoạch định con đường phát triển của dân tộc từ một nước thuộc địa đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua nhiều giai đoạn chiến lược cách mạng khác nhau: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹⁴. Đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc và theo đuổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin, cách mạng nước ta đã đạt được những thắng lợi, những thành quả to lớn, quan trọng, có ý nghĩa lịch sử và mang tầm vóc thời đại trong xuyên suốt chiều dài lịch sử thế kỷ XX và nay là đầu thế kỷ XXI: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945; thắng lợi của 30 năm kháng chiến, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp Đổi mới.

Thực tiễn thắng lợi đó đã chứng minh, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam, soi đường, dẫn dắt để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn; là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng. Tư tưởng của Người là sản phẩm của dân tộc và thời đại, có giá trị trường tồn, bất diệt, là tài sản vô giá của dân tộc ta. Với ý nghĩa đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Tuy nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở giá trị dân tộc mà tư tưởng của Người còn có ý nghĩa to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, vì hòa

bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Bởi, tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng thời đại: khát vọng độc lập tự do của các dân tộc trên thế giới trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; khơi dậy các phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc cho các dân tộc thuộc địa và bị áp bức trên thế giới. Công hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh là từ nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng vào những điều kiện cụ thể, Hồ Chí Minh đã hình thành lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hồ Chí Minh đồng thời là một trong những lãnh tụ cách mạng đi đầu trong việc nghiên cứu chủ nghĩa thực dân, tìm ra con đường cách mạng giải phóng nhân dân các nước thoát khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân. Dưới sự dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh, thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX có ý nghĩa thời đại. Tư tưởng và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Hồ Chí Minh cùng với những thắng lợi của cách mạng Việt là một tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

Ghi nhận những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội, Nghị quyết 24C/18.6.5 của Khóa họp 24 Đại hội đồng UNESCO (từ 20/10 đến 20/11 năm 1987) về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân và việc kỷ niệm các sự kiện lịch sử quan trọng đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại, khẳng định: “Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và

tiến bộ xã hội... Những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc”.

3. Khẳng định giá trị bền vững và sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chính là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, của cương lĩnh chính trị và đường lối lãnh đạo của Đảng

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước hết là bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với bản chất cách mạng và khoa học của mình, không chỉ là học thuyết, tư tưởng chỉ để giải thích thế giới mà còn quan trọng hơn là cải tạo thế giới. Điều quan trọng là học thuyết ấy, tư tưởng ấy phải được vận động, vận dụng, phát triển trong thực tiễn, thực tế thì mới thể hiện và khẳng định được sức sống và giá trị của mình. Chính thực tiễn Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam là sự hiện thực hóa những giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hay nói cách khác, những thắng lợi vĩ đại mang ý nghĩa thời đại của cách mạng Việt Nam chính là sự “hiện thân” của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bởi vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là không chỉ bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách học thuyết, tư tưởng cách mạng mà còn phải phải bảo vệ những những thành tựu và biểu hiện cụ thể của nền tảng tư tưởng đó trong thực tiễn đổi mới đất nước. Với ý nghĩa đó, Nghị quyết 35-NQ/

TW ngày 22/10/2018 của BCT khóa XII đã khẳng định: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Hơn thế nữa, Đảng cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đưa chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước; vạch ra cương lĩnh, đề ra đường lối, chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng; tổ chức dân chúng thành một lực lượng cách mạng mạnh mẽ, thành một khối đoàn kết vững chắc làm nên những thắng lợi to lớn, vĩ đại và có ý nghĩa lịch sử, trong đó có thắng lợi của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam với nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nhân tố tiên quyết thành công của cách mạng.

Ngày nay, để tiếp tục xứng đáng với vai trò của một Đảng cách mạng tiên phong, đòi hỏi Đảng ta phải vững vàng, trưởng thành hơn, phải vượt lên chính bản thân mình, “dám” nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật để đấu tranh nhằm khắc phục, loại bỏ những khuyết điểm trong Đảng. Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đẩy mạnh xây dựng, chính đôn Đảng, để Đảng ta thực sự

“là đạo đức, là văn minh”, xứng đáng “vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân”... Có như vậy, Đảng mới thực sự trở thành và tự thân trở thành nhân tố đầu tiên quyết định thành công của cách mạng.

4. Không thể phủ nhận, tách rời chủ nghĩa Mác-Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta

Các quan điểm sai trái, thù địch nhằm xuyên tạc, chống lại chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lúc nào cũng diễn ra, lúc ngầm ngấm, lúc công khai nhưng chưa bao giờ thâm độc và mạnh mẽ như giai đoạn hiện nay.

Vai trò, giá trị và ý nghĩa của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam trước đây, cũng như đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian tới là vô cùng to lớn. Vai trò, giá trị và ý nghĩa ấy bắt nguồn từ chỗ Hồ Chí Minh đã “vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta”, đồng thời “kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận phát triển mới trong một giai đoạn mới của chủ nghĩa Mác-Lênin, không thể tách rời những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Vì thế, không thể chỉ lấy tư tưởng Hồ Chí Minh mà gạt bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định “Cách mệnh trước hết phải có... đảng cách mệnh. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chân chính nhất, chắc

chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹⁵.

Chúng ta không hề phủ nhận, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, có những giai đoạn chúng ta có hạn chế, sai lầm. Nhưng những sai lầm, hạn chế đó tuyệt nhiên đó không phải là lỗi của chủ nghĩa Mác-Lênin, của tư tưởng Hồ Chí Minh. Mà do từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, mà trước hết chính là do chúng ta không nhận thức đầy đủ những vấn đề lý luận, bảo thủ với những tín điều và kinh nghiệm cũ, thiếu sáng tạo trong giải pháp, chính sách giải quyết các nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Thế nên, nếu đánh đồng những sai lầm, hạn chế, khó khăn và cả những ách tắc trong con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa là bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó đi đến phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng đó là sự tư biện hết sức vô lý, mâu thuẫn và hoàn toàn sai lầm. Mang lại tự do, hạnh phúc và một xã hội tốt đẹp cho nhân loại là mục tiêu xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vậy mà “thừa nhận con đường xã hội chủ nghĩa của cách mạng nước ta nhưng không thừa nhận vai trò nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin khác nào ở trên tầng cao của tòa nhà mà không thừa nhận nền móng của tòa nhà, mong muốn thu hoạch trái cây mà không quan tâm đến gốc rễ của cây”¹⁶.

Đảng Cộng sản Việt Nam với bản lĩnh, trí tuệ của mình, trên cơ sở nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, kế thừa di sản tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những bước đi đúng đắn về nhận thức, sự đổi mới mạnh mẽ về chính sách kinh tế - xã hội... để có được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong hơn 35 năm đổi mới. Hay nói cách khác: Trọng những nguyên nhân quyết định đến thắng lợi vĩ đại của công cuộc đổi mới đất nước, là có đường lối đúng đắn của Đảng:

Kiên định nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng linh hoạt và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam trong điều kiện và hoàn cảnh mới. Và do vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với bản chất khoa học và cách mạng có giá trị bền vững, tiếp tục định hướng cho sự nghiệp đổi mới và phát triển của cách mạng Việt Nam.

Kết luận:

Có một thực tế rằng, những quan điểm sai trái, thù địch hiện nay về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của toàn xã hội nói chung và một bộ phận cán bộ, đảng viên nói riêng; không chỉ gây mất niềm tin, chúng còn dẫn tới những lệch lạc nhất định về nhận thức và hành động, góp phần đẩy nhanh tốc độ “tự chuyển hóa”, “tự diễn biến” của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã và đang trên đà thoái hóa biến chất.

Điều đó nhắc nhở chúng ta rằng, cần phải cảnh giác với nhận thức của mình về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm hiểu rõ hơn, quán triệt sâu sắc, thường xuyên hơn những nguyên lý khoa học, những giá trị bền vững, quan điểm thực tiễn, quan điểm lịch sử - cụ thể, tránh bệnh chủ quan, giáo điều khi vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng, phát triển đất nước; phải luôn cảnh giác với những quan điểm sai lầm, xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin, xa rời lý tưởng cách mạng cao cả mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn, xa rời những thành tựu cách mạng to lớn mà bao đảng viên, cán bộ và đồng bào ta đã ngã xuống, đã cống hiến sức lực và trí tuệ để giành được, vun đắp và giữ gìn cho đất nước, cho dân tộc. Đồng thời, đấu tranh không khoan nhượng, vạch trần bản chất các quan điểm sai lầm, luận điệu xuyên

tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đưa ra các luận cứ để đấu tranh, phản bác không chỉ để bảo vệ tính khoa học, nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là nâng cao nhận thức và hành động mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vì mục tiêu và lý tưởng chủ nghĩa xã hội cao đẹp trên con đường bước tới tương lai./.

Tài liệu tham khảo:

¹V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.50.

²Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh và tương đương quản lý (đối tượng 4)*, Nxb Lý luận chính trị, tr. 47.

³Văn tuyển Lênin (2009), *Bản về chủ nghĩa xã hội*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 2009, tr.167

⁴V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.59.

^{5,6,8}Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc (Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2021 và toàn khóa*, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2021 tr 16-17, 17, 23-24

⁷Terry Eagleton (Anh) (2011), *Vì sao Mác đúng*, Nxb Tân Tinh, tr.6-7.

^{9,15}Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289, 286

¹⁰Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563

^{11,12}Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.509-510, 510

¹³Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.52

¹⁴Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1

¹⁶Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương, GS.TS Vũ Văn Hiền (chủ biên): *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.65

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quan điểm này đặt ra yêu cầu cần phải có sự thống nhất trong nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tính tất yếu của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ đó củng cố niềm tin, cung cấp cơ sở đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”¹. Trong tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết,

tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”². Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội thì việc đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định là nhiệm vụ cấp thiết và tối quan trọng.

Thực tiễn quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, không phải khi nào và ở đâu việc nhận thức về tính tất yếu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng được thống nhất và đúng đắn, điều đó đã gây không ít khó khăn

thậm chí là những cản trở trong tiến trình hiện thực hóa quan điểm của Đảng và ước nguyện của Nhân dân về xây dựng và hoàn thiện một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tập trung ở một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, các thế lực thù địch tập trung xuyên tạc phủ nhận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng thường rêu rao rằng bản chất Nhà nước ta là độc tài, mất dân chủ; lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền các thế lực thù địch không ngừng bôi nhọ, xuyên tạc, bóp méo việc thực hiện dân chủ ở nước ta.

Thứ hai, thế lực thù địch thường lợi dụng một số hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta để phủ nhận những, thành tựu trong điều hành quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ và cổ xúy cho tư tưởng “tam quyền phân lập” cho đó là chìa khóa vạn năng để thay đổi bộ mặt nhà nước và đấu tranh hiệu quả với tham nhũng, tiêu cực.

Thứ ba, các thế lực thù địch đưa ra nhiều luận điệu xuyên tạc thiếu cơ sở khoa học nhằm phê phán, bác bỏ tính chất pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng cho rằng Nhà nước pháp quyền là sản phẩm, là giá trị riêng có của các nước tư bản, Việt Nam đặt lại vấn đề xây dựng hoàn thiện nhà nước pháp quyền là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Các thế lực thù địch thường tung hô rằng Nhà nước pháp quyền là sản phẩm riêng có của các nước tư bản, là thành quả tuyệt vời của cuộc cách mạng tư sản khi lật đổ chế độ phong kiến. Chúng còn cho rằng việc Việt Nam xây dựng nhà nước pháp

quyền là sự nhập khẩu máy móc của nhà nước pháp quyền tư sản và sẽ không bao giờ thành công ở đất nước Việt Nam.

Để có đủ căn cứ đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, trước hết chúng ta cần có những lập luận khoa học và thuyết phục nhằm làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch đồng thời củng cố niềm tin tất thắng của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này tác giả đề cập một số vấn đề mang tính nhận thức luận nhằm góp phần đấu tranh phản bác lại những quan điểm sai trái, thù địch, góp phần thống nhất về mặt nhận thức, từ đó làm cơ sở cho việc bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thứ nhất, việc Đảng ta khẳng định tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là một nhận thức đúng đắn, khoa học và là sự vận dụng sáng tạo, thể giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những giá trị, tinh hoa của nhân loại về nhà nước pháp quyền vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Việc các thế lực thù địch cho rằng Nhà nước pháp quyền là sản phẩm riêng có của các nước tư bản là một nhận định hoàn toàn sai trái, không có cơ sở thực tiễn và phản khoa học. Nhà nước pháp quyền là sản phẩm của văn minh nhân loại, là mục tiêu của xã hội loài người, điều này đã được phản ánh thông qua nhận thức của các nhà tư tưởng thời kỳ cổ đại như Xôcrat (469-399 Tr.CN), Arixtôt (384-322 Tr.CN), Xixêrôn (106-43 Tr.CN). Thời kỳ cổ đại các nhà tư tưởng đã nhận thấy các giá trị cốt lõi làm nên tính pháp quyền của một nhà

nước đó là giá trị dân chủ, là tính thượng tôn pháp luật, là việc đấu tranh chống lại sự chuyên quyền của Nhà nước và cũng chính những tư tưởng này đã được các nhà tư tưởng chính trị và pháp lý tư bản sau này như John Locke (1632-1704), Montesquieu (1698-1755), J.J. Rút-xô (1712-1778), I. Kant (1724-1804), Hêghen (1770-1831) phát triển như một thể giới quan pháp lý mới. Như vậy, nhận thức về Nhà nước pháp quyền đã bắt đầu manh nha xuất hiện từ thời cổ đại và nó được hoàn thiện dần trong suốt chiều dài của tiến trình lịch sử nhân loại chứ không phải là sản phẩm riêng có của các nước tư bản. Việc Việt Nam nhận thức và vận dụng các giá trị khoa học của tư tưởng nhân loại về nhà nước pháp quyền vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam là hoàn toàn có cơ sở khoa học và đầy tính thuyết phục. Mặt khác, chúng ta cần khẳng định rằng, Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, bởi kiểu nhà nước thường gắn với kiểu hình thái kinh tế - xã hội, gắn với kiểu giai cấp. Nhà nước pháp quyền là các thức tổ chức thực thi quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức điều hành quản lý xã hội. Nghĩa là nhà nước sẽ sử dụng pháp luật là công cụ cơ bản và hữu hiệu để điều hành và quản lý xã hội, nhà nước cam kết tôn trọng thực hiện đầy đủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật một cách vô điều kiện. Chính vì vậy, việc Việt Nam sử dụng cách thức tổ chức điều hành và quản lý xã hội một cách khoa học, mang lại lợi ích cho nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là một việc làm hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo. Về hình thức và bản chất nhà nước Việt Nam là nhà nước xã hội chủ nghĩa, mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ hai, việc Đảng ta khẳng định tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là yêu cầu mang tính tất yếu của sự nghiệp đổi mới mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Đó là, yêu cầu của việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đặc biệt là yêu cầu tổ chức, hoạt động của Nhà nước theo pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật. Những yêu cầu này càng khẳng định tính khách quan, cấp bách của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu nhất quán lâu bền được Đảng và nhân dân ta lựa chọn. Việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải đề cao giá trị của pháp luật để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất từ một khung pháp lý hoàn thiện, duy trì được sự hợp tác trong cạnh tranh, bảo đảm nền kinh tế phát triển đúng định hướng và yêu cầu quản lý xã hội. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới đã chứng minh, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với một hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán, mới đủ khả năng đưa nền kinh tế thị trường phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, cần khẳng định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo là ước nguyện của toàn thể nhân dân Việt Nam, là quyết tâm của cả hệ thống chính trị. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân và tạo ra cơ chế vận hành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Dân chủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là

dân chủ thực chất, dân chủ rộng rãi nhất, ở đó Nhân dân được thực sự là chủ, làm chủ; tất cả quyền lợi đều thuộc về Nhân dân. Ở đó các quyết sách của Đảng và nhà nước đều bắt nguồn từ đời sống Nhân dân, với một mục tiêu xuyên suốt và nhất quán là: Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Ở đó người dân tin tưởng tuyệt đối và gửi gắm niềm tin vĩnh cửu cho lực lượng lãnh đạo là Đảng cộng sản Việt Nam; người dân tin và tự hào với những thành quả mà đất nước ta đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Còn dân chủ tư sản là dân chủ hình thức, dân chủ cho một bộ phận rất nhỏ trong xã hội nhưng lại nắm hầu hết của cải của xã hội. Bản chất không thể thay đổi của chế độ tư bản là bóc lột, chỉ có điều nghệ thuật bóc lột ngày càng tinh vi, xảo quyệt để hòng che lấp bản chất cố hữu của chế độ mình. Đối với hệ thống chính trị nước ta luôn được vận hành một cách thông suốt, nhịp nhàng và hiệu quả theo cơ chế chủ đạo là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Để cơ chế này thực sự có hiệu quả đòi hỏi Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò của Nhân dân trong hoạch định và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn trong những năm vừa qua đã chứng minh, việc tôn trọng và phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân với phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng, đã gặt hái được rất nhiều thành quả đáng trân trọng, nhất là trên trận tuyến phòng chống dịch Covid 19 hay trong điều hành và quản lý xã hội, phát huy vai trò vị trí, quyền làm chủ của người dân; đời sống của Nhân dân về vật chất và tinh thần ngày được nâng cao, các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân được tôn trọng và bảo vệ; mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước ngày càng được thắt chặt; niềm tin của Nhân dân

vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của chính quyền ngày càng được củng cố và nâng cao; dân tin Đảng, tin vào chính quyền, Đảng và chính quyền dựa vào dân lấy sức mạnh, nguồn cảm hứng, động lực và mục tiêu để lãnh đạo và điều hành đất nước và xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đây vừa là bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, bản chất của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đồng thời cũng là yêu cầu, là thước đo, là mục tiêu và là động lực để xây dựng một xã hội không có áp bức bóc lột, một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc Đảng cộng sản Việt Nam quyết tâm xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn có cơ sở lý luận khoa học và cơ sở thực tiễn, mặt khác đây còn là mong muốn của toàn thể nhân dân Việt Nam là xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để hiện thực hóa được ước mơ của nhân dân, hoàn thành được mục tiêu mà Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định, chúng ta cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ cơ bản cơ bản sau:

Một là, tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế chính sách một cách đồng bộ hiệu lực và hiệu quả. Ở nước ta hiện nay, hoàn thiện hệ thống thể chế có tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả. Trong đó, để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, đồng bộ, định hướng xã hội chủ nghĩa, theo Tổng Bí thư cần phải “Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là về thể chế, chính sách”³.

Thực tế trong những năm qua, hệ thống thể chế ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi tiến bộ, tuy nhiên hệ thống pháp luật còn có một số quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội mà thực tiễn đòi hỏi. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. Thêm vào đó tình trạng hệ thống thể chế thiếu tính khả thi, thiếu tính công khai, minh bạch và thiếu tính ổn định vẫn còn xảy ra làm cản trở tiến trình đổi mới và phát triển đất nước.

Hai là, cần sớm hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Đối với cơ quan Quốc hội, cần tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xây dựng luật, đảm bảo luật khi ban hành tính khả thi cao, đồng bộ dễ tiếp cận; đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật; ưu tiên xây dựng mới, bổ sung các đạo luật ở các lĩnh vực trọng điểm có ý nghĩa then chốt, có tính khả thi cao, tạo sự bứt phá và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan lập pháp sẽ góp phần vào quá trình xây dựng, hoàn thiện đồng bộ, đầy đủ hệ thống thể chế phục vụ tốt cho thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh mới.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Vận hành đồng bộ và hiệu quả hai cơ chế giám sát quyền lực nhà nước đó là cơ chế giám sát bên trong và cơ chế giám sát bên ngoài, trong đó luôn coi trọng và đề cao vai trò của Nhân dân trong giám sát các hoạt động của các cơ quan nhà nước và

đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Bên cạnh đó cần sớm hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong thực thi công vụ một cách hiệu quả nhằm ngăn chặn sự tùy tiện của các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy lùi hiện tượng “tha hóa” quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân; sớm xây dựng cơ chế để Nhân dân được giám sát hiệu quả với quyền lực mà mình đã ủy quyền cho Nhà nước.

Để xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, trong chặng đường tiếp theo của quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúng ta sẽ còn đối mặt với rất nhiều khó khăn và thử thách. Bởi vậy, chúng ta cần đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để từng bước hoàn thiện về hệ thống lý luận. Đặc biệt luôn chủ động trong đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, đấu tranh có hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch, xây dựng và củng cố niềm tin của Nhân dân, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào sự thành công của sự nghiệp đổi mới mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1 tr174, NXB Chính trị quốc gia Sự thật 2021.
2. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr24
3. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*. Sdd, Trang 58 .

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ TRỞ THÀNH “BỨC TƯỜNG THÀNH”, “BỘ LỘC” QUAN TRỌNG GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt: Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tác động trực tiếp đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống của người dân và cộng đồng dân cư. Đây chính là bước đi đầu tiên trong việc củng cố và phát huy những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc, nâng cao những thành tựu văn hóa hiện có và từng bước xây dựng đời sống văn hóa tiên bộ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ tạo nên “bức tường thành”, “bộ lộc”, tạo sức đề kháng trong nhân dân, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đập tan âm mưu xuyên tạc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

Đời sống văn hóa ở cơ sở là toàn bộ các sinh hoạt văn hóa diễn ra ở cơ sở, là đời sống văn hóa diễn ra ở cộng đồng gia đình, làng, bản, xóm, ấp, doanh nghiệp cơ quan, bệnh viện... Đặc điểm cơ bản của đời sống văn hóa ở cơ sở là các hoạt động văn hóa diễn ra gắn liền với sinh hoạt vật chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng trong các mối liên hệ thường xuyên và trực tiếp với không gian địa lý nhất định cùng với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và các thiết chế văn hóa nhất định. Mỗi cộng đồng dân cư sống cố định và hình thành một tổ chức hành chính (xã, phường, trường học, bệnh viện...) hay một cộng đồng nhỏ hơn (gia đình, làng, xóm...) đều có thể được xem là đơn vị văn hóa cơ sở.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm nền tảng tinh thần của xã hội, tạo động lực để

đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới của đất nước. Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là xây dựng văn hóa ngay từ trong gia đình và trong cộng đồng dân cư, cộng đồng nghề nghiệp diễn ra sinh hoạt văn hóa thường nhật của quần chúng nhân dân; được bắt đầu từ việc tạo dựng đời sống ấm no, hạnh phúc, bảo vệ môi trường sống xanh - sạch - đẹp an toàn cho nhân dân. Song song đó là quá trình hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao; phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa, làng (thôn, ấp, bản), tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn nông thôn mới, phường đạt chuẩn văn minh đô thị, công tác tuyên truyền cổ động, công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, hoạt động văn nghệ quần chúng, công tác sưu tầm, khai thác và bảo vệ di sản văn hóa. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở cũng đồng nghĩa với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghệ

thuật, tạo dựng một lối sống văn minh, lịch sự, những phong tục tập quán tốt đẹp, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa phù hợp với trào lưu văn hóa tiên bộ của nhân loại; để phát triển con người toàn diện cả về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm của xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Vì thế có thể khẳng định xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở giữ vị trí hết sức quan trọng, có tác động trực tiếp đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống của người dân và cộng đồng dân cư; là bước đi đầu tiên trong việc củng cố và phát huy những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc, nâng cao những thành tựu văn hóa hiện có và từng bước xây dựng đời sống văn hóa tiên bộ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để “văn hoá thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được Trung ương khởi xướng và phát động từ năm 2000 với 05 nội dung: Đoàn kết giúp nhau “Xóa đói giảm nghèo”; thực hiện nếp sống văn hóa, kỷ cương pháp luật; xây dựng môi trường sạch - đẹp - an toàn; xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở và phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; xây dựng tư tưởng, chính trị lành mạnh và 07 phong trào cụ thể: Xây dựng gia đình văn hóa; ấp khóm, tổ

dân phố văn hóa; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường đạt chuẩn văn minh đô thị, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; học tập, lao động sáng tạo; xây dựng người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

Sau hơn 20 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được toàn dân đón nhận hưởng ứng với sức lan tỏa mạnh mẽ, thực sự trở thành một cuộc vận động lớn có tác động tích cực, sâu sắc đến nhiều lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực với những kết quả quan trọng. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phát triển đa dạng và phong phú; trình độ dân trí không ngừng được nâng cao. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn và phát huy; các giá trị, chuẩn mực văn hóa mới được hình thành. Các sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Người dân có nhiều cơ hội để sáng tạo cũng như hưởng thụ các giá trị văn hóa. Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa được mở rộng góp phần xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa; cảnh quan văn hóa và hoạt động văn hóa trong cộng đồng được tổ chức ngày càng chất lượng, hiệu quả. Tất cả những kết quả đạt được đã tạo nên sự thay đổi căn bản diện mạo các thôn, xóm, làng, khối phố, cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, củng cố hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng - an ninh, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo tồn và phát

huy các giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, vững chắc. Từ đó làm cho người dân thêm tin tưởng, tự hào về những thành quả của công cuộc đổi mới đất nước với vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa ở một số nơi, một số thời điểm chưa tương xứng với những thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh; chưa thực sự tác động mạnh mẽ xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh; sự chênh lệch trong hưởng thụ các giá trị văn hóa giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và đồng bằng... nhất là sự khó khăn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bằng dân tộc thiểu số trong xây dựng, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa; thực hiện nếp sống văn minh; hoạt động thông tin văn hóa, văn nghệ quần chúng; khai thác và bảo vệ di sản văn hóa. Lợi dụng những hạn chế đó trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi phương thức, thủ đoạn chống phá làm xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để tác động vào tâm lý, sở thích, kích thích những ham muốn vật chất của mỗi người dân; từng bước làm thay đổi các chuẩn mực giá trị xã hội, đạo đức, lối sống, làm cho một bộ phận nhân dân nhận thức không đầy đủ về trách nhiệm cộng đồng; chạy theo lợi ích vật chất, chỉ biết đến “cái tôi” mà quên đạo nghĩa, quay lưng lại với truyền thống và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Chúng đã lợi dụng triệt để những khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần cũng như trình độ nhận thức của một bộ phận người dân để xuyên tạc các quan điểm đường lối của Đảng, thổi phồng sai phạm của một số cá nhân, tổ chức để từ đó phủ nhận những

thành quả của công cuộc đổi mới đất nước; lợi dụng danh nghĩa vấn đề dân tộc, tôn giáo để truyền đạo trái pháp luật, đội lốt tôn giáo hoạt động chính trị, móc nối xây dựng cơ sở. Đi liền với việc truyền bá các tà đạo, chúng khuyến khích đồng bào các dân tộc duy trì tập tục lạc hậu, phản khoa học. Để truyền tải các nội dung xuyên tạc, chúng đã sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh, các nền tảng mạng xã hội và in ấn các văn hóa phẩm bằng ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc; thông qua các hoạt động thăm thân, nghiên cứu khoa học, hội thảo, hoạt động từ thiện của những người từ nước ngoài về hoặc những người có uy tín trong dòng họ, các chức sắc tôn giáo với phương châm “mưa dầm thấm lâu” để thực hiện âm mưu kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tư tưởng ly khai dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự đoàn kết thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Sự việc các thế lực thù địch kích động gây nên vụ án tấn công trụ sở chính quyền ở xã Ea Ktur, Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/6/2023 càng cho thấy sự thâm độc và sự nguy hiểm của các hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Theo Bộ Công an, đây là hoạt động khủng bố có tổ chức, được trang bị các loại vũ khí nhằm chống chính quyền nhân dân gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng với hành vi rất manh động, liều lĩnh, man rợ, mất nhân tính. Lực lượng chức năng đã bắt giữ 84 đối tượng, trong đó có đối tượng là thành viên của một tổ chức có trụ sở ở nước ngoài, nhận lệnh chỉ đạo từ tổ chức này xâm nhập về Việt Nam và dàn dựng vụ tấn công. Sự thực đó cho thấy, hoàn toàn không có cái gọi là người Thượng vì phần uất, “bị cướp hết đất đai”, “bị phân biệt đối xử”, “bị đẩy đến đường cùng”... như luận điệu các thế lực thù địch rêu rao

trên các nền tảng mạng xã hội thời gian qua. Âm mưu cơ bản, lâu dài của các thế lực thù địch đối với địa bàn Tây Nguyên là tuyên truyền, lôi kéo, kích động đồng bào các dân tộc đòi ly khai, tự trị, thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga” hoặc “Nhà nước Đêga Cao nguyên” ở Đông Dương, tách Tây Nguyên ra khỏi đại gia đình các dân tộc và chủ quyền lãnh thổ Việt Nam; biến Tây Nguyên thành khu vực mất ổn định, vùng “tự trị”, tiến tới thành lập “nhà nước độc lập”. Kích động mâu thuẫn để hình thành các “điểm nóng xung đột”, làm mất ổn định an ninh, chính trị, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta.

Những sự việc cụ thể nêu trên đã đặt ra những yêu cầu mới đối với nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; tạo môi trường văn hóa lành mạnh để nhân dân sinh hoạt văn hóa trên cơ sở tôn trọng, bảo tồn, phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, tạo nên nền tảng tinh thần, động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội để cuộc sống vật chất từng bước được nâng lên; cùng với đó thực hiện tốt hoạt động văn hóa thông tin ở cơ sở để tuyên truyền các quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến tận người dân, để không còn hiện tượng “thiếu cái chữ trong đầu” vừa thiếu cả “hạt cơm trong bụng” dẫn tới dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng. Từ đó để nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số càng thêm lạc quan, tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Để làm được điều đó, thiết nghĩ trong thời gian tới cần tập trung thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ như sau:

Thứ nhất, cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở cần nhận thức đúng vai trò của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, là động lực và sức mạnh

nội sinh của sự phát triển; là tài nguyên vốn quan trọng của mỗi quốc gia, là “sức mạnh mềm” đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. Trên cơ sở nhận thức được vai trò của văn hóa để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”. Chú trọng đảm bảo quyền sáng tạo, tiếp cận và hưởng thụ các thành quả, giá trị văn hóa giữa các vùng miền, dân tộc, giữa thành thị và nông thôn.

Thứ hai, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện tốt các nội dung trong xây dựng văn hóa ở cơ sở từ vận hành các thiết chế văn hóa, tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, hoạt động truyền thông sẽ thu hút đông đảo người dân tham gia, không kể nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi, qua đó vừa xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc vừa kịp thời nắm bắt tâm tư tình cảm của người dân, góp phần làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, định hướng dư luận, nhất quyết không tạo cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động bà con nhân dân dẫn tới những sự việc đáng tiếc như vừa qua ở Đắk Lắk.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Đây là nhân tố quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ”. Xuất phát từ đặc thù của lĩnh vực văn hóa, đội ngũ này cần có vốn sống, kinh nghiệm,

nắm chắc quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; đặc biệt đối với cán bộ văn hóa ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần phải nói được tiếng dân tộc, am hiểu phong tục, truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, cùng tham gia vào những hoạt động biểu diễn, tục lệ, nghi thức; hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số cách thức, biện pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa bản địa trong bối cảnh lịch sử mới.

Thứ tư, thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực xã hội hóa cho lĩnh vực văn hóa, trong đó chú trọng đầu tư cho những vùng còn nhiều khó khăn để hỗ trợ phát triển mạng lưới các thiết chế văn hóa, triển khai các hoạt động tuyên truyền trong vùng dân tộc thiểu số thông qua việc tăng cường xuất bản các ấn phẩm, kênh truyền thanh tiếng dân tộc thiểu số để người dân tiếp cận kịp thời, hiệu quả các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ năm, các cơ quan có thẩm quyền cần thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, giám sát trên lĩnh vực văn hóa để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm những sai phạm nhất là trên lĩnh vực văn hóa, thông tin tư tưởng.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ sống còn, liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng, chế độ ta. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là đòi hỏi khách quan, là nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt, vừa thường xuyên, cơ bản, lâu dài. Xét cho cùng, âm mưu của các thế lực thù địch khi đưa ra các luận điệu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, phủ nhận những thành

tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Đảng và nhân dân ta đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó làm cho nhân dân mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước, cuối cùng là tiến tới lật đổ chế độ ở nước ta. Vì thế cần phải kịp thời thực hiện đồng bộ đưa ra các giải pháp nhằm đập tan các luận điệu xuyên tạc, giữ vững niềm tin của nhân dân cũng như tạo ra sức đề kháng cho toàn xã hội trước những thông tin “xấu”, “độc”, những thủ đoạn hết sức tinh vi trong hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Một trong những giải pháp quan trọng đó là việc nâng cao chất lượng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở để củng cố và phát huy những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc, phát triển con người toàn diện cả về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn - nguồn lực quan trọng từng bước xây dựng đời sống văn hóa tiến bộ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII): *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tập I,II.
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước*, Nxb Lý luận chính trị, H.2016.
4. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Sổ tay Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Nxb Lý luận chính trị, H.2022.
5. Hội đồng lý luận trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về chính trị trong nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2017.

PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC, PHỦ NHẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN



ThS. NGUYỄN THỊ LAM

Khoa Xây Dựng Đảng

Tóm tắt: Quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ bản chất, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Đảng. Khi đảng viên làm cho dân tin, dân phục, dân yêu cũng là làm cho dân tin Đảng và yêu Đảng. Ngược lại, đảng viên thoái hóa, biến chất thì niềm tin của dân đối với Đảng bị xói mòn, sức mạnh của Đảng bị giảm sút. Hiện nay, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi cách để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Vì vậy, đấu tranh bác bỏ luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ uy tín của Đảng, bảo vệ mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân là việc làm cấp thiết.

Mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân là nhân tố quyết định sức mạnh của Đảng và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc đã chứng minh rằng: chở thuyền cũng là dân và lật thuyền cũng là dân. Kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn nhận thức một cách sâu sắc về vị trí, vai trò của Nhân dân trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Theo Người, “Trong bầu trời không có gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân”⁽¹⁾; “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”⁽²⁾. Người luôn đặt niềm tin vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, luôn tin tưởng rằng chỉ có đoàn kết, tập hợp lực lượng đông đảo của quần chúng nhân dân mới tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn để có thể chiến thắng được kẻ thù.

Trong mọi giai đoạn lịch sử của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đều gắn bó mật thiết với Nhân dân, luôn lấy lợi ích của Nhân dân làm nền tảng cho những quyết sách, đường lối của mình; đồng hành và lãnh đạo Nhân dân trong quá trình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên luôn gương mẫu, gần dân, hiểu dân, vì lợi ích của Nhân dân; vì vậy, Nhân dân luôn tin vào Đảng, ủng hộ Đảng, hết lòng vì cách mạng, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của, thậm chí cả xương máu, tính mạng của mình cho cách mạng, góp phần tạo nên sức mạnh của Đảng ta, là yếu tố làm nên thắng lợi của cách mạng nước ta. Thông qua mối quan hệ mật thiết với Nhân dân mà Đảng phát huy được vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đặc biệt là trong việc kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời phát huy được sức mạnh, trí tuệ

và lực lượng to lớn của Nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tấn công nhằm xuyên tạc, phủ định, phản bác, vu khống, bịa đặt trắng trợn để đưa ra những thông tin sai lệch mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, biểu hiện như:

Một là, xuyên tạc bản chất, mục tiêu của Đảng; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, chính quyền. Lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, quản lý, những khuyết điểm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, các thế lực thù địch đưa ra những quan điểm sai trái, thù địch, đả kích chế độ một đảng, coi đó là chế độ độc tài, mất dân chủ, sự áp đặt của Đảng, Nhà nước đối với Nhân dân; vu khống Đảng vi phạm Hiến pháp, đứng trên pháp luật; vu cáo Đảng không phải vì lợi ích của Nhân dân, của dân tộc mà vì lợi ích của một nhóm người cầm quyền... Mục đích của chúng là nhằm hạ thấp vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng, làm cho Nhân dân nghi ngờ về địa vị, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, làm phân hóa nội bộ Đảng và làm suy giảm lòng tin, mối quan hệ của Nhân dân với Đảng và chế độ.

Hai là, xuyên tạc, vu khống Đảng, Nhà nước Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, đàn áp tôn giáo, kỳ thị dân tộc để kích động biểu tình chống Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Luận điệu của chúng là xuyên tạc, vu khống Đảng, Nhà nước Việt Nam vi phạm dân chủ, cấm tự do ngôn luận, vi phạm nhân quyền, kỳ thị tôn giáo, phân biệt đối xử với các dân tộc thiểu số... với mục đích phá hoại khối đại đoàn kết dân

tộc, kích động hận thù dân tộc, kích động các vụ biểu tình, khiếu kiện đông người nhằm chống Đảng, Nhà nước, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định chính trị-xã hội.

Sự thật là, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03/02/1930 là sự kiện lịch sử trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đó đến nay Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta tiến hành những cuộc đấu tranh lâu dài, đầy gian khổ, hy sinh giành độc lập, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác lập trong thực tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước, được Nhân dân tin tưởng và thừa nhận. Hiến pháp 2013 đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán tư tưởng về sự thống nhất quyền lợi của các giai cấp và của cả dân tộc. Người cho rằng, “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”⁽³⁾; “việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh”⁽⁴⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi lợi ích dân tộc là mục tiêu chung của các giai cấp, các

tầng lớp trong xã hội; đồng thời, Người cũng coi lợi ích của giai cấp công nhân, lợi ích của dân tộc và loài người cũng là lợi ích của Đảng. Người khẳng định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”⁽⁵⁾. Đảng không phải chỉ đại biểu lợi ích của đảng viên, mà đại biểu lợi ích của toàn giai cấp công nhân, toàn thể dân tộc và loài người... Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và loài người, Đảng không có mục đích gì khác”⁽⁶⁾.

Quán triệt quan điểm đó, trong nhiều văn kiện của Đảng đã khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Cơ sở quyết định nhất của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là lợi ích của Nhân dân trong tương quan lợi ích giai cấp - dân tộc. Bản chất của dân chủ thực sự không phải là do chế độ một đảng hay đa đảng, mà là ở quyền lực nhà nước thực tế thuộc vào ai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và nước chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền lực nhà nước thực tế thuộc về Nhân dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Từ những quan điểm lý luận cốt lõi đó, Đảng ta đã xây dựng thành công

mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập và 37 năm đổi mới đất nước. Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến kiến quốc Nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, theo cách mạng, sẵn sàng nghe và làm theo cán bộ, sẵn sàng nuôi, dưỡng cán bộ, bảo vệ cán bộ. Nhân dân ta đã hoàn toàn tin tưởng ở đường lối của Đảng, tin vào phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên tin vào tương lai tươi sáng khi đất nước được độc lập, thống nhất. Niềm tin ấy được xây đắp từ mối quan hệ bền chặt, gắn bó mật thiết, máu thịt giữa Nhân dân với Đảng. Đảng đấu tranh cho hạnh phúc của Nhân dân, cho độc lập, tự do của Tổ quốc, Nhân dân đùm bọc, chở che, nuôi dưỡng Đảng. Kết quả toàn Đảng, toàn dân đã giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đại thắng mùa xuân 1975 vĩ đại. Từ đây đất nước bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hoà bình, thống nhất, độc lập và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hòa bình, Đảng ta tập trung giải quyết những lợi ích thiết thực của người dân như: quyền tự do, dân chủ, các vấn đề dân sinh, dân trí. Niềm tin của Nhân dân với Đảng thể hiện trên nhiều phương diện, trước hết là sự quan tâm, hưởng ứng tích cực thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; tham gia các cuộc bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp; tham gia góp ý vào xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đóng góp ý kiến phê bình tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên; tham gia bồi dưỡng kết nạp quần chúng vào Đảng...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân đã thực hiện phong trào lao động sản xuất,

thi đua yêu nước với những kết quả lớn. Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, khoảng cách giữa nông thôn với đô thị ngày càng được xích lại gần. Hệ thống chính sách về người có công, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, y tế cho người dân được quan tâm, cải thiện rõ nét. Tăng trưởng GDP đạt 8,02%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3% và tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5%, tỷ lệ thất nghiệp 1,98%. Chương trình xây dựng nông thôn mới có nhiều khởi sắc, đến tháng 5/2023 có 73,24% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 1.301 xã NTM nâng cao, 139 xã kiểu mẫu. Chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên đạt 8,6 bác sỹ, 27,5 giường bệnh trên 1 vạn dân, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 89,3%. Chất lượng giáo dục đào tạo và dạy nghề được nâng lên, xếp hạng đại học tăng 12 lần, từ hạng 80 lên 68. Tuổi thọ của người dân ngày càng được nâng lên⁽⁷⁾. Nhà nước đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống cho mọi thành viên trong xã hội về ăn ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, lợi ích cá nhân với lợi ích của tập thể và cộng đồng xã hội; tích cực hội nhập vào xu thế hòa bình và hợp tác quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy của nhiều nước trên thế giới và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; vị thế của Việt Nam trong đời sống quốc tế đã được cải thiện; Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Có được những kết quả trên là do đường lối của Đảng đã đáp ứng, giải quyết

những nhu cầu lợi ích của toàn dân tộc. Chủ trương, đường lối của Đảng được cụ thể hóa bằng các quy định, hướng dẫn, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trước khi đến với Nhân dân và được thực hiện bởi Nhân dân; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chăm lo lợi ích vật chất, tinh thần của Nhân dân; đảm bảo các quyền dân sinh, dân chủ và nâng cao dân trí, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp Nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân. Đồng thời, Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước được Nhân dân bầu cử dân chủ, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, vì lợi ích của Nhân dân, vì nhân dân phục vụ, qua đó góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, đồng thời góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng chủ trương, đường lối, nghị quyết và bằng công tác cán bộ. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước do chính đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện, đội ngũ cán bộ đó được Nhà nước đào tạo đã trở thành công bộc tận tụy phục vụ Nhân dân. Quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng và phát huy, thể hiện ở: Quyền ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước; quyền được thông tin; quyền nói lên tiếng nói của mình; quyền được lao động, sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền được kiểm tra, giám sát; quyền được hưởng thụ thành quả lao động của mình, thành quả của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Cùng với tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, Đảng, Nhà nước ta rất tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của Nhân dân, luôn coi việc đạo là một quyền tự do thiêng liêng của đồng

bào giáo dân, với phương châm “Đoàn kết lương giáo”, “tốt đạo, đẹp đời”. Đảng, Nhà nước ta cũng luôn coi trọng Khối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đồng bào các dân tộc thiểu số là một bộ phận của cộng đồng dân tộc Việt Nam, có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, việc quán triệt quan điểm của Đảng về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân vẫn còn một số hạn chế như: Một số địa phương, đơn vị vẫn còn né tránh, hoặc làm qua loa những việc liên quan đến phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nhiều cấp ủy, chính quyền chưa chú trọng huy động được đông đảo người dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; sự sa sút về lối sống, về những chuẩn mực đạo đức truyền thống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; tham nhũng, lãng phí và xa rời quần chúng đã vi phạm lợi ích Nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xã hội có những mặt, những khâu chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới; chưa phân rõ chức năng, quyền hạn giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước quản lý; bộ máy Đảng, bộ máy hành chính còn chồng chéo, làm cho việc quản lý chưa thật nhanh nhạy và hiệu quả; vẫn còn những khe, kẽ để các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng xuyên tạc chống phá.

Thực tế nêu trên đòi hỏi cần tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân

dân đối với Đảng trong giai đoạn hiện nay, góp phần đấu tranh vạch trần những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị chống phá về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục ban hành các chủ trương, đường lối, cơ chế để phát huy được vai trò làm chủ của người dân, coi trọng lợi ích của Nhân dân, phù hợp với bản chất và vai trò của một đảng chính trị lãnh đạo toàn xã hội; tổ chức thành công một xã hội dân chủ thực sự.

Thứ hai, phải thường xuyên nâng cao được sức mạnh nội lực của Đảng, nêu cao tinh thần thẳng thắn, nghiêm túc tự phê bình và phê bình theo tinh thần nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng”. Đảng càng có thái độ thẳng thắn bao nhiêu thì càng có uy tín đối với Nhân dân bấy nhiêu. Tăng cường sức mạnh của kỷ luật Đảng, làm cho Đảng có thể thường xuyên tiếp nhận tinh hoa của xã hội và đào thải những thành phần đã bị thoái hóa, biến chất. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng”⁽⁸⁾. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi Đảng phải không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn gương mẫu, tiêu biểu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt Quy định số 08-QĐ/TW của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Thứ ba, Đảng cần xây dựng được một thiết chế hiệu quả tự kiểm soát quyền lực có tính khoa học để thường xuyên cảnh

báo về chất lượng nhân sự, đặc biệt là tính công khai, minh bạch về thông tin, một trong những phương thức tốt nhất để thúc đẩy mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân chủ động tham gia vào công việc giám sát nhân sự và đóng góp tích cực vào công việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Thứ tư, các cấp ủy, tổ chức Đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, xử lý kịp thời, dứt điểm những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề gây bức xúc trong Nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên luôn tỉnh táo, cảnh giác, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội chính trị, bất mãn...

Thứ năm, đổi mới nội dung phương thức tuyên truyền vận động, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phát huy sức mạng của khối đại đoàn kết dân tộc. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

Thứ sáu, bám sát tình hình thực tiễn, thường xuyên nắm bắt tư tưởng, dư luận trong xã hội để kịp thời định hướng cho nhân dân. Quan tâm chăm lo tới đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức trong mỗi cơ quan, đơn vị, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ, giải quyết các khiếu nại, tố cáo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là kỷ luật phát ngôn trong quá trình công tác, trước hết trong cơ quan, đơn vị và rộng ra ngoài xã hội.

Để Nhân dân tin Đảng, hết lòng ủng hộ Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của Đảng, quyền lợi của Nhân dân lên trên hết, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”⁽⁹⁾, và xem đó là yếu tố quyết định để Đảng không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, thêm vững vàng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t 1. tr. 253.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 333.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 330

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr.65

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 41

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 290 - 291

(7) Báo cáo tình hình kinh tế kế xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội, 2016, tr. 213

(9) CD-Room, Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2011 tập 15, tr 14.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC MỘT SỐ LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA KINH TẾ NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước. Lợi dụng thực trạng một bộ phận doanh nghiệp nhà nước yếu kém, sử dụng không hiệu quả nguồn lực, các thể lực thù địch tìm cách chống phá, rêu rao, phủ nhận về vai trò cũng như những kết quả đã đạt được của kinh tế nhà nước.

Quan điểm chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ luôn nhất quán khẳng định kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt, là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hiện nay trên một số diễn đàn, mạng xã hội thường xuyên xuất hiện những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước như: “kinh tế nhà nước với hàng loạt doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ chỉ là gánh nặng của nền kinh tế”, “phải xóa bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước vì đã là kinh tế thị trường thì mọi thành phần kinh tế đều phải được bình đẳng, tự do cạnh tranh”, “đánh đồng khái niệm kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, cho rằng doanh nghiệp nhà nước sản kinh doanh kém hiệu quả, gây thất thoát nên cần giải thể các doanh

nh nghiệp nhà nước, coi sự yếu kém của bộ phận doanh nghiệp nhà nước là sự yếu kém của kinh tế nhà nước”... Những luận điệu này thực chất là những quan điểm phản khoa học, phiến diện, chủ quan cảm tính, cố tình xuyên tạc gây mất lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, phủ nhận hoàn toàn vai trò cũng như những kết quả đạt được của kinh tế nhà nước. Để phản bác lại luận điệu xuyên tạc nói trên, cần nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần khẳng định kinh tế nhà nước không đồng nhất với doanh nghiệp nhà nước ngay từ trong khái niệm và bản chất. Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các tài nguyên quốc gia và tài sản thuộc sở hữu nhà nước như đất đai, hầm mỏ, rừng

biên, ngân sách, các quỹ dự trữ ngân hàng nhà nước, hệ thống bảo hiểm, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, phần vốn Nhà nước góp vào các doanh nghiệp thuộc những thành phần kinh tế khác. Do vậy kinh tế nhà nước được hiểu là khu vực kinh tế thuộc sở hữu của Nhà nước, do Nhà nước trực tiếp quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua bộ máy đại diện là các cơ quan quản lý nhà nước.

Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định pháp luật. Kinh tế nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước có điểm chung đều là phân tài sản thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, phục vụ lợi ích toàn dân. Trong khái niệm kinh tế nhà nước, ngoài doanh nghiệp nhà nước, còn có các yếu tố khác thuộc sở hữu nhà nước như tài nguyên quốc gia, ngân hàng nhà nước, ngân sách, quỹ dự trữ quốc gia...

Thứ hai, cần nhận thức rõ vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”¹.

Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước qua những mặt cụ thể như: Nhà nước sử dụng kinh tế nhà nước với tư cách là một công cụ để điều tiết điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế, định hướng phát triển sản xuất, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiểm soát lạm phát. Trong từng hoàn cảnh kinh

tế nhất định, thời kỳ tăng trưởng nóng hay suy thoái... Nhà nước sử dụng kinh tế nhà nước để can thiệp vào thị trường nhằm đạt được mục tiêu đã định. Bên cạnh đó, Nhà nước định hướng sự phát triển thông qua đầu tư công, sử dụng đầu tư công để dẫn dắt đầu tư vào những lĩnh vực, địa bàn ưu tiên, thông qua sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước vào các ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn. Đặc biệt, kinh tế nhà nước là đầu tàu, hướng dẫn, dẫn dắt các hình thức sở hữu khác trong việc phát triển các lĩnh vực đặc biệt, như các lĩnh vực cần nhiều vốn đầu tư, có hàm lượng khoa học cao, một số lĩnh vực đặc biệt mới hình thành. Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngày càng xuất hiện nhu cầu hình thành một số lĩnh vực mới đòi hỏi vốn đầu tư lớn, công nghệ cao mà tự nó rất khó phát triển. Trong điều kiện các quan hệ thị trường mới được phát triển, khu vực tư nhân còn nhỏ bé, chưa có khả năng đầu tư lớn, khu vực sở hữu nhà nước tất yếu phải đảm nhận vai trò đầu tàu, dẫn dắt trong những lĩnh vực mới này.

Đối với an ninh quốc gia, kinh tế nhà nước nắm giữ những ngành đặc biệt quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia như sản xuất, sửa chữa vũ khí, các trang thiết bị chuyên dùng cho an ninh, quốc phòng,... Về mặt xã hội, kinh tế nhà nước gánh vác chức năng xã hội, giải quyết các thất bại của thị trường thông qua các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, các chương trình xóa đói, giảm nghèo,... và sử dụng đầu tư công đảm nhận những ngành ở những địa bàn khó khăn có ý nghĩa chính trị - xã hội mà tư nhân không muốn đầu tư do không có lợi nhuận, thực hiện sự bảo đảm cân bằng về đầu tư phát triển theo vùng, miền. Ngoài ra kinh tế nhà nước đảm nhận các ngành sản xuất hàng hóa công cộng thiết yếu như giáo dục, y

tế... thông qua các đơn vị sự nghiệp công, các doanh nghiệp nhà nước...

Chủ trương của Đảng đã xác định kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Việc xây dựng kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo không có nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước sẽ giữ vị trí chi phối trong các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ chốt của nền kinh tế, cũng như độc quyền trên nhiều lĩnh vực. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Vì vậy, không thể lấy dẫn chứng về hạn chế của một số doanh nghiệp nhà nước để quy chụp thành yếu kém của cả thành phần kinh tế nhà nước.

Thứ ba, thực tế cho thấy mặc dù chúng ta thừa nhận vẫn còn nhiều doanh nghiệp nhà nước chậm thực hiện cơ cấu lại và đổi mới cơ chế quản trị, hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp; tình trạng nợ, thua lỗ, lãng phí còn lớn, một số doanh nghiệp buông lỏng quản lý để xảy ra tham nhũng, hay đầu tư không hiệu quả dẫn đến thua lỗ hàng nghìn tỷ đồng. Song, theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 cho thấy: Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước đạt tỷ lệ khá cao (78,5% có lãi, 2,2% hòa vốn và 19,3% thua lỗ) so với doanh nghiệp ngoài nhà nước (43,7% có lãi, 7,7% hòa vốn và 48,6% thua lỗ). Dù chỉ chiếm 0,4% trong tổng số doanh nghiệp cả nước nhưng doanh nghiệp nhà nước đã huy động được 9,65 triệu tỷ đồng vốn cho sản xuất, kinh

doanh, với doanh thu thuần cao nhất là 13,41 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 323,64 nghìn tỷ đồng, trong khi doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tới 96,9% tổng số doanh nghiệp cả nước nhưng chỉ thu hút được 22,25 triệu tỷ đồng vốn, doanh thu đạt 3,41 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 190,36 nghìn tỷ đồng. Năm 2021, tổng doanh thu của khối doanh nghiệp nhà nước vượt 43,3% kế hoạch, tăng 7,8% so với năm 2020; lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 41,7%, tăng 22,5% so với năm 2020, nộp ngân sách chiếm 17-23% tổng thu ngân sách nhà nước. Trong năm 2022, có 15/19 tập đoàn, tổng công ty hoàn thành và vượt kế hoạch về doanh thu; 17/19 tập đoàn, tổng công ty hoàn thành và vượt kế hoạch về lợi nhuận trước thuế; 16/19 tập đoàn, tổng công ty hoàn thành và vượt kế hoạch về nộp ngân sách nhà nước.²

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy rõ, doanh nghiệp nhà nước là một công cụ của kinh tế nhà nước có vai trò rất quan trọng, đóng góp lớn trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Các doanh nghiệp nhà nước vừa là chủ thể kinh doanh, vừa là lực lượng kinh tế nòng cốt do Nhà nước sử dụng trong các hoạt động kinh tế. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước nhằm bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch đồng thời phát huy vai trò trụ cột của kinh tế nhà nước, trong thời gian tới cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản được Nhà nước giao quản lý, đổi mới cơ chế quản trị doanh nghiệp nhà nước theo hướng hiện đại, phù hợp với những chuẩn mực quốc tế như nâng cao tính tự chủ để tăng tính cạnh tranh, đặt ra chỉ số hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp nhà nước. Song song với việc kiểm soát đầu vào chi tiêu theo các chế độ, tiêu

chuẩn, định mức quy định của pháp luật thì phải tính toán mỗi đồng vốn nhà nước bỏ ra đóng góp cho người dân, xã hội được các gì, các sản phẩm, chất lượng dịch vụ như thế nào. Có tiêu chí đánh giá rõ ràng về hiệu quả sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

Hai là, xây dựng hệ thống công cụ đánh giá tổng thể về quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bởi vì, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp không phụ thuộc vào yếu tố quản trị trong doanh nghiệp, nếu quản trị kém thì hiệu quả sẽ kém. Còn với yếu tố sở hữu phải xác định rõ nội dung giám sát của Nhà nước, vai trò quản lý nhà nước và vai trò chủ sở hữu, cũng như vai trò chủ sở hữu với quyền quyết định kinh doanh. Do vậy, cần tách biệt hai yếu tố sở hữu và quản trị.

Ba là, tách bạch hoạt động kinh doanh với hoạt động công ích và xem đây là yêu cầu khách quan. Về nguyên tắc, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh với mục tiêu là tối đa hóa lợi nhuận, còn doanh nghiệp công ích có mục tiêu tối đa hóa lợi ích xã hội. Nếu có sự tách bạch thì mọi hoạt động của doanh nghiệp sẽ minh bạch, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mới chính xác. Nếu để doanh nghiệp vừa kinh doanh, vừa đảm nhiệm vai trò xã hội thì sẽ dẫn đến việc hoặc không thực hiện được mục tiêu lợi nhuận, hoặc không làm tốt được vai trò xã hội. Sự thiếu minh bạch này sẽ dễ bị các doanh nghiệp nhà nước lợi dụng để biện minh cho việc kinh doanh kém hiệu quả, vì phải thực hiện các mục tiêu xã hội và ngược lại. Do đó, chỉ nên để doanh nghiệp công ích thực hiện các mục tiêu xã hội, còn các doanh nghiệp kinh doanh phải hoàn thành, có hiệu quả kinh doanh tốt và phải đặt trong điều kiện bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác.

Bốn là, tiếp tục thực hiện công tác cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước. Triệt để giải quyết các vướng mắc trong cơ chế, chính sách, nhất là trong định giá doanh nghiệp, xác định giá trị quyền sử dụng đất, tài chính, tài sản, công nợ. Làm rõ trách nhiệm và có phương án xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi không hoàn thành mục tiêu, kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn đã đề ra.

Năm là, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát, không để xảy ra thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán về kết quả thanh tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là đúng đắn, phù hợp với điều kiện của nước ta và là tiêu chí quan trọng bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa cho nền kinh tế. Để bảo đảm vai trò chủ đạo đó, kinh tế nhà nước cần được đổi mới, sắp xếp, cơ cấu lại cho đúng chức năng, nhiệm vụ đầu tàu, dẫn dắt, định hướng, đặc biệt xử lý dứt điểm những hạn chế, yếu kém trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành của một số doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế nhà nước cần tiếp tục khẳng định vị trí và phát huy vai trò chủ đạo của mình trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế quốc tế./.

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tập 1, 2021, tr.128-129
2. <https://tuyengiao.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/khang-dinh-vai-tro-chu-dao-cua-kinh-te-nha-nuoc-140981>

ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nội dung cơ bản, có ý nghĩa sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị. Trong giai đoạn hiện nay, để tăng cường và không ngừng nâng cao hiệu quả công tác này, cần nhận diện âm mưu chống phá của các thế lực thù địch từ đó đưa ra những luận cứ khoa học đấu tranh bác bỏ các luận điệu sai trái, khẳng định tính đúng đắn của đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ thành tựu của cách mạng Việt Nam.

Nhìn lại hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhờ có sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị; sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã khắc phục, vượt qua được những khó khăn rất lớn, những tác động tiêu cực do dịch bệnh, thiên tai, bão lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra. Đó là minh chứng hết sức sinh động, khẳng định tính ưu việt của chế độ ta, của truyền thống đoàn kết, yêu nước, lòng nhân ái và ý chí kiên cường của nhân dân ta. Thực tiễn có thấy, càng trong khó khăn, thử thách, truyền thống và ý chí của dân tộc càng được phát huy, nhân lên gấp bội, trở thành nguồn lực, động lực to lớn, không một thế lực nào có thể ngăn cản nổi, để xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta tiếp tục đi lên, dân tộc ta phát triển cường thịnh, trường tồn. Đánh giá thành tựu của sự nghiệp cách mạng dưới sự

lãnh đạo của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Tuy nhiên, đất nước ta càng đạt được những thành tựu phát triển to lớn, các thế lực thù địch, phản động lại càng hần học tìm mọi cách để chống phá. Lợi dụng bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó dự báo và tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đi vào chiều sâu đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn rất mới, các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị tăng cường chống phá chúng ta. Chúng đưa ra những luận điệu xuyên tạc, chống phá phủ nhận những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, điển hình như: Phủ nhận những thành tựu to lớn, ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới; tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc, trái với quan điểm, nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta; kết hợp chống phá đường lối chính trị với chống phá trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc

phòng, an ninh, đối ngoại; tập trung công kích, xuyên tạc thành tựu của đổi mới là do Đảng, Nhà nước Việt Nam “tự vẽ lên”, “tự mình khen mình”, và “không có thật”; đất nước vẫn trong cảnh nghèo nàn, tụt hậu, đời sống nhân dân còn rất khó khăn, người dân nghèo thì không được thụ hưởng; đường lối đổi mới ở Việt Nam là “mù mờ”, “thiên đường mù”, “không tương”... Chúng còn cho rằng, đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chỉ là hình thức, thực chất là “đỏ vỏ xanh lòng”, trên thực tế là đang phát triển chủ nghĩa tư bản; những thắng lợi trong công cuộc đổi mới của nước ta chẳng qua là Việt Nam đã quá độ sang chủ nghĩa tư bản, đi theo chủ nghĩa tư bản; chủ trương của Đảng lấy kinh tế nhà nước là chủ đạo, tức là tập trung vào khu vực kinh tế kém hiệu quả, khó tránh khỏi tụt hậu, vì thế, phải phát triển thị trường tự do tư bản, khuyến khích tư nhân phát triển. Chúng cho rằng, Việt Nam chỉ đổi mới kinh tế mà không hề đổi mới chính trị, vẫn giữ nguyên bộ máy lãnh đạo chuyên quyền của Đảng Cộng sản; đổi mới đến nay đã hết động lực, vậy nên từ sau Đại hội XIII không đổi mới nữa, hoặc nếu có đổi mới thì chính là thay đổi về chế độ chính trị mà thôi... Tất cả những luận điệu đó thực chất là nhằm phủ nhận và đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bằng lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam trong thời gian quan chúng ta có đủ luận cứ để bác bỏ luận điệu sai trái và chứng minh tính đúng đắn của đường lối lãnh đạo của Đảng và khẳng định những thành tựu của cách mạng nước ta, nhất là những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước:

Một là, Đổi mới ở Việt Nam do Đảng khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Đó là sự lựa chọn tất yếu nhằm đưa Việt Nam thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, là bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước.

Những thành tựu đạt được sau hơn 35 năm đổi mới đất nước là cơ sở khách quan

khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới. Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã có những bước chuyển mạnh mẽ chưa từng có: Kinh tế có mức tăng trưởng trung bình khoảng 7%/năm. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008, là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. GDP năm 2022 đạt 409 tỷ USD (tăng trên 29 lần so với năm 1985). Thu nhập bình quân đầu người là 4.110 USD (năm 2022) so với 230 USD (năm 1985), tăng hơn 17 lần. Riêng năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh hết sức phức tạp, nhiều nền kinh tế trên thế giới có mức tăng trưởng âm, thì Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới (2,9%); một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới; điểm sáng trên toàn cầu trong việc thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân. Qua hơn 35 năm đổi mới, nghèo đói giảm nhanh liên tục, tỷ lệ nghèo trên 60% (năm 1986) giảm xuống 9.88% năm 2016 và hiện còn dưới 3% (năm 2021); đời sống Nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Xét trên nhiều phương diện, có thể thấy, người dân Việt Nam ngày càng có điều kiện sống tốt hơn so với bất kỳ thời kỳ nào trước đây. So với nhiều quốc gia có cùng trình độ phát triển kinh tế, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam thuộc nhóm cao của thế giới (0,704 năm 2019). Những gì chúng ta đã và đang làm trong đại dịch Covid-19 minh chứng ở Việt Nam “không ai bị bỏ lại phía sau”. Chúng ta không chỉ tăng trưởng kinh tế mà còn giải quyết được nhiều vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh

tế. Công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Đời sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Những kết quả nổi bật đó là bằng chứng thuyết phục để khẳng định đường lối đổi mới của Việt Nam là đúng đắn, vừa phù hợp với xu thế khách quan, vừa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Có thể khẳng định, những thắng lợi về vang trong cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới của Việt Nam được thế giới công nhận, đánh giá cao, đã chứng minh tính ưu việt của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà không một thế lực nào có thể cản trở, xuyên tạc hay phủ nhận. Đó là con đường phát triển đúng với quy luật vận động của các hình thái kinh tế - xã hội, phù hợp với tình hình đất nước ta và xu hướng phát triển của thời đại ngày nay.

Hai là, đổi mới ở Việt Nam là toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc, có lộ trình và bước đi thích hợp; đổi mới toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Đổi mới theo những nguyên tắc cơ bản như: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp; lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước ta; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn; sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp sức mạnh của nhân dân và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Ba là, nước ta là nước dân chủ, tự do - dân chủ - nhân quyền của Nhân dân luôn

được tôn trọng và phát huy. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta ngày càng hoàn thiện các quan điểm về dân chủ, nhân quyền, coi nỗ lực thể chế hóa, luật hóa quan điểm dân chủ, nhân quyền là yêu cầu cần thiết của phát triển. Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân. Đảng ta sinh ra, trưởng thành và phát triển trong lòng dân tộc, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, chở che. Đảng ta không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Nhân dân ta đã có quyền làm chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đó là những bước tiến lớn trên con đường xây dựng những giá trị dân chủ và nhân quyền đích thực. Quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực vào việc động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, đưa công cuộc đổi mới lên một tầm cao và chiều sâu mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang tiến hành đổi mới mạnh mẽ, toàn diện; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Đó là những bằng chứng thuyết phục và luận cứ khoa học đảу tranh bác bỏ các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch để khẳng định tính đúng đắn của đường lối và thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam./.

PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU XUYÊN TẠC CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH VỀ VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM



ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Trải qua 94 năm hình thành và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam đã tham gia tích cực trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Với vai trò là sợi dây nối liền giữa Đảng với giai cấp công nhân và toàn thể người lao động, tổ chức Công đoàn Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các thể lực thù địch, phản động đã và đang tăng cường các hoạt động chống phá với nhiều luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò của tổ chức Công đoàn. Đấu tranh phê phán, bác bỏ các luận điệu sai trái đó cùng với việc khẳng định và phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn là nhiệm vụ hết sức cấp thiết hiện nay, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Năm 1929, việc thành lập Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ - tổ chức tiền thân của tổ chức Công đoàn có ý nghĩa hết sức to lớn đối với phong trào công nhân Việt Nam. Đó vừa là kết quả tất yếu của sự trưởng thành về chất lượng của phong trào công nhân nước ta, vừa thể hiện đường lối công vận của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời đáp ứng nhu cầu cấp thiết về tổ chức của phong trào công nhân Việt Nam. Trải qua 94 năm hình thành và phát triển, tổ chức Công đoàn Việt Nam là sợi dây nối liền giữa Đảng với giai cấp công nhân và toàn thể người lao động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam đã tích cực tham gia trong cách mạng giải phóng dân tộc và thời kỳ quá độ đi lên xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Vai trò của tổ chức Công đoàn Việt Nam đã được hiến định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Điều 10, Hiến pháp năm 2013 khẳng

định: “Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Vai trò của tổ chức Công đoàn Việt Nam được cụ thể hóa trong Luật Công đoàn Việt Nam 2012: “Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, là thành viên trong hệ thống chính trị của xã hội Việt Nam, dưới sự lãnh

đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và những người lao động khác (sau đây gọi chung là người lao động), cùng với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động...; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Công đoàn hoạt động theo Điều lệ nhằm thực hiện tốt các chức năng đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động; đại diện và tổ chức người lao động tham gia quản lý kinh tế - xã hội trong phạm vi chức năng của mình, đồng thời thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức Nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức, giáo dục động viên người lao động phát huy vai trò làm chủ đất nước, thực hiện nghĩa vụ công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm qua, Công đoàn Việt Nam đã trưởng thành về mọi mặt, luôn là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi ích của giai cấp công nhân và người lao động. Nếu như thời điểm ban đầu, tổ chức Công đoàn chỉ xuất hiện trong khu vực nhà nước thì hiện nay, Công đoàn đã mở rộng hoạt động sang khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Tổ chức công đoàn các cấp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và người sử dụng lao động để chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động. Công đoàn luôn đóng vai trò là điểm tựa, động viên, bảo vệ và cũng là môi trường để mỗi đoàn viên phát triển và trưởng thành.

Việc bảo vệ quyền lợi cho người lao động được tổ chức Công đoàn thực hiện

dưới rất nhiều hình thức, như: Công đoàn đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể; tham gia với đơn vị sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện thang, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động; đối thoại với đơn vị sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động. Cùng với đó, Công đoàn Việt Nam quan tâm tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật cho người lao động; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người lao động để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết,...

Bên cạnh đó, Công đoàn Việt Nam đã tiến hành nhiều hoạt động cụ thể chăm lo cho công nhân và người lao động, trong đó điểm nhấn là Chương trình phúc lợi đoàn viên Công đoàn, năm “Vì lợi ích đoàn viên công đoàn”, “Tháng Công nhân”, “Tết Sum vầy”, “Mái ấm Công đoàn” và nhiều hoạt động ý nghĩa khác góp phần thiết thực chăm lo, hỗ trợ đoàn viên, người lao động trên cả nước. Đồng thời, trong chương trình hoạt động công đoàn đã chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan nhà nước tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tích cực phát động các phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng có chuyển biến tích cực thông qua việc cụ thể hóa phong trào thi đua “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo”. Công đoàn Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động, trong đó điển hình là tham mưu, đề xuất với Đảng và Chính phủ về Đề án đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và tổ chức đầu tư, xây dựng các thiết chế tại những địa phương có nhiều bức xúc về vấn đề an sinh cho người lao động như: nhà ở, nhà trẻ, đóng bảo hiểm, an toàn, vệ sinh trong lao động, nơi vui chơi, giải trí,...

Như vậy, tổ chức Công đoàn các cấp đã làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với công nhân và người lao động; thông qua các cuộc vận động và phong trào thi đua đã thu hút, khơi dậy động lực của đoàn viên, người lao động, góp phần tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hiện nay, các thế lực thù địch đang tăng cường hoạt động với nhiều phương thức, thủ đoạn mới để chống phá Đảng, Nhà nước, trong đó tập trung chống phá hệ tư tưởng của giai cấp công nhân ở nước ta. Thông qua các nền tảng kỹ thuật số, các thế lực thù địch, tổ chức phản động, đối tượng cơ hội chính trị trong và ngoài nước ra sức xuyên tạc, phủ nhận vai trò và những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Công đoàn Việt Nam; những thành quả của tổ chức Công đoàn trong việc chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Các đối tượng xấu, cơ hội chính trị liên tục đưa ra những luận điệu sai lệch về Công đoàn Việt Nam nhằm tấn công, chống phá chế độ; núp dưới danh nghĩa “bảo vệ tốt hơn cho quyền lợi của công nhân, người lao động”, chúng ra sức cổ xúy, hô hào đòi thành lập các “công đoàn độc lập”, “ngành đoàn độc lập”, “ngành đoàn tự do”; chúng sử dụng luận điệu “Công đoàn tay sai - lãng phí tiền dân” nhằm phủ nhận vai trò, cống hiến của Công đoàn Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng và cho rằng, “Tổ chức công đoàn các cấp thực chất là cánh tay nối dài của Đảng, nói tiếng nói của Đảng, không đứng về phía công nhân”. Đây là những luận điệu phản động, nhằm kích động, chia rẽ mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Công đoàn cũng như đối với xã hội. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch còn tìm mọi cách để lôi kéo lực lượng công nhân, mục đích của chúng là lợi dụng lực lượng công nhân để chống phá chế độ, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Chúng tiến hành xuyên

tạc chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về đội ngũ công nhân vừa tiên hành tuyên truyền những nhận thức liên quan đến vị thế, vai trò của lực lượng công nhân trong xã hội tư sản, coi đó là chuẩn mực mà Việt Nam phải làm theo. Để làm được điều đó, các thế lực thù địch tìm cách chia mũi nhọn tấn công vào tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Từ lý luận và thực tiễn có thể thấy rằng, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch là vô căn cứ. Trong thời gian tới, để tiếp tục bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân và người lao động, nâng cao hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch phủ nhận vai trò chức năng của tổ chức Công đoàn Việt Nam cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức lao động về những vấn đề cốt lõi, giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cùng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để mỗi đoàn viên nhận thức đúng đắn, tự trang bị cho mình sức đề kháng tốt, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng, nắm tình hình tư tưởng, dư luận qua các trang mạng xã hội; xây dựng chuyên mục bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng để phản bác các luận điệu xuyên tạc, phản động nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông, nhà xuất bản nói chung và trong hệ thống công đoàn nói riêng, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, định hướng chính trị; bảo đảm thực sự là diễn đàn của người lao động, là công cụ hữu hiệu, là cánh tay nối dài để đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật

của Nhà nước, nhiệm vụ công tác của tổ chức Công đoàn đến công nhân, viên chức, người lao động và xã hội; góp phần định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận về chính trị trong công nhân, viên chức, người lao động và nhân dân.

Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là đào tạo nghề, góp phần từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. Xây dựng, đào tạo một lực lượng công nhân thực sự giỏi về chuyên môn, vững vàng về ý thức chính trị, có phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức trong sáng, vươn lên làm chủ công nghệ, góp sức mình đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động trong quá trình hội nhập quốc tế. Bên cạnh việc coi trọng phát triển kinh tế cần quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách tạo việc làm cho công nhân; tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương sao cho bảo đảm cuộc sống ngang bằng với mức sống trung bình trong xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng cho người lao động; phát huy dân chủ thực sự và nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn ở các doanh nghiệp, nhất là trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài; hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phát triển văn hóa nghề cho công nhân.

Thứ tư, coi trọng bồi dưỡng, xây dựng lực lượng nòng cốt trong đoàn viên công đoàn để chủ động đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tập trung nâng cao bản chất giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ trẻ. Cần lựa chọn những đoàn viên, thanh niên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ lý luận chính trị và khả

năng diễn đạt các vấn đề cần đấu tranh...; đồng thời, có cơ chế cung cấp thông tin kịp thời, phương tiện tác nghiệp phù hợp và có những chính sách động viên, khích lệ đoàn viên, thanh niên chủ động tham gia đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời phát huy vai trò định hướng của cấp ủy Đảng và tổ chức Công đoàn cũng như tính tự giác của đoàn viên, người lao động khi tham gia mạng xã hội; đề ra cơ chế kiểm soát thông tin, loại bỏ các nội dung xuyên tạc, gây bất an trong dư luận trên mạng xã hội.

Thứ năm, định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tham gia đấu tranh chống “Diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa cho đoàn viên, công nhân, viên chức và người lao động. Coi việc phòng, chống hiệu quả âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm tạo ra “hệ miễn dịch”, “sức đề kháng” đối với mọi thông tin sai trái, xấu độc là thước đo kết quả xây dựng bản lĩnh chính trị của đoàn viên, công nhân, viên chức và người lao động.

Như vậy, đấu tranh phản bác các quan điểm, luận điệu xuyên tạc, sai trái nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là một nhiệm vụ tất yếu chúng ta cần làm và nhất định phải làm thật tốt. Trong đó, việc đấu tranh chống lại các luận điệu bác bỏ vai trò chức năng của tổ chức Công đoàn có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong giai đoạn đất nước mở cửa, hội nhập hiện nay để khẳng định lập trường của Đảng và Nhà nước ta trước những biến động phức tạp trên thế giới và trong nước. Từ đó, củng cố nhận thức chính trị, giữ vững thế trận lòng dân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN MẠNG XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Trên mạng xã hội, các thông tin được lan truyền với tốc độ chóng mặt mà không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian. Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng ưu thế của mạng xã hội để xuyên tạc, bịa đặt thông tin nhằm kích động, lôi kéo một bộ phận người dân vào hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Nhiệm vụ đặt ra với mỗi cán bộ, đảng viên hiện nay là phải tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

“Mạng xã hội là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn, trò chuyện trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác”¹. Dịch vụ mạng xã hội là “dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian. Những người tham gia dịch vụ mạng xã hội được gọi là cư dân mạng xã hội”².

Với những tiện ích quan trọng về lưu trữ và truyền tải thông tin, mạng xã hội đã và đang trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch lợi dụng tiến hành chống phá chế độ ta và phá hoại trên mặt trận chính trị tư tưởng. Trong những năm qua, các thế lực thù địch, phản động đã lập ra và sử dụng hàng ngàn trang mạng xã hội, tập trung xuyên tạc, nói xấu chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng phủ nhận, xuyên tạc giá trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin;

tách rời, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin; phủ nhận vai trò lãnh đạo, xuyên tạc lịch sử Đảng; xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận đóng góp của Người cho lịch sử dân tộc và sự tiến bộ nhân loại. Nhiều trang trong số đó thường xuyên đăng tải những bài viết với lời lẽ chống Đảng, chống chế độ một cách điên cuồng, mù quáng. Chúng tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, lợi dụng chiêu bài phản biện xã hội, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, bảo vệ môi trường... để đăng tải những bài viết có thông tin sai lệch, không được kiểm chứng, suy diễn xuyên tạc, từ đó kết luận các chủ trương, chính sách đó là sai lầm và đòi xóa bỏ. Chúng lợi dụng những thiếu sót, hạn chế trong triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền các cấp, các vụ việc phức tạp để kích động dư luận, hình thành tâm lý phản kháng, tư tưởng bất mãn, chống đối, tiến tới kêu gọi biểu tình, bạo loạn lật đổ chế độ. Đối tượng chống phá bao gồm các quốc gia, tổ chức quốc tế chống Việt Nam; các tổ chức phản động lưu vong bên ngoài và một số đối tượng phản động, chống đối, cơ hội chính trị, trục lợi; một số người từng

vi phạm pháp luật Việt Nam, có lòng hận thù với chế độ... Các đối tượng sử dụng mọi thủ đoạn tấn công trực diện hòng phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, gây tâm lý hoang mang, hỗn loạn trong nhân dân, từng bước làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào hệ thống chính trị, hòng tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng triệt để lợi dụng mạng xã hội như “một chiến trường không tiếng súng” để chống phá, xây dựng các trang web, blog, tài khoản ở các máy chủ đặt tại nước ngoài làm “các máy cái, hà hơi, tiếp sức” cho các blog, tài khoản trong nước³; kêu gọi “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập”, đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang; phủ nhận thành tựu cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo; thổi phồng khuyết điểm, hạ thấp và phủ nhận thành tựu đổi mới đất nước; xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước... Nguồn tin mà các thế lực phản động, thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng qua mạng xã hội bao gồm: Các tổ chức của một số quốc gia; các hãng thông tấn báo chí quốc gia, “quốc tế”, đáng chú ý có BBC, VOA, RFA, RFI; các trang mạng của tổ chức thù địch có máy chủ ở nước ngoài; các blog của tổ chức, cá nhân trên Facebook, mạng xã hội... chống phá Việt Nam; sử dụng và nhân rộng mạng lưới cộng tác viên để viết bài, đưa tin chống phá Đảng và Nhà nước ta; sử dụng các thông tin chống phá Đảng ta của các quốc gia, tổ chức lớn trên thế giới, những cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng lớn ở trong và ngoài nước; tạo dựng các trang web, blog các tài khoản cá nhân trên mạng xã hội, đặc biệt là trên Facebook để chia sẻ, phát tán thông tin; nắm bắt, tận dụng thời điểm quan trọng, lợi dụng vấn đề, sự cố lớn của đất nước để phát tán thông tin xuyên tạc, chống phá... với các chiêu bài khác nhau.

Trước thực tế đó, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng chỉ đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung, đấu tranh trên không gian mạng nói

riêng. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) nhấn mạnh: “Tập trung chấn chỉnh, quản lý thông tin trên mạng Internet, các mạng xã hội và blog cá nhân... Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”. Ngày 16/9/2013, Ban Bí thư (khóa XI) ban hành Chỉ thị số 28-CT/TW về “tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng”; ngày 25/12/2013, Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về “phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chủ trương: “Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch”⁴... Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), đánh giá: “Các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo và những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác của ta để xuyên tạc, bóp méo tình hình...; đồng thời, cấu kết với các phần tử cơ hội và bất mãn chính trị hoạt động ráo riết, chống phá cách mạng ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn”. Nhất quán những quan điểm chỉ đạo trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa”⁵ trong nội bộ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW, “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW gắn

với Kết luận số 53-KL/TW, ngày 4/6/2019 của Ban Bí thư “về việc chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc trên internet, mạng xã hội” đã tạo cơ chế phối hợp đồng bộ, có hiệu quả giữa các cơ quan làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, góp phần quan trọng vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Ban chỉ đạo 35 Trung ương phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo quyết liệt các đơn vị chức năng chặt lọc các thông tin xấu, độc trên mạng xã hội, nắm tình hình, thường trực theo dõi, giám sát hàng nghìn cổng thông tin, blog của các thế lực thù địch, phản động tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; ngăn chặn kịp thời hàng chục chiến dịch kích động biểu tình, bạo loạn, lật đổ, sử dụng Internet xâm phạm an ninh quốc gia. Công tác quản lý nhà nước về an ninh thông tin, an ninh mạng được tăng cường; các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, rà soát trên mạng xã hội, đưa các trang web, blog có nội dung xấu, độc vào danh sách ngăn chặn...

Bên cạnh những kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch trên mạng xã hội còn những hạn chế nhất định: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và triển khai tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị nắm bắt thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, phản động trên không gian mạng, nhất là việc xây dựng, tổ chức lực lượng đấu tranh, phản bác có nơi, có lúc chưa được quan tâm kịp thời, chưa sâu sát; đấu tranh trực diện với quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội nhìn chung còn chậm so với phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch; sự phối hợp lực lượng trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

trên mạng xã hội chưa nhịp nhàng, thiếu chặt chẽ, đặc biệt là chưa có sự kết nối, liên thông giữa các trang mạng của Ban chỉ đạo 35 các cấp với các blog, mạng xã hội.

Để góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh, bảo vệ nền tảng của Đảng trên mạng xã hội, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, thường xuyên bám sát định hướng chỉ đạo, hướng dẫn trong các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận; đưa công tác phòng, chống “diễn biến hòa bình”, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đi vào nề nếp đạt hiệu quả cao.

Hai là, chủ động nắm tình hình, phát hiện sớm hoạt động chống phá của đối tượng để đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị. Công tác nắm tình hình cần tập trung vào những vấn đề cụ thể như: Phát hiện các trang web, blog, “diễn đàn” thường xuyên đăng tải những nội dung xấu, thù địch; phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động tuyên truyền chống phá của chúng trên mạng xã hội, kịp thời nhận diện những phương thức, thủ đoạn mới; phát hiện cá nhân, tổ chức sở hữu, quản lý, điều hành các trang mạng xã hội thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh, video tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam; phát hiện những bất cập, hạn chế của các biện pháp, công tác nghiệp vụ đã và đang được triển khai...

Ba là, tập trung lãnh đạo kiện toàn, xây dựng, phát triển lực lượng đấu tranh theo hướng chủ động tạo thế liên hoàn, vững chắc, có bộ phận nòng cốt, chuyên sâu, tập hợp lực lượng rộng rãi; quản lý chặt chẽ tình hình chính trị nội bộ, nắm, dự báo, xử lý kịp thời những vấn đề tư tưởng nảy sinh. Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền các cấp

cần tích cực thông tin và tăng cường đối thoại với nhân dân; chủ động, linh hoạt tham gia các vấn đề cụ thể của xã hội.

Bốn là, các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, cần nhận thức và triển khai, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ một số nội dung sau: xem Internet, mạng xã hội vừa là công cụ, phương tiện quan trọng để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; vừa là một kênh thông tin để nắm bắt kịp thời về tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tình hình mới. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nâng cao nhận thức, trách nhiệm, khả năng chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên Internet, mạng xã hội; khắc phục sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm; chú trọng tuyên truyền và khuyến khích chia sẻ, bình luận gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm định hướng dư luận và cổ vũ, động viên mọi người tham gia, tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội; có trách nhiệm kiên quyết phê phán, bác bỏ và kịp thời xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật nội bộ và đưa thông tin sai sự thật, xấu, độc trên Internet, mạng xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng các kênh mạng xã hội để kết nối và phối hợp hoạt động. Tập hợp, định hướng các tổ chức thành viên hình thành lực lượng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội.

Năm là, đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị: Chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn,

bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và của cơ quan, đơn vị mình công tác; khi tham gia mạng xã hội phải đề cao ý thức, trách nhiệm; bình tĩnh chọn lọc và kiểm chứng thông tin trước khi bình luận, chia sẻ; không lưu trữ, cung cấp, đăng tải, chia sẻ, phát tán những thông tin xấu, độc, giả mạo, xuyên tạc, vu khống... Khi phát hiện cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm, phải báo cáo với cơ quan chức năng để kịp thời ngăn chặn và xử lý theo quy định.

Đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy, tổ chức đảng, của hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân và phải được triển khai đồng bộ, có hệ thống, với các chủ trương, giải pháp thiết thực, hiệu quả. Thực hiện tốt những giải pháp nêu trên sẽ góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội hiện nay./.

Chú thích:

(1) Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15.7.2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương, Những tác động của thông tin xấu, độc trên Internet đến tư tưởng, tâm trạng xã hội - thực trạng và giải pháp, *Đề tài khoa học mã số KHBD (2016)-01, tr.16.*

(3) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Lý luận chính trị, tr.153.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, 2016, tr. 201.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 1, tr. 183.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW VÀO GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ “ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC” TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

❁ ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Nghiên cứu, vận dụng Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” vào giảng dạy Chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá gắn với việc phát triển kinh tế tri thức” trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị giúp khẳng định sự thống nhất và phát triển trong tư duy của Đảng ta về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tiếp tục làm rõ nguyên tắc “kiên trì đường lối đổi mới” của Đảng; góp phần củng cố niềm tin, ý thức trách nhiệm người học và nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các trường chính trị cấp tỉnh.

Trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, bên cạnh những nội dung đã được quy định trong hệ thống các giáo trình, giảng viên phải chủ động nghiên cứu, bổ sung, cập nhật đầy đủ, chính xác, khoa học đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Bài viết này đề cập đến một số kinh nghiệm trong việc vận dụng Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây gọi là Nghị quyết số 29-NQ/TW) vào giảng dạy chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá gắn với việc phát triển kinh tế tri thức” (sau đây gọi là Chuyên đề), thuộc Phần học Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chương trình Trung cấp lý luận chính trị.

Chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức” trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị được phân bổ thời lượng 12 tiết với 03 nội dung lớn: (1) Khái niệm và sự cần thiết phải đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam; (2) Mục tiêu, quan điểm, nội dung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam; (3) Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam. Nội dung Chuyên đề đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn về công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức Việt Nam kể từ khi đổi mới đến nay; hệ thống các giải pháp thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức hiện nay.

Nghiên cứu, học tập nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức” giúp trang bị cho người học những kiến thức chủ yếu trong quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong bối cảnh mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; nâng cao năng lực vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn công tác, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; củng cố niềm tin vững chắc vào đường lối, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng và Nhà nước; trên cơ sở đó, định hướng tư tưởng, thái độ hưởng ứng và thực hiện tốt nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở địa phương, đơn vị.

Sau khi Giáo trình được đưa vào giảng dạy, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết số 29-NQ/TW ra đời trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã trở thành chủ trương xuyên suốt, nhất quán của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xuất phát từ tình hình đất nước sau hơn 35 năm, nhất là trong 10 năm (2011-2020), công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã nêu ra các quan điểm, mục tiêu, giải pháp để lãnh đạo thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Trên cơ sở nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức” và Nghị quyết số 29-NQ/TW, có thể thấy rằng, trong giảng dạy cần vận dụng, giới thiệu các nội dung,

các điểm mới của Nghị quyết số 29-NQ/TW để cập nhật, bổ sung thông tin cho học viên trên cả 03 nội dung lớn của Chuyên đề. Dưới đây xin nêu một số kinh nghiệm trong việc vận dụng Nghị quyết số 29-NQ/TW vào giảng dạy chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với việc phát triển kinh tế tri thức”.

Thứ nhất, cập nhật các nội dung về mục tiêu, chỉ ra những điểm mới, điểm khác giữa Chuyên đề và Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Mục tiêu tổng quát trong Chuyên đề: Mục tiêu tổng quát lâu dài của việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽¹⁾.

- Mục tiêu tổng quát trong Nghị quyết số 29-NQ/TW: Mục tiêu tổng quát đến năm 2030, Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh với năng lực sản xuất mới, tự chủ, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ tiên tiến. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh được nâng cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao.

Như vậy, xét về mục tiêu tổng quát, Chuyên đề có tính khái quát; có gắn các mục tiêu kinh tế với mục tiêu về chính trị - xã hội; Nghị quyết số 29-NQ/TW có tính

cụ thể hơn; tập trung sâu vào tính chất công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế.

Về mục tiêu cụ thể: So với Chuyên đề, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã chỉ ra nhiều tiêu chí cụ thể hơn, được lượng hóa nhằm

lãnh đạo, tổ chức thực hiện việc đẩy mạnh “công nghiệp hóa - hiện đại hóa”. Cụm từ “đẩy mạnh” ở đây gắn chặt với các nội hàm rõ ràng, đảm bảo nhận thức cả về định tính và định lượng.

Bảng 1: So sánh mục tiêu cụ thể giữa Chuyên đề và Nghị quyết số 29-NQ/TW

TT	Tiêu chí cập nhật thông tin (Mốc thời gian đến 2030)	Chuyên đề	Nghị quyết 29
1	GDP	7%/ năm. Theo giá hiện hành: ~7,5%	7%/ năm. Theo giá hiện hành: ~7,5%
2	GNI		7%
3	TFP	45% (2025)	50%
4	GII (đổi mới sáng tạo)		Top 40 thế giới
5	Lao động Nông nghiệp	< 20%	< 20%
	Lao động có bằng cấp chứng chỉ	35 - 40%	35 - 40%
	Lao động được đào tạo kỹ năng số		>80%
	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	6.5%/năm	
	Tỉ lệ sinh viên		260/1 vạn dân
6	Công nghiệp		40% GDP
	Công nghiệp chế biến chế tạo	30% GDP	30% GDP
	Công nghiệp công nghệ cao/ công nghiệp chế biến, chế tạo		45%
	Giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo/người		2000 \$/người
	Khu vực dịch vụ		50% GDP
	Du lịch/ dịch vụ		14 – 15% GDP
	Kinh tế số	30% GDP	30% GDP
7	Môi trường	100% đạt chuẩn	Phần đầu đạt các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương các nước dẫn đầu ASEAN; chỉ số hiệu quả môi trường >55%
8	Đô thị hóa		50%
9	Chỉ số HDI		Top 40

10	Cải cách HC: Chính phủ số		top 50 thế giới. Top 3 Asean
11	Tầm nhìn: 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại; thu nhập trung bình cao		
	2045	Trở thành nước phát triển, thu nhập cao	Trở thành nước phát triển, thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực châu Á

Thứ hai, cập nhật các quan điểm của Đảng về giải pháp thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Về giải pháp, Chuyên đề đề cập 5 giải pháp; Nghị quyết số 29-NQ/TW đề cập đến 10 nhiệm vụ và giải pháp. Về số lượng các giải pháp có thể nhận thấy sự khác biệt giữa Chuyên đề và Nghị quyết số 29-NQ/

TW. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thấy được sự thống nhất trong các nội dung này. Điểm khác ở đây là các giải pháp trong Chuyên đề có tính khái quát cao hơn; còn Nghị quyết số 29-NQ/TW, các giải pháp đi kèm với các nhiệm vụ cụ thể; do vậy, cách diễn đạt, thứ tự các nội dung cũng có những điểm mới, tuy nhiên, bản chất các nội dung là có tính thống nhất và phát triển.

Bảng 2: So sánh nhiệm vụ, giải pháp giữa Chuyên đề và Nghị quyết số 29-NQ/TW

TT	Chuyên đề: 5 Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam	Nghị quyết 29: 10 Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu
1	5. Bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước	1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước
2		2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy CNH - HĐH đất nước
3		7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy CNH - HĐH đất nước nhanh, bền vững
4	1. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực	10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong CNH - HĐH đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội

5	2. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	5. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH
6	3. Tạo lập nguồn vốn đầu tư cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức	4. Đẩy nhanh CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo
7		5. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng
8		6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững; gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho CNH - HĐH đất nước
9		8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng nhằm thúc đẩy CNH - HĐH đất nước nhanh, bền vững
10	4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại	9. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

Từ bảng trên có thể thấy, các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW có tính chất cụ thể, còn Chuyên đề, giải pháp được trình bày dưới dạng nhóm vấn đề. Mặt khác, một số nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết cũng đã được Giáo trình đề cập ở phần II, mục 2. “Nội dung công nghiệp hóa - hiện đại hóa”.

Thứ 3, về phương pháp nghiên cứu, vận dụng nghị quyết vào bài giảng, có mấy điểm đề xuất như sau:

Một là: Để có thể vận dụng Nghị quyết số 29-NQ/TW vào Chuyên đề bài giảng, trước hết, người giảng viên phải hiểu sâu sắc về nội dung bài giảng, từ mục đích, yêu cầu; các nội dung lớn cũng như nội hàm của từng phần. Chuyên đề “Đẩy mạnh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức” gồm nội dung vừa lớn, khái quát, vừa đi vào các số liệu, các ngành nghề, lĩnh vực cụ thể cần đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Nghị quyết số 29-NQ/TW cũng rất nhiều thông tin, tiêu chí chi tiết; nếu chỉ đọc sơ bộ, rất khó để nhận ra những điểm mới, điểm khác, những điểm cần cập nhật... Do vậy, đầu tư thời gian nghiên cứu bài bản là việc không thể bỏ qua nếu muốn việc cập nhật, bổ sung thông tin chắc chắn và có tính thuyết phục.

Hai là: Từ phần tình hình của Nghị quyết số 29-NQ/TW, khi vận dụng vào Chuyên đề, bài giảng, nên đề cập đến sự đánh giá của Trung ương về các thành tựu và hạn chế của công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại

hóa, từ đó, nêu bật lên tính khách quan của việc cần tiếp tục “đẩy mạnh” và “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” như thế nào ở các phần quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 29-NQ/TW. Từ đó làm rõ tư duy khoa học, khách quan, nhất quán và đổi mới, sâu sát thực tiễn và nhìn thẳng vào các hạn chế, tồn tại, khuyết điểm để tập trung khắc phục, sửa chữa của Ban Chấp hành Trung ương trong lãnh đạo công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay, qua đó góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng Đảng.

Ba là: Khi cập nhật, bổ sung thông tin từ Nghị quyết vào Chuyên đề, bài giảng, các nội dung cụ thể, chi tiết có thể gây khó ghi nhớ, theo dõi và nắm bắt. Vì vậy, để dễ hiểu, rõ ràng, dễ phân tích, việc lập thành bảng biểu, nghiên cứu xếp các nội dung thuộc các nhóm vấn đề vào với nhau là một giải pháp tốt. Những thông tin mới cần cập nhật sẽ rất tiện theo dõi. Người giảng viên cần tự mình làm công việc này để bản thân trở nên chuyên nghiệp, vững vàng hơn về nội dung lý luận, phương pháp. Tuy nhiên, cũng có thể yêu cầu học viên tự mình lập bảng biểu, so sánh, cập nhật và thảo luận rút ra các nhận xét, trên cơ sở đó mà khắc sâu các nội dung lý luận mong muốn cho đội ngũ học viên.

Bốn là: Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng qua giảng dạy Chuyên đề và cập nhật Nghị quyết số 29-NQ/TW, cần xây dựng, gợi mở các câu hỏi thảo luận xoay quanh nhận thức, ý thức trách nhiệm của học viên và tổ chức Đảng nơi học viên công tác. Các câu hỏi có thể gợi ý phản ánh về tình hình học tập, nghiên cứu Nghị quyết; nhận thức về Nghị quyết của cá nhân học viên, đảng bộ, chi bộ của học viên như thế nào; trách nhiệm cụ thể của đảng bộ, chi bộ, đảng viên trong thực hiện Nghị quyết; liên hệ thực tế tình hình, thuận lợi, khó khăn và giải pháp cần thiết để các tổ chức đảng ở cơ sở đưa Nghị quyết số

29-NQ/TW vào cuộc sống... Hoạt động này giúp quá trình giảng dạy, học tập sôi nổi, phát huy tinh thần, ý thức trách nhiệm cũng như giúp nghiên cứu sâu sắc về lý luận của cả giảng viên và học viên.

Cuối cùng, việc nghiên cứu, cập nhật thông tin từ Nghị quyết vào Chuyên đề bài giảng phải đi đến mục tiêu khẳng định sự thống nhất các nội dung trong Giáo trình và Nghị quyết trong quan điểm của Đảng ta về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời thể hiện nguyên tắc “kiên trì đường lối đổi mới” của Đảng. Kiên trì đổi mới là sự thường xuyên tự nhận thức và đổi mới tư duy lãnh đạo cho phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn. Mặt khác, đối với giảng viên, việc nghiên cứu, bổ sung các thông tin lý luận và thực tiễn vào bài giảng, giúp bài giảng có tính thời sự là yêu cầu bắt buộc và thường xuyên. Vì vậy, cần đầu tư thời gian nghiên cứu một cách hệ thống, bài bản giúp nâng cao nhận thức, hoàn thiện phương pháp, kỹ năng, từ đó, người giảng viên có thể làm chủ hoàn toàn tri thức và bài giảng, củng cố niềm tin cho học viên vào đường lối, Nghị quyết, sự lãnh đạo của Đảng, góp phần quan trọng trực tiếp vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay./.

Chú thích:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, tr57
2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đẩy mạnh CNH – HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG - NHIỆM VỤ PHẢI TỔ CHỨC THƯỜNG XUYÊN TẠI CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn giữ vị trí quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta. Việc quan tâm, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để họ không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, rèn luyện kỹ năng công tác, trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống nhằm hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp thiết. Muốn vậy, cần phải thực hiện có hiệu quả tất cả các khâu trong quá trình tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Khi bàn về vị trí, vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đây là công việc hết sức quan trọng, là “việc gốc” trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Người khẳng định: “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”¹. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mới có đội ngũ cán bộ vững mạnh, làm tốt nhiệm vụ “đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”². Nói cách khác, để xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ và năng lực, nhất là trí tuệ và thực tiễn công tác chuyên môn, thì phải thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Muốn làm được điều đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nói riêng phải hướng đến việc lấy chất lượng, hiệu quả làm thước đo và là mục tiêu hướng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải coi trọng tất cả các khâu trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, từ việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; xây dựng nội dung chương trình; xây dựng và rèn luyện đội ngũ giảng viên. Đặc biệt, để đo lường, đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện nay, cần phải tích cực, chủ động tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và

Bộ nội vụ. Việc tổ chức đánh giá sát đúng chất lượng đào tạo, bồi dưỡng sẽ giúp các trường đo lường kết quả đạt được cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học khi tham gia một khóa đào tạo, bồi dưỡng; là cơ sở để xác định chất lượng giảng dạy của giảng viên; xác định mức độ phù hợp của nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của người học; biết được mục tiêu đào tạo đã đạt được ở mức độ nào. Trên cơ sở đó, sẽ có căn cứ để điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy; cách thức quản lý và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng một cách phù hợp nhất.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã quan tâm đến khâu đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, trên cơ sở đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng học viên, thực tiễn của từng trường và từng địa phương. Tuy nhiên, ở nhiều trường, việc đánh giá này chưa được tiến hành thường xuyên và vẫn đang chủ yếu đánh giá dựa trên cơ sở điểm số và kết quả học tập của học viên; sự hài lòng của học viên đối với kiến thức mà giảng viên truyền đạt, chia sẻ, trao đổi; kinh nghiệm của giảng viên trong việc triển khai các nội dung bài giảng; công tác quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu các trường... Vì vậy, kết quả phản ánh chất lượng đào tạo, bồi dưỡng vẫn còn mang tính hình thức và chung chung, chưa có những kết quả cụ thể theo từng tiêu chí, từng mức độ đối với các nội dung cần đánh giá.

Trước thực trạng đó, để đáp ứng ngày càng tốt hơn chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 08/4/2022, Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành

Quyết định số 8678-QĐ/HVCTQG về việc ban hành Quy định đánh giá chất lượng đào tạo Trung cấp lý luận chính trị của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh đó, tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV, ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cũng đã quy định đầy đủ, chi tiết về việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, ngày 31/5/2023, Bộ Nội vụ cũng đã ban hành Thông tư số 07/2023/TT-BNV, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Việc thể chế hóa khâu đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bằng những văn bản cụ thể này là căn cứ rất cần thiết để các trường dễ dàng tổ chức thực hiện và tạo sự thống nhất trong khâu đánh giá, từ đó hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới.

Tuy nhiên, để thực hiện tốt công tác đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, trên cơ sở thực tiễn của địa phương, Ban Giám hiệu các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải bám vào nội dung quy định, sớm xây dựng quy trình đánh giá, theo đó, việc đánh giá phải đảm bảo sử dụng phương pháp và thời điểm phù hợp với từng đối tượng, từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt phải đảm bảo đánh giá toàn diện các nội dung chi phối trực tiếp đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đánh giá nội dung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng. Đánh giá chương trình, tài liệu là quá trình xem xét, nhận xét trên các khía cạnh về nội dung, hình thức của chương trình, tài liệu để xác định xem nó có phù hợp với mục tiêu, đối tượng, trình độ đào tạo, bồi dưỡng; có đảm bảo tính chính xác, tính cập nhật, tính cơ bản, hệ thống, tính cân đối và tính thực tiễn của nội dung chương trình, tài liệu hay không, từ đó đề xuất điều chỉnh, bổ sung, cập nhật thêm các nội dung cho phù hợp.

Để làm được điều đó, sau từng phần học hoặc sau mỗi khóa học các trường phải tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên và học viên đối với chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về mức độ phù hợp của chương trình, tài liệu với đối tượng đào tạo, bồi dưỡng trên các mặt như: Thời lượng học tập, kết cấu chương trình và tài liệu học tập; việc cập nhật các chủ trương chính sách mới trong chương trình, tài liệu; tính thống nhất, khoa học, tính ứng dụng của chương trình, tài liệu.

Thông qua việc đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm, các trường phải điều chỉnh kịp thời cách thức tổ chức quản lý, việc bố trí nội dung, chương trình; chỉ đạo cập nhật, bổ sung vào chương trình và bài giảng những thông tin cần thiết sát với tình hình kinh tế - xã hội địa phương và yêu cầu của đối tượng; kiến nghị viết bổ sung tài liệu; điều chỉnh việc sử dụng phương pháp, phương tiện giảng dạy sao cho đáp ứng được nhu cầu của người học một cách hiệu quả nhất.

Thứ hai, đánh giá chất lượng học tập của học viên. Chất lượng học tập của người học phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố như: động cơ học tập; khả năng tiếp thu, lĩnh hội và sáng tạo của người học. Đặc biệt, chất lượng của người học phụ thuộc rất lớn vào chất lượng giảng dạy của người thầy.

Đối với việc đánh giá hoạt động học của học viên, thông qua các buổi học trên lớp, giảng viên phải quan sát tinh thần, thái độ học tập của học viên, nắm bắt được trình độ và những sáng tạo trong quan điểm, nhận thức của học viên về các vấn đề nghiên cứu. Muốn vậy, trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải thường xuyên nêu vấn đề, đưa ra các tình huống và tổ chức cho học viên thảo luận để xem xét tinh thần, thái độ của học viên trên các mặt như: Việc tích cực trao đổi, thảo luận các nội dung mà giảng viên đưa ra; tích cực chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, tình huống thực tế trong thời gian học tập; việc thực hiện tốt các hướng dẫn học tập của giảng viên; thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy, quy chế của khóa đào tạo, bồi dưỡng...

Thứ ba, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên. Giảng viên là người có vai trò quyết định đến mức độ thành công của khóa đào tạo, bồi dưỡng. Đánh giá giảng viên là cơ sở để lựa chọn, phát huy được năng lực, sở trường của giảng viên và quản lý, điều hành công tác giảng dạy tốt hơn. Vì vậy, đánh giá giảng viên phải được xem là yêu cầu bắt buộc hàng năm của nhà trường. Để đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên, phải xây dựng được các tiêu chí đánh giá trên các mặt như: Kiến thức chuyên môn; khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn vào giảng dạy; việc sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, nhất là các phương pháp dạy học hiện đại; kỹ năng hướng dẫn học viên tự học tập, nghiên cứu; phương pháp kiểm tra, đánh giá học viên của giảng viên; phẩm chất đạo đức của người giảng viên từ tư tưởng chính trị, tinh thần trách nhiệm, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, việc thực hiện văn hóa ứng xử trường Đảng...

Để đánh giá tốt chất lượng giảng viên, hàng năm Ban Giám hiệu các trường cần chỉ đạo các khoa, phòng chuyên môn tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy

của giảng viên thông qua việc kiểm tra giáo án giảng dạy, giáo án thảo luận của giảng viên; tổ chức thông qua bài giảng; tổ chức dự giờ, thao giảng để đánh giá kỹ năng thể hiện nội dung bài giảng trên lớp, kỹ năng sư phạm, kỹ năng sử dụng phương tiện hỗ trợ, kỹ năng hướng dẫn học viên thảo luận, tự học tập, tự nghiên cứu; tổ chức sinh hoạt chuyên môn để nhận xét, đóng góp ý kiến vào bài giảng cho mỗi giảng viên. Mặt khác, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp hoặc phát phiếu điều tra cho học viên các lớp mà giảng viên trực tiếp giảng dạy để thu thập thông tin làm cơ sở đánh giá giảng viên sau mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng. Sau đánh giá phải có kế hoạch để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng giảng viên cả về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, kinh nghiệm và kỹ năng vận dụng thực tiễn.

Thứ tư, đánh giá công tác tổ chức, quản lý và phục vụ. Qua thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời gian qua cho thấy, chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng không chỉ phụ thuộc vào nội dung chương trình; chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên và chất lượng học tập của học viên, mà còn phụ thuộc rất lớn vào công tác tổ chức, quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Vì vậy, để có cơ sở đánh giá đầy đủ, khách quan chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cần phải xây dựng các tiêu chí đánh giá về công tác tổ chức, quản lý và phục vụ như: việc phối hợp với cấp ủy địa phương và các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đi học; việc xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; việc thực hiện nội dung, chương trình; thực hiện các quy chế, quy định về đào tạo, bồi dưỡng; các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học; việc cung cấp thông tin, tiếp nhận và xử lý, giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của học viên.

Thứ năm, đánh giá cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng. Cơ sở vật chất là yếu tố phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường nào có cơ sở vật chất tốt, chất lượng, hiện đại... thì sẽ góp phần hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường. Việc thường xuyên tổ chức đánh giá chất lượng cơ sở vật chất sẽ giúp các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thấy rõ khả năng đáp ứng của tài liệu, thiết bị, không gian, cảnh quan, môi trường... từ đó có cơ sở đề xuất các cấp có thẩm quyền hỗ trợ nguồn lực để sửa chữa, trang sắm đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và học viên.

Để làm được điều đó, hàng năm, căn cứ vào quy định về việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, các trường phải xây dựng được các tiêu chí đánh giá cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường trên cơ sở các nội dung như: phòng học và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu; tài liệu học tập; các thiết bị công nghệ thông tin; cảnh quan, không gian và các khu vực tiện ích phục vụ hoạt động học tập và rèn luyện của học viên. Đối tượng tham gia đánh giá phải đa dạng, từ người lãnh đạo quản lý, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, cho đến học viên đang tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ sáu, đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng. Chất lượng của khóa đào tạo, bồi dưỡng không chỉ thể hiện ở điểm số, kết quả xếp loại học tập cuối khóa của học viên hay số lượng lớp, số lượng học viên hàng năm nhà trường đào tạo, bồi dưỡng được, mà chất lượng thực chất của khóa đào tạo, bồi dưỡng nằm ở việc đạt được mục tiêu của cả người học, người dạy, cơ sở đào tạo và cơ quan cử

người đi học, cụ thể: người học đạt được các kỳ vọng của mình, thu được kiến thức, kỹ năng và tri thức cần thiết phục vụ công việc; cơ quan cử cán bộ đi học hài lòng về kết quả thực hiện công việc sau khi người học trở về đơn vị công tác; giảng viên đạt được mục tiêu giảng dạy đặt ra. Đây là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có sự vào cuộc, sự tham gia của các cá nhân, tổ chức có liên quan đến khóa đào tạo, bồi dưỡng. Để làm tốt nội dung này, ngoài sự nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên, thì các trường phải thường xuyên phối hợp với Ban Thường vụ cấp ủy nơi cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng xây dựng các tiêu chí cụ thể nhằm tổ chức đánh giá một cách khoa học, chặt chẽ.

Muốn vậy, trước khi cấp ủy cử cán bộ đi học phải kèm theo bản đánh giá cho mỗi cá nhân trên các mặt như: năng lực công tác; trình độ hiểu biết về lý luận; kỹ năng điều hành và giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương; đạo đức, tư cách người cán bộ, đảng viên. Bản đánh giá này sẽ được lưu trữ theo hồ sơ học viên trong quá trình tham gia khóa học. Sau khi học viên tốt nghiệp về địa phương, đơn vị công tác ít nhất là 12 tháng, Nhà trường sẽ gửi phiếu điều tra mức độ phát triển trên các mặt so với trước khi đi học của cán bộ khi về cơ sở như: Kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với công việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có thay đổi tích cực không; kỹ năng thực thi công vụ của cán bộ, công chức có thành thạo hơn không; năng suất, hiệu quả công việc của cán bộ được cử đi học có tăng lên khi họ trở về với công việc hay không; những thay đổi tích cực trong hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức từ khi tham gia khóa học đến nay như thế nào... Căn cứ mẫu phiếu điều tra, cấp ủy cơ sở sẽ tổ chức đánh giá mức độ trưởng thành của cán bộ sau khi được

đào tạo, bồi dưỡng, phản ánh kết quả cho Nhà trường và kiến nghị, đề xuất với Nhà trường về công tác phối hợp đào tạo, quản lý học viên khi tổ chức lớp, nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn ở cơ sở hiện nay. Cách làm này sẽ nhận được sự hưởng ứng, đồng thuận của cấp ủy các cấp cũng như cán bộ đi học, đồng thời giúp cho Ban Giám hiệu các trường có căn cứ để đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi mà thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đang đặt ra.

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng thực sự có hiệu quả, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vững mạnh toàn diện, “vừa hồng vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn cơ sở đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay, vai trò của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là hết sức quan trọng. Vì vậy, việc quan tâm tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương và địa phương liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, việc triển khai này cần phải được tiến hành thường xuyên và đảm bảo tất cả các mặt, các khâu của quá trình đào tạo, bồi dưỡng, nhất là khâu đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Có như vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng mới góp phần đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới./

Chú thích:

(1) CD-Rom, Hồ Chí Minh: Toàn tập (xuất bản lần thứ ba), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.X;

(2) CD-Rom, Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.5, tr.309.

LAN TOẢ GIÁ TRỊ TÁC PHẨM ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG



ThS. PHAN THỊ AN PHÚ

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Từ khi tác phẩm “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng được xuất bản và ra mắt bạn đọc đã có không ít luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch. Vì vậy, việc quán triệt, học tập những giá trị của tác phẩm của Tổng Bí thư là việc làm cần thiết, góp phần bảo vệ những giá trị lý luận, giá trị thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân về sự nghiệp cách mạng của nước nhà.

Tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban được ra mắt nhân dịp kỷ niệm 93 năm thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2023) và 10 năm thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (1/2/2013 - 1/2/2023). Những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, những bài viết đậm chất lý luận và thực tiễn về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Tổng Bí thư được tập hợp, hệ thống lại nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ hơn, thực hiện hiệu quả hơn về việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Vì vậy, mỗi cán bộ đảng viên cần nghiêm túc học tập, tuyên truyền, giới thiệu, lan toả những giá trị cốt lõi của tác phẩm về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng và Nhà

nước ta trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân.

1. Nội dung chính tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”

Ngay sau khi phát hành, cuốn sách của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ rất lớn của đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước. Tuy nhiên, bên cạnh những ý kiến hưởng ứng của đông đảo cán bộ, đảng viên, cũng có một số cá nhân, tổ chức thù địch đã sử dụng nhiều cách thức đưa ra luận điệu xuyên tạc, phản động. Thông qua các phương tiện truyền thông xã hội, chúng đã rêu rao rằng việc xuất bản cuốn sách này càng chứng tỏ việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam chỉ là hình thức, mang tính bề nổi. Trên không gian mạng chúng

tim cách dẫn dắt dư luận theo chiều hướng phiến diện khi cho đây là cách mà Đảng ta đang tìm cách đánh bóng tên tuổi cho lãnh đạo Đảng; là cách thức mị dân, mê hoặc quần chúng nên không có giá trị thực tiễn, không đem lại hiệu quả nào cho đời sống xã hội. Chúng nhấn mạnh việc phải thay thế thể chế chính trị, chấp nhận đa nguyên, đa đảng thì cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam mới có thể thành công. Những luận điệu mà các thế lực thù địch cố tình đưa ra mục đích chính là phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta, gây mất niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Nội dung của tác phẩm có ba phần chính, với 600 trang sách, 111 bức ảnh. Phần thứ nhất: Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam, tập trung làm rõ một số vấn đề có tính lý luận về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam, tổng kết thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta trong 10 năm qua và chỉ ra những nhiệm vụ, giải pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực thời gian tới. Phần thứ hai: Nhất quán phương châm: Phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa, cả ngọn lẫn gốc, nhấn mạnh đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và về việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên từ đó chỉ rõ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là phòng ngừa từ xa, từ sớm, mà trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đặc biệt là phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên để từ tận gốc tham nhũng, tiêu cực. Phần thứ ba: Trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt, đã tuyển chọn 96 trên tổng số hàng vạn ý kiến của các tầng lớp nhân dân, đại biểu Quốc hội và của chính khách, học giả nước ngoài bày tỏ sự tin

tưởng, ủng hộ, đánh giá cao đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của đồng chí Tổng Bí thư.

Tác phẩm là tài liệu quý báu đầy tính chân thực, khách quan, toàn diện của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vấn đề rất cốt lõi để xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, thể hiện nhuần nhuyễn: kết hợp đồng bộ giữa “xây” và “chống”; giữa đẩy lùi và ngăn chặn từ sớm, từ xa; giữa xử lý nghiêm minh, nghiêm khắc và phòng ngừa, giáo dục; giữa xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức và cán bộ gắn liền với chống suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; giữa quyết tâm chính trị của người đứng đầu Đảng, của toàn Đảng và cả hệ thống chính trị với sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân, bạn bè quốc tế. Đồng thời, tác phẩm có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, là sự tổng kết thực tiễn phong phú rút ra những vấn đề có tính lý luận và các bài học kinh nghiệm quý để củng cố thêm bản lĩnh, sức mạnh và niềm tin; định hướng giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong thời gian tới. Từ sự khẳng định thành tựu và ý nghĩa to lớn của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong những năm qua với vai trò của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo, đã có nhiều cách làm hay, sáng tạo, khoa học, bài bản, chắc chắn, hiệu quả. Nhiều tư tưởng, quan điểm, phương châm chỉ đạo, nguyên tắc hành động, giải pháp cơ bản để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do đồng chí Tổng Bí thư khởi xướng, chỉ đạo đã phát huy hiệu

quả, được khẳng định qua thực tiễn, đã đúc kết, rút ra những bài học kinh nghiệm quý, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, trong đó, nhiều nội dung đã được cụ thể hóa, thể chế hóa thành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tác phẩm cho thấy sự nhất quán giữa nói và làm; sự kiên trì đấu tranh không ngừng nghỉ; sự thống nhất giữa những nung nấu nhiều năm và hành động quyết liệt trong đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; cho thấy tầm nhìn, sự nhất quán cùng những trăn trở, suy nghĩ của đồng chí Tổng Bí thư để có các biện pháp, giải pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả. Từ đó đã khẳng định niềm tin, sự đồng tình, ủng hộ, cổ vũ của các tầng lớp nhân dân, đại biểu Quốc hội, chính khách, học giả nước ngoài với quyết tâm của Đảng và những chỉ đạo hiệu quả của đồng chí Tổng Bí thư trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam.

Tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng góp phần quan trọng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch tấn công vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta; giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng về mục tiêu của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, từ đó giữ vững, củng cố niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước.

2. Lan tỏa giá trị tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Việc giới thiệu một cách đầy đủ về những giá trị của tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham

nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” đến đông đảo cán bộ, đảng viên cùng các tầng lớp nhân dân tạo nên sự thống nhất về mặt nhận thức và gắn kết về hành động góp phần làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt phòng chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên. Để thực hiện được điều đó cần thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiêm túc triển khai đợt học tập, sinh hoạt chính trị, tư tưởng về tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ở dưới nhiều hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, sáng tạo, hiệu quả, tiết kiệm, gắn với các hoạt động triển khai đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các sự kiện chính trị của đất nước, địa phương. Trong tuyên truyền cần tập trung làm rõ 03 phần nội dung chính của tác phẩm, nhấn mạnh những giá trị cốt lõi của tác phẩm, tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí, hành động trong toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội, từ đó kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta; nâng cao ý thức, trách nhiệm, quyết tâm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đấu tranh phòng, chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, xây dựng

Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, vận dụng những vấn đề lý luận và thực tiễn đề cập trong tác phẩm vào công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, mỗi cán bộ đảng viên phải phát huy tinh thần tự giác, nghiêm túc học tập và nghiên cứu nội dung để vận dụng những vấn đề lý luận và thực tiễn đề cập trong tác phẩm vào công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Phải nêu cao vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên nhất là trách nhiệm nêu gương trong học tập, tuyên truyền, triển khai việc thực hiện đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng này. Khi chúng ta nhận thức sâu sắc về những vấn đề cơ bản trong tác phẩm từ bản chất, mục đích, ý nghĩa, kết quả, bài học trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian qua và những chủ trương, quan điểm, phương châm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác này trong giai đoạn hiện nay sẽ tin tưởng vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Qua đó có thêm luận cứ, luận điểm đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị.

Thứ ba, sử dụng nhiều cách thức tuyên truyền khác nhau về tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ các cơ quan thông tấn, báo chí cho đến những ghi nhận, đánh giá của các học giả, cán bộ, đảng viên, nhân dân xung quanh tác phẩm; chú trọng tuyên truyền trên các ứng dụng nền tảng mạng

xã hội. Mỗi kênh tuyên truyền sẽ có nhưng thế mạnh riêng nên khi phát huy tốt những lợi thế đó sẽ góp phần lan tỏa những giá trị từ tác phẩm của đồng chí Nguyễn Phú Trọng. Trước hết, cần khuyến khích hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật, sản xuất phim tài liệu, phim ngắn, các tác phẩm báo chí, xuất bản để tuyên truyền, làm sáng tỏ về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở Việt Nam được trình bày trong tác phẩm. Đồng thời, đưa nội dung tác phẩm vào trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở các trường chính trị và trung tâm chính trị cấp huyện. Chú trọng các hoạt động tổ chức hội thảo, nghiên cứu khoa học làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta và những đóng góp của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, bổ sung, phát triển lý luận về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị./.

Tài liệu tham khảo:

1. Hướng dẫn số 97-HD/BTGTW về triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng về nội dung tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

2. Nguyễn Phú Trọng (2023), “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*”, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.

TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



ThS. TRẦN THỊ BÍCH THUY

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về ngoại giao được hình thành và phát triển bắt đầu từ khi người đi tìm đường cứu nước cho đến khi là lãnh đạo Nhà nước Việt Nam. Những quan điểm của Người trên lĩnh vực này đã định hướng công tác đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; là kim chỉ nam cho tư duy và đường lối ngoại giao của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao với những nguyên lý và nội dung cơ bản về phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao được hình thành và phát triển trong quá trình gần 60 năm hoạt động cách mạng, hoạt động quốc tế của Người. Quá trình hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh với cương vị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng đã đặt nền móng, xây dựng nên một nền ngoại giao hiện đại. Di sản mà Người để lại trong quá trình hoạt động cách mạng, hoạt động quốc tế là nền tảng lý luận, là cơ sở quan trọng cho công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập sâu rộng trong giai đoạn hiện nay.

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển qua bốn giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: Từ khi ra đi tìm đường cứu nước đến khi gặp chủ nghĩa Lênin (1911-1920). Đây là thời kỳ mang tính quyết định đối với việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao.

Giai đoạn thứ hai: Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam (1920-1930). Trong thời kỳ này, những quan điểm lớn về ngoại giao Hồ Chí Minh được thể hiện trong các tác phẩm “Đông Dương” (1921), Bài phát biểu tại Đại hội V Quốc tế III (1924), “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925), “Đường cách mệnh” (1927). Nổi bật của thời kỳ này là tư tưởng độc lập tự do; tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; mối quan hệ tương hỗ, khăng khít giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc; quan điểm đoàn kết quốc tế.

Giai đoạn thứ ba: Thời kỳ Hồ Chí Minh bị Quốc tế Cộng sản và đồng chí mình hiểu nhầm nhưng Người vẫn kiên định lập trường giai cấp và dân tộc. Đây là thời kỳ khó khăn của Đảng và cách mạng nước ta. Trong giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc chủ động tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế rộng rãi, giữ quan hệ chặt chẽ với Quốc tế Cộng sản và các đảng anh em, nhất là Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc; đề cao và thể hiện tinh thần quốc tế vô sản vào

hoạt động cách mạng cụ thể, đặc biệt vào lúc cách mạng gặp khó khăn; thường xuyên kêu gọi, vận động, yêu cầu Quốc tế Cộng sản, các đảng anh em, nhân dân lao động bị áp bức trên thế giới giúp đỡ Đông Dương, bảo vệ Đông Dương, chặn bàn tay khủng bố trắng của thực dân Pháp, xâm lược của Nhật. Trên cơ sở kế thừa những bài học trong dựng nước và giữ nước của dân tộc, xuất phát từ thực tiễn cách mạng và sự nhạy bén của bản thân, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước hình thành và củng cố trong quan điểm của mình nguyên lý về kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; quan điểm giúp bạn là giúp mình, “cứu bạn là tự cứu mình” và bắt đầu chú ý đến Trung Quốc, đặt nền tảng cho quan hệ láng giềng thân thiết như môi với răng sau này.

Giai đoạn thứ tư: Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941-1969). Lịch sử trong giai đoạn 1941-1945 đã mở ra nhiều khả năng thuận lợi để đưa cách mạng đến thắng lợi. Hồ Chí Minh đã dồn hết trí lực cho nhiệm vụ hàng đầu, lợi ích tối cao của dân tộc, kiên quyết và khôn khéo giành bằng được độc lập và tự do. Đây là ưu tiên số một trong hoạt động cách mạng của Người. Trong thời gian này, Người và Trung ương Đảng bắt kịp diễn biến tình hình trong nước, thế giới, đưa những nhận định sáng suốt về tác động của chiến tranh thế giới II đối với cách mạng Việt Nam; dự báo một cách khoa học, chính xác thời cơ cách mạng, từ đó vận dụng một cách sáng tạo lý luận Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, kịp thời đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối chiến lược, sách lược sát hợp với từng bước chuyển biến để đưa cách mạng đến thành công, giành độc lập tự do cho dân tộc. Trong giai đoạn này, quan điểm về ngoại giao được bổ sung thêm những luận cứ, nội dung mới vào phạm trù các quyền dân tộc cơ bản, làm nó được phát triển thêm, sâu rộng hơn, đưa tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc, đoàn kết

quốc tế, độc lập tự chủ đến đỉnh cao về tư duy lý luận và vận dụng thực tiễn. Nổi bật là những tư tưởng về tập hợp lực lượng, thêm bạn bớt thù. Cũng vào thời điểm này, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm về tuyên truyền đối ngoại, về ngoại giao là một mặt trận, những đạo lý trong quan hệ quốc tế...

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại rơi vào tình thế vô cùng khó khăn, bị cô lập, bao vây tứ phía, cùng một lúc chống chọi với nhiều thù trong, giặc ngoài. Chính ở trong thời điểm khó khăn và đầy thử thách đó, tư tưởng đường lối chiến lược, sách lược cũng như năng lực tổ chức thực tiễn, chỉ đạo sáng suốt, tài tình của Hồ Chí Minh về đối nội, đối ngoại được thể hiện sâu sắc. Trọng tâm của chiến lược, sách lược ngoại giao của Hồ Chí Minh lúc này là chủ động tấn công phân hóa hàng ngũ địch; thêm bạn bớt thù; lấy đấu tranh chính trị hỗ trợ, kết hợp ngoại giao song phương và ngoại giao đa phương; chú trọng tuyên truyền đối ngoại, tranh thủ dư luận đồng tình ủng hộ, tạo thực lực và so sánh lực lượng ngày càng có lợi, giành thắng lợi từng bước. Tư tưởng về hòa bình và chiến tranh được thể hiện rất rõ nét, sâu sắc trong hoạt động và trong hàng loạt tác phẩm của người vào thời kỳ này. Đó là tư tưởng hòa bình, hữu nghị, hợp tác bình đẳng, thân thiện của nhân dân ta. Tuy nhiên, khi bị lấn át, áp đặt, Hồ Chí Minh quyết tâm cùng dân tộc tiến hành đấu tranh để có hòa bình. Từ đây, quan điểm chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa ra đời; ủng hộ chiến tranh chính nghĩa là nghĩa vụ của cộng đồng quốc tế, kẻ gây chiến tranh xâm lược là tội phạm và phải chịu trách nhiệm. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng đề ra chính sách nhân đạo, văn minh, khoan hồng đối với tù binh và hàng binh mà luật pháp quốc tế lúc đó chưa có đầy đủ những quy định như vậy.

Với tư tưởng ngoại giao vô cùng sáng suốt và sáng tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

cùng Đảng ta đưa cách mạng vượt qua cơn hiểm nghèo trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, giữ vững thành quả cách mạng và đưa cách mạng vững bước trên con đường đi tới độc lập tự do hoàn toàn.

Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), khi kháng chiến bắt đầu, nước ta ở vào tình thế bị bao vây cô lập, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo, thư điện gửi tới những nơi cần thiết để thể hiện rõ thiện chí của Nhà nước ta đồng thời vạch rõ tính bất hợp pháp của chính quyền bù nhìn, âm mưu và thủ đoạn xuyên tạc và lừa bịp của kẻ thù. Trong giai đoạn này, Hồ Chí Minh sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả quan hệ chính trị quân sự và ngoại giao, từng bước đưa ra khỏi thế bị bao vây cô lập và củng cố thực lực và kết quả buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

Trong giai đoạn 1954- 1969, tình hình nước ta và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đặt ra cho chúng ta một loạt vấn đề chiến lược và sách lược cần giải quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, giành độc lập thống nhất hoàn toàn. Trong thời gian này, tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh không những được hoàn thiện tới đỉnh cao tư duy lý luận mà còn được thực tiễn cách mạng phong phú kiểm định và khẳng định thành chân lý. Nổi bật trong thời gian này là tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; đường lối độc lập, tự chủ và sáng tạo; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đoàn kết quốc tế đấu tranh chính trị, quân sự kết hợp đấu tranh ngoại giao; tập hợp lực lượng cô lập kẻ thù, thêm bạn bớt thù, từng bước đánh đổ đi tới đánh bại kẻ thù, giành thắng lợi từng bước đi tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, bước vào thời kỳ đổi mới Đảng ta đã có những bước tiến trong quan hệ với các nước láng giềng, trong khu vực và trên thế giới. Đảng tiến hành công tác đối ngoại với bốn phương châm: Đảm bảo lợi ích dân tộc chân chính, đồng thời giải quyết tốt mối quan hệ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản; Giữ vững độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; Trong quan hệ ngoại giao luôn có hai mặt hợp tác và đấu tranh, không tuyệt đối hóa mặt nào; Tham gia hợp tác khu vực nhưng đồng thời mở rộng hợp tác thế giới.

Với phương châm đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã khẳng định: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”¹. Cụ thể hóa hơn, xác định những định hướng và nhiệm vụ sâu rộng hơn về hội nhập quốc tế: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập dân tộc, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước”². Quan điểm này cho thấy Đảng ta đã nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn những đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát và vận dụng linh hoạt trong quá trình hội nhập quốc tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh: “Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt

Xem tiếp trang 71

KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY



ThS. VÕ THANH CƯỜNG

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, chủ nghĩa yêu nước, nhân văn, tinh thần dân chủ đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt những giá trị truyền thống, góp phần làm nên bản lĩnh, bản sắc văn hoá dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, việc tiếp tục khai thác, kế thừa, phát huy các giá trị nhân văn truyền thống dân tộc trong xây dựng, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lựa chọn đúng đắn, góp phần đưa đất nước ta vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Nếu trong lịch sử tình yêu thương con người gắn với yêu nước, giải phóng con người gắn với giải phóng dân tộc là nét đặc trưng của tư tưởng nhân văn Việt Nam, thì ngày nay yêu thương con người phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là lý tưởng nhân văn cao đẹp và sự nghiệp đổi mới đất nước là con đường, biện pháp tất yếu để lý tưởng đó trở thành hiện thực. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một mặt phải chú ý đến xây dựng, phát triển nhân tố con người với tư cách là chủ thể sáng tạo, là động lực, mục đích của sự phát triển. Đồng thời, kế thừa giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc trên những nguyên tắc: Kế thừa có chọn lọc để phục vụ cho định hướng xã hội chủ nghĩa; kế thừa phải gắn liền với đổi mới, phát triển, trên cơ sở những chuẩn mực mới; kế thừa, tiếp thu tinh hoa nhân văn của nhân loại...

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, chủ nghĩa yêu nước, nhân văn, tinh thần dân chủ đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt những giá trị truyền thống, góp phần làm nên bản lĩnh, bản sắc văn hoá dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng

thành công chủ nghĩa xã hội, cùng với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, việc kế thừa, phát huy các giá trị nhân văn truyền thống dân tộc để tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đi đúng đắn, hợp quy luật. Để làm được điều đó, cần có cách nhìn toàn diện, biện chứng về những giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc cũng như mối quan hệ giữa bản sắc, truyền thống và hiện đại, giữa cái cũ và cái mới, giữa đổi mới và bảo lưu, giữ gìn...

Thứ nhất: Xét về bản chất, kế thừa có chọn lọc các giá trị nhân văn truyền thống phục vụ cho sự nghiệp đổi mới đất nước chính là quá trình giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại. Truyền thống nói chung, giá trị nhân văn truyền thống nói riêng là hình thức trung gian quan trọng của cái được kế thừa trong đời sống xã hội, là cái chứa đựng trong bản thân mình những năng lực to lớn để tạo ra cái mới. Giá trị của sự kế thừa biện chứng được quy định bởi vai trò của nó trong sự ra đời của cái mới.

Do đó, khi kế thừa giá trị nhân văn nói riêng, các giá trị truyền thống nói chung,

phải có sự chọn lọc, phải cải tạo, biến đổi nó trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, để nó trở thành những yếu tố nội tại của chủ nghĩa xã hội. Vì thế không những cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét các giá trị nhân văn truyền thống, có năng lực chỉ ra những đóng góp, hạn chế của các giá trị đó, mà còn phải biết tập trung chọn lọc, khai thác các giá trị cơ bản để làm tiền đề cho sự phát triển mới.

Thứ hai: Nội dung của khái niệm nhân văn bao giờ cũng mang tính lịch sử, gắn liền với sự đấu tranh vì hạnh phúc của con người trong mỗi hoàn cảnh lịch sử nhất định. Trước yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước - kế thừa phải đi liền với đổi mới là tất yếu. Điều đó hoàn toàn đúng với bản chất phép biện chứng duy vật: Kế thừa trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội cũng như tư duy, bao giờ cũng gắn với biến đổi về chất, vì nó là mắt khâu trong quá trình phát triển.

Mặt khác, chúng ta thấy rằng trong quá trình đó con người vừa sáng tạo ra giá trị cho xã hội, vừa sáng tạo ra giá trị cho bản thân mình. Để được như thế, con người phải biết nhận thức không những các chân lý khoa học mà cả các chân lý giá trị. Chỉ có việc biết đánh giá và đánh giá lại các giá trị một cách đúng đắn, phải biết tiếp thu tinh hoa giá trị truyền thống và hiện đại, chỉ có trên cơ sở đó, con người mới tiếp tục sáng tạo ra giá trị mới. Luận điểm “con người là chủ thể mọi sáng tạo của cải vật chất và văn hoá, mọi nền văn minh quốc gia” của Đảng ta có ý nghĩa sâu xa là vậy. Hệ thống những giá trị nhân văn có tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay phải xuất phát từ mối quan hệ biện chứng: Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, hệ thống giá trị nhân văn theo chuẩn mực mới phải bảo đảm từ góc độ chung - là giá trị có ý nghĩa với cả nhân loại (hoà bình, độc lập tự chủ, ấm no, dân chủ, bình đẳng, văn minh, nhân ái...), từ góc độ riêng của từng cá nhân (ai cũng có công

ăn việc làm, được học hành, tự do phát triển tài năng, cuộc sống tinh thần phong phú...).

Thực ra sự phân biệt các giá trị chung và riêng chỉ là tương đối, nhằm nhấn mạnh yếu tố con người trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, cộng đồng. Xã hội muốn phát triển phải trên cơ sở sự phát triển của từng cá nhân. Ngược lại, nếu tách khỏi sự phát triển của cộng đồng, khả năng của cá nhân sẽ bị thui chột hoặc không có ý nghĩa. Đây chính là bản chất của vấn đề con người nhân văn và con người công nghệ trước yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Thứ ba: Sự nghiệp đổi mới đất nước, nhìn vào chiều sâu chính là văn hoá, trong đó việc bảo vệ phát triển quyền con người, phát triển các giá trị nhân văn là những vấn đề cốt lõi.

Trong lịch sử tiến hoá của nhân loại, có lẽ chưa bao giờ vấn đề văn hoá được đặt ra một cách sâu sắc, toàn diện như hiện nay. Nhìn từ góc độ biện chứng, văn hoá không phải là cái gì rất tĩnh, rất riêng, mà văn hoá vừa là sản phẩm vừa là nội lực của sự phát triển, vì thế nhận thức nó phải là quá trình động. Bên cạnh đó, vì văn hoá luôn mang tính nhân loại nên bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc là phải tạo môi trường để nó phát triển - tức là phát triển phải trong bối cảnh chịu sự tác động của những nền văn hoá khác nhau. Như vậy, bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc thì không chỉ bảo tồn cạnh tranh, mà còn tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Nhân văn là một giá trị cốt lõi của văn hoá, việc kế thừa phát triển những giá trị nhân văn truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa giá trị nhân văn nhân loại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quy luật tất yếu.

Chúng ta đang sống trong thời đại của quá trình toàn cầu hoá trên toàn thế giới, giữa thời cơ và thách thức là những cuộc tiếp biến dữ dội. Quá trình đó đã tạo ra

hiệu thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của mỗi nước, nhưng cũng tạo ra những yếu tố phi nhân bản sâu sắc. Toàn cầu hoá đã làm xuất hiện xu thế một số nước dùng sức mạnh kinh tế, kỹ thuật để áp đặt quyền con người ở nước mình đối với nước khác, điều đó không những vi phạm nhân quyền một cách thô bạo mà còn gây sự bất ổn trong an ninh của các dân tộc hay trên phạm vi toàn cầu. Đó là thực tế của sự phát triển khoa học kỹ thuật đã vừa tạo ra thời cơ thuận lợi cho công cuộc giải phóng con người, nhưng vừa lại có nguy cơ huỷ diệt cuộc sống của nhân loại (hậu quả về môi trường sinh thái, chiến tranh hạt nhân...). Từ đó dễ thấy rằng nhân tố con người, nhân tố nhân văn, chủ nghĩa nhân đạo... đang nổi lên hơn bao giờ hết trong thời đại chúng ta như là mục đích của lịch sử. Cái quyết định sự phát triển bền vững không phải ở phương tiện kinh tế, kỹ thuật, mà là bản chất nhân văn của con người, của chế độ xã hội, và cùng với nó là những giá trị truyền thống văn hoá dân tộc.

Trong quá khứ cũng như hiện tại, những giá trị nhân văn không chỉ phản ánh điều kiện kinh tế xã hội mà nó còn là động lực nội sinh của sự phát triển đó. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, việc tiếp tục kế thừa, phát huy giá trị truyền thống dân tộc nghìn năm văn hiến trong xây dựng, hoàn thiện lý luận về đường lối đối ngoại mới là lựa chọn đúng đắn. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại”⁽¹⁾. Vì vậy, việc khai thác, kế thừa, phát triển các giá trị nhân văn truyền thống dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa là góp phần giúp đất nước ta vững bước trên con đường hội nhập và phát triển./

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.1, tr.143.

TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO...

(Tiếp theo trang 68)

Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết”³.

Hiện nay, thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường với nhiều tác động to lớn và sâu rộng. Nhiều vấn đề mới đang đặt ra trong đời sống chính trị quốc tế đòi hỏi chúng ta phải nhận diện và tìm lời giải đáp... Do vậy, tìm hiểu tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh để nắm được những nguyên tắc cơ bản trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, từ đó có một cách nhìn toàn cảnh đối với những sự kiện, hiện tượng đã, đang và sẽ diễn ra trong khu vực và trên thế giới. Qua đó phân nào dự báo xu hướng vận động của sự kiện, hiện tượng; nhận thức đúng, tin tưởng vào đường lối đối ngoại của Đảng ta, khắc phục tâm lý nóng vội hay bi quan trước những vấn đề mới. Đồng chí Vũ Khoan - nguyên Bộ trưởng Bộ ngoại giao khi nói về công tác đối ngoại của Đảng ta trong thời đại mới đã cho rằng: Trong công tác ngoại giao của Đảng ta không có “hậu sinh khả úy” mà chúng ta phải học tập kinh nghiệm ngoại giao của cha ông, của Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời phát huy tốt yếu tố sức mạnh của thời đại./

Chú thích:

1,2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 153

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 164

XÂY DỰNG NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN

Phòng QLĐT & NCKH

Tóm tắt: Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả luôn là yêu cầu đặt ra trong xây dựng nhà nước pháp quyền của các quốc gia trên thế giới nói chung và trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Để xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, tất yếu bộ máy nhà nước phải hoạt động hiệu lực, hiệu quả và ở Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay, đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có tính cấp thiết trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Quản trị quốc gia và quản trị quốc gia tốt là những khái niệm tương đối mới ở Việt Nam. Trước đây, các khái niệm này hầu như không được nhắc đến. Tư duy từ trước tới nay ở Việt Nam thiên về quản lý nhà nước (*state management*), tức nghiêng về *government* - cai trị, áp đặt, chứ chưa phải theo hướng quản trị nhà nước/quản trị quốc gia (*governance*). Kể từ cuối thập kỷ 1990, khái niệm quản trị mới bắt đầu được đề cập ở Việt Nam, chủ yếu qua các tài liệu của các cơ quan Liên Hợp Quốc như Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) hay Ngân hàng thế giới (WB). Gần đây, khái niệm quản trị nhà nước/quản trị quốc gia tốt mới được nhắc đến nhiều trong giới học thuật, trong đó đặc biệt là ở Khoa Luật ĐHQG Hà Nội - nơi đầu tiên tổ chức nghiên cứu và giảng dạy, bao gồm cả một chương trình đào tạo thạc sĩ về quản trị nhà nước.

Mặc dù vậy, trên thực tế, từ sau Đổi mới (1986), do tác động của toàn cầu hóa

và hội nhập quốc tế, quản lý nhà nước ở Việt Nam đã liên tục có những thay đổi sâu rộng theo hướng quản trị. Sự thay đổi này diễn ra ở tất cả các phương diện, gắn với tất cả các nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt. Những thuật ngữ này đã được đề cập đến trong một số nghiên cứu và bài viết từ năm 2014, đặc biệt là được sử dụng trong bài viết: “Hoàn thiện thể chế, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2014, tạo nền tảng phát triển nhanh và bền vững” của nguyên Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng. Trong bài viết này, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng cho rằng “Không thể có được năng lực cạnh tranh cao nếu không có một thể chế chất lượng cao và một nền quản trị quốc gia hiện đại”⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong các văn kiện của Đảng trước Đại hội XIII, Đảng chưa từng sử dụng thuật ngữ “quản trị quốc gia”. Chỉ đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trong các văn kiện đại hội, Đảng mới chính thức sử dụng thuật ngữ này, khi khẳng định: “Xây dựng và thực thi pháp

luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia”; đồng thời chủ trương: “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội”⁽²⁾. Không chỉ dừng lại ở việc sử dụng thuật ngữ này, tư duy “quản trị” được thể hiện rõ trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII khi Đảng ta cho rằng: “Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ”, đồng thời bước đầu làm rõ vị trí, vai trò của nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường cũng như trong quản trị quốc gia”⁽³⁾. Có thể thấy rằng, việc chính thức sử dụng thuật ngữ “quản trị quốc gia” cũng như bước đầu làm rõ vị trí, vai trò của nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường nói riêng và trong quản trị quốc gia nói chung thể hiện bước tiến lớn về nhận thức lý luận của Đảng ta.

Mặc dù vậy, cũng cần thấy rằng, trên tất cả các mặt của một nền quản trị quốc gia hiện đại, hiện ở nước ta vẫn còn những hạn chế nhất định. Mức độ hạn chế khác nhau trong từng lĩnh vực, tuy nhiên, xét tổng quát, có thể thấy rằng cần có biện pháp thúc đẩy thực hiện tất cả nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt ở Việt Nam. Đây là một yêu cầu cấp thiết bởi lẽ quản trị quốc gia tốt gắn liền với quá trình toàn cầu hoá; hầu hết các nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt đồng thời là những “luật chơi” trong “sân chơi” toàn cầu hoá, vì thế nếu không thúc đẩy quản trị quốc gia tốt thì không hội nhập quốc tế được hoặc không thể hưởng lợi được từ quá trình hội nhập quốc tế. Không chỉ vậy, các nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt hiện cũng chính là nhu cầu, đòi hỏi ngay trong nước. Cùng với quá trình Đổi mới, hội nhập quốc tế, nhận thức và ý thức của người dân Việt Nam hiện nay đã thay đổi rất nhiều so với trước đây. Yêu

cầu của người dân về dân chủ, pháp quyền, nhân quyền, bình đẳng xã hội, về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước đã tăng lên và ngày càng cao hơn; trong khi đó, cùng với sự phát triển hết sức nhanh chóng của công nghệ thông tin, những cơ hội hay điều kiện cho sự tham gia của người dân vào quản trị quốc gia đã trở nên dễ dàng, thuận lợi hơn bao giờ hết. Tất cả tạo ra áp lực rất lớn phải chuyển đổi mô hình từ quản lý nhà nước truyền thống sang quản trị theo những nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt mà đã nêu ở trên.

Để xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nói riêng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam nói chung trong giai đoạn mới, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam phải tiếp tục được đặt trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng lãnh đạo và là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước theo hướng kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để người dân tham gia đầy đủ hơn vào quá trình hoạch định và thực hiện chính sách. Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm

thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Xác định rõ hơn chức năng của Nhà nước trong việc quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở quy luật thị trường; tăng cường công tác giám sát, giảm các tác động tiêu cực của thị trường nhưng không can thiệp, làm sai lệch các quan hệ thị trường. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả hoạt động. Nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ, ngành, đa lĩnh vực. Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tăng cường năng lực dự báo và khả năng thích ứng chính sách trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy xây dựng chính phủ điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cấp chính quyền, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; cải cách thủ tục hành

chính; kiện toàn tổ chức, tinh gọn hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong ban hành và thực thi chính sách, lấy lợi ích chính đáng, sự hài lòng của người dân và lợi ích xã hội làm tiêu chí đánh giá.

Ba là, nghiên cứu, chủ động tiếp cận gần hơn pháp luật, tiêu chí quốc tế, những chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp, nền quản trị quốc gia hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong quá trình hội nhập. Xác định đúng và linh hoạt về mức độ can thiệp của Chính phủ đối với nền kinh tế (quy mô, phạm vi tác động) sao cho đạt hiệu quả cao nhất; khắc phục được những thất bại của thị trường, như bất đối xứng thông tin, hàng hóa công, các hiện tượng ngoại ứng, phân hóa giàu - nghèo, bất bình đẳng, tính tự phát... Phát huy vai trò to lớn của Nhà nước trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí một cách hiệu quả. Các cơ quan công quyền trong quá trình tổ chức thực thi các quyết định đã ban hành phải tuân thủ các quy trình, bảo đảm sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực và sự công bằng, bình đẳng, không ai bị bỏ lại phía sau, nhất là các đối tượng yếu thế.

Bốn là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, bảo đảm để pháp luật được nhận thức và thực hiện đầy đủ trên thực tế. Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính,

phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; hoạt động tư pháp làm tốt chức năng bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Xây dựng và thực hiện chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn mới theo hướng tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của các cơ quan tư pháp, các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Năm là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật công vụ của đội ngũ này. Có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, điều kiện làm việc tốt để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu và có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với nhân dân. Đẩy nhanh việc đầu tư, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản trị doanh nghiệp, quản trị quốc gia, đặc biệt là công nghệ thông tin trong quá trình xây dựng nền kinh tế số, xã hội số. Tiếp cận những thành tựu tiên tiến nhất của nền quản trị quốc gia trên thế giới và

ứng dụng một cách phù hợp vào thực tiễn Việt Nam.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế thông tin, phản hồi, bảo đảm sự tham gia, giám sát của người dân trên thực tế trong suốt quá trình từ ban hành chính sách, quyết định hành chính đến tổ chức thực hiện chính sách, coi đây là “chìa khóa” nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính minh bạch và có trách nhiệm giải trình; chính phủ điện tử; thiết lập cơ chế đối thoại liên tục; xây dựng hệ thống dịch vụ công hiệu quả, cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội. Nghiên cứu, đưa ra cách tiếp cận lý thuyết về kinh tế thị trường hiện đại, giới hạn can thiệp của Nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế; đặc điểm, mô hình quản trị quốc gia hiện đại trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu, phân tích các tiêu chí cụ thể dựa trên bộ tiêu chí quốc tế có thể đo lường được và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Tấn Dũng (2014), “*Hoàn thiện thể chế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2014, tạo nền tảng phát triển nhanh và bền vững*”, Báo Nhân dân điện tử
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.220.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 131-132.

TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN MỨC 1, GIAI ĐOẠN 2022-2025



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ngoài chương trình, giáo trình thì cơ sở vật chất là điều kiện rất quan trọng nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Cơ sở vật chất không phải là nhân tố quyết định nhất nhưng là thành tố cơ bản không thể thiếu trong quá trình giảng dạy và học tập. Do đó, việc tăng cường cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện giảng dạy và học tập hiện đại trong trường học, đáp ứng tốt yêu cầu trong giảng dạy và học tập sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức tại Trường Chính trị Trần Phú trong giai đoạn hiện nay.

Nhận thức được vai trò của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và học viên, trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 20/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị của tỉnh. Nhờ được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân, từ năm 2010 đến nay, cơ sở vật chất của Trường Chính trị Trần Phú đã được chú trọng đầu tư, UBND tỉnh đã cấp cho Trường gần 50 tỷ đồng để xây dựng nhà ký túc xá học viên, cải tạo, nâng cấp sân nền, nhà học 3 tầng và mua sắm một số trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, từng bước đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Việc bố trí

các phòng học, phòng làm việc của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các khoa, phòng và các bộ phận chuyên môn được sắp xếp hợp lý, trên cơ sở định mức quy định trang thiết bị ngày càng đầy đủ.

Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất của Trường Chính trị Trần Phú vẫn còn một số bất cập như: Chưa có phòng hội thảo khoa học, phòng chấm thi, phòng học thông minh, nhà đa năng, nhà khách, hệ thống âm thanh, ánh sáng, đèn chiếu, màn hình hội trường các phòng học chưa đảm bảo; bàn ghế các phòng học còn thiếu, một số được đầu tư hàng chục năm đã bị hư hỏng, không đáp ứng yêu cầu; phòng ở học viên chưa lắp đặt bình nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ, vườn hoa, cây xanh, thiết bị phục vụ hoạt động thể thao chưa được đầu tư đáng kể.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 (khóa XI) của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 20/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã; Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Kế hoạch số 380-KH/HVCTQG, ngày 06/9/2021, Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG, ngày 06/9/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn; Kết luận số 479-KL/HVCTQG ngày 26/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh “về xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học giai đoạn hiện nay”, ngày 09/01/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 02-ĐA/TU về xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó phân đầu về cơ sở vật chất, kỹ thuật từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Theo đó, cơ sở vật chất của Trường Chính trị Trần Phú phải đạt những tiêu chí như: Có khuôn viên độc lập, không gian cây xanh, hệ thống đèn chiếu sáng trong khuôn viên, đảm bảo môi trường giáo dục, văn hóa Trường Đảng; có nhà làm việc của Ban Giám hiệu, các khoa, phòng; có phòng họp, phòng hội thảo, phòng chấm thi, phòng tiếp khách, nhà đa chức năng; nhà khách phục vụ cho giảng viên của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Khu vực I, cán bộ thuộc diện Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, phòng làm việc của cán bộ, viên chức; có khu giảng đường riêng với nhiều loại phòng học đáp ứng nhu cầu học viên

mỗi lớp khác nhau; phòng học được trang bị hiện đại; có thư viện, phòng đọc, tài liệu được số hóa, kết nối mạng toàn cầu; có hệ thống trực tuyến kết nối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị trong cả nước; có ký túc xá, khu dành riêng cho hoạt động tập thể, nhà ăn, nhà để xe; có hệ thống cấp thoát nước, thu gom rác thải, phòng vệ sinh...

Để đảm bảo Trường Chính trị Trần Phú xứng tầm là cơ sở duy nhất đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ ở địa phương, thực hiện “công việc gốc” của Đảng bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng “đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, vì sự phát triển của tỉnh”¹, Trường cần phải được xây dựng cơ sở vật chất, cơ chế vận hành, trang thiết bị làm việc, học tập, thực hành, thực nghiệm kỹ năng theo xu thế hiện đại hoá trong hoạt động của cả hệ thống chính trị và chính quyền điện tử. Mặt khác, Trường phải có đủ điều kiện cho việc rèn luyện thể chất, các hoạt động văn hoá thể thao; đảm bảo công tác hậu cần, nơi ăn, nghỉ của giảng viên và học viên trong một khuôn viên rộng lớn, có cảnh quan môi trường sinh thái tốt nhất; được trang bị các trang thiết bị, phương tiện phục vụ việc dạy, học và các hoạt động khác theo hướng hiện đại hoá, phù hợp với điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0, quy định trường chính trị chuẩn, muốn vậy, Trường Chính trị Trần Phú cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiến hành tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 145/QĐ-UBND, ngày 16/01/2006 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch chi tiết Trường Chính trị Trần Phú đảm bảo theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch số 380-KH/HVCTQG, ngày 06/9/2021, Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG, ngày 06/9/2021 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung

ương Đảng về trường chính trị chuẩn và Kết luận số 479-KL/HVCTQG ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh “về xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học giai đoạn hiện nay”. Hiện nay, nhà trường đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan đang trình UBND tỉnh về quy hoạch trên hiện trạng đất vốn có và đề xuất lấy 816m² của trạm Da liễu thuộc Sở Y tế để đảm bảo diện tích là 30.076,5m², đạt chuẩn mức 2.

Thứ hai, tiếp tục tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư kinh phí cho Nhà trường tiến hành xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phải đảm bảo sự tăng tiến cả về chất lượng và số lượng. Phân chia rõ giai đoạn đầu tư ngắn hạn trong một năm, trung hạn trong 5 năm, dài hạn từ 5 năm trở lên với phương châm đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị theo nhu cầu sử dụng đảm bảo đồng bộ, hiện đại. Theo đó, tiếp tục được đầu tư nâng cấp hệ thống nhà làm việc, phòng họp, ký túc xá, giảng đường, phòng hội thảo, nhà đa chức năng, hệ thống chiếu sáng, khuôn viên cây xanh, vườn hoa, cây cảnh, trước mắt, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 - 2025, nhà trường tích cực đề xuất sửa chữa Hội trường B, nhà ký túc xá học viên số 4, xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ, nhà khách số 2. Đầu tư xây dựng phần mềm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để quản lý điện tử dữ liệu đề án, đề tài; văn bản điện tử, hồ sơ điện tử. Xây dựng phần mềm tác nghiệp quản lý văn bản điện tử, liên thông với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh theo tinh thần đồng bộ, phù hợp với xu hướng chính phủ điện tử hiện nay. Tiếp tục nâng cấp hệ thống máy chủ, đường truyền, trong đó ưu tiên để nâng cấp tổng thể cấu hình máy và cáp mạng, đường truyền để bảo đảm đồng

bộ giữa Trường Chính trị Trần Phú với các Trung tâm chính trị cấp huyện.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng hợp lý cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường. Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo nhà trường, các khoa chuyên môn, phòng chức năng và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, giáo viên được phân công làm chủ nhiệm các lớp tại trường và học viên. Qua đó, giúp Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu chủ động trong bố trí phòng làm việc, phòng họp, phòng học, trang thiết bị giảng dạy và học tập cho cán bộ, giảng viên, học viên không bị chồng chéo, bị động. Kiểm tra, đánh giá, phân loại để tham mưu kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và bổ sung kịp thời nhằm bảo vệ, loại trừ hoặc hạn chế những hư hỏng không đáng có, đảm bảo tính “sẵn sàng” của cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ tốt nhất cho giảng dạy và học tập.

Nâng cao chất lượng đào tạo cần đảm bảo nhiều yếu tố, trong đó cơ sở vật chất, trang thiết bị là một trong những yếu tố quan trọng trực tiếp tác động tới hiệu quả, chất lượng và uy tín của cơ sở đào tạo. Mặc dù trong những năm qua cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của Trường Chính trị Trần Phú đã không ngừng được bổ sung, song trước đòi hỏi ngày càng cao hơn của sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà thì điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường vẫn còn rất khiêm tốn và chưa đáp ứng yêu cầu của trường chính trị chuẩn. Do đó, việc quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập cho Trường Chính trị Trần Phú là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên của nhà trường và của các cấp, các ngành liên quan./.

Chú thích:

1. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP Ở HÀ TĨNH HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Phòng QLĐT&NCKH

Tóm tắt: Doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; là mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và là một trong những lực lượng nòng cốt trong việc tạo ra của cải vật chất xã hội. Thời gian gần đây, dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0 cũng như ảnh hưởng bởi dịch covid19, hoạt động của doanh nghiệp Hà Tĩnh có nhiều biến động và gặp rất nhiều khó khăn. Việc đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là một đòi hỏi bức thiết hiện nay.

Trong thời gian vừa qua, nhận thức rõ vai trò, vị trí của doanh nghiệp đối với sự phát triển của tỉnh, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đặc biệt quan tâm đến xây dựng và phát triển hệ thống doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Năm 2006, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết 02-NQ/TU, ngày 24/8/2006 về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo. Tiếp đó, để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà, ngày 18/5/2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Thực hiện nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh; tinh thần và phong trào khởi nghiệp

được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có hơn 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động (vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp), đứng thứ 30 cả nước về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp mới thành lập và đi vào hoạt động ngày càng nhiều, hoạt động đa dạng ở các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn. Riêng năm 2022 thành lập mới hơn 1.300 doanh nghiệp với tổng vốn gần 10.000 tỷ đồng. Việc phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, quy mô, chất lượng hoạt động được nâng lên và ngày càng mở rộng hơn về thị trường, lĩnh vực đầu tư, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thu ngân sách, là nhân tố tích cực góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Hà Tĩnh trong những năm qua. Tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát

triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động; góp phần giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Tuy vậy, thực tế cũng cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động so với doanh nghiệp đăng ký thành lập và tỷ lệ doanh nghiệp phát sinh doanh thu, phát sinh thuế so với doanh nghiệp hoạt động thấp; quy mô doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ rất lớn (hơn 95%), doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt rất khiêm tốn (các doanh nghiệp quy mô vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng chỉ chiếm khoảng 2%), tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp; môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra và kỳ vọng của doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng chưa thực sự đồng bộ; năng lực quản lý, quản trị, năng suất lao động, sức cạnh tranh, văn hóa kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế; sự liên kết, hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng chuỗi giá trị chưa nhiều; khả năng cạnh tranh sản phẩm và tiếp cận thị trường chưa cao; năng lực tài chính của nhiều doanh nghiệp còn yếu và; việc tiếp cận nguồn vốn, đất đai, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; một số nội dung của các chính sách chưa phù hợp với điều kiện thực tế, việc giải ngân nguồn kinh phí một số chính sách còn chậm; công tác quản lý nhà nước đối với phát triển doanh nghiệp còn một số bất cập, hoạt động của hiệp hội doanh nghiệp hiệu quả chưa cao.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 08-NQ/TU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phát triển doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền nhằm tạo sự thống nhất xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp, nhất là Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa⁽¹⁾; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX; Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các nội dung của Hội nghị công bố Quy hoạch và xúc tiến đầu tư của tỉnh; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương như: Chính sách hỗ trợ pháp lý, thuế, kế toán, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, các dự án khởi nghiệp; chính sách hỗ trợ, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19... Các cấp, các ngành phải xác định phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp hàng năm và cả giai đoạn. Phát động mạnh mẽ các chương trình khởi nghiệp, chú trọng khơi dậy niềm đam

mê, khát vọng làm giàu chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đổi mới nội dung các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về doanh nghiệp - doanh nhân trên Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị theo hướng cập nhật, phản ánh thông tin đa dạng, chính xác, kịp thời về các hoạt động của doanh nhân, doanh nghiệp.

Thứ hai, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển. Tập trung phát triển, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (DDCI). Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, hoàn thành ứng dụng, sử dụng việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính của hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trên môi trường điện tử, nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Tăng cường trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan, quản lý thị trường. Tiếp tục duy trì, đổi mới, nâng cao hiệu quả buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Thứ ba, tập trung phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyên đổi mới. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cần tích cực, chủ động cập nhật, nâng cao

kiến thức, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính; học tập kinh nghiệm về quản lý, tiếp cận và học tập các mô hình, kinh nghiệm sản xuất - kinh doanh tiên tiến. Áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và giao dịch; đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của các đối tác lớn đặc biệt là khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng mang tính toàn cầu. Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động để đảm bảo việc phát triển bền vững. Đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng đào tạo trong hệ thống các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh; mở rộng các hình thức đào tạo nghề, trong đó chú trọng vào các ngành nghề có nhu cầu lớn như: chế biến nông, thủy sản, điện, điện tử, cơ khí, xây dựng, may... Thực hiện đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Phát triển mô hình gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo theo địa chỉ sử dụng để phát triển nguồn lao động có trình độ chuyên môn, có năng lực nghề nghiệp đáp ứng quá trình sản xuất, kinh doanh của đơn vị sử dụng lao động

Thứ tư, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và các điều kiện gia nhập thị trường. Sở Kế hoạch đầu tư phối hợp UBND các cấp tăng cường tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, lựa chọn hình thức đầu tư, thủ tục đầu tư, địa bàn đầu tư,... Cung cấp miễn phí các tờ gấp, cẩm nang hướng dẫn quy trình thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đẩy mạnh đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tập trung tư vấn pháp luật, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa

bản tỉnh. Công khai thông tin về các đơn vị tư vấn, văn phòng luật sư,... có nguyện vọng tư vấn, hỗ trợ pháp lý miễn phí cho tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp. Các cơ quan chức năng tăng cường tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp các kiến thức về thị trường, thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các nước để chủ động tiếp cận. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ thuế, kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020. Tập trung triển khai kịp thời có hiệu quả một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các chính sách miễn giảm thuế phí, hỗ trợ lãi suất cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19. Tạo điều kiện, hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận thụ hưởng các cơ chế, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế... Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp; xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ đối với sản phẩm nông sản, hàng hóa chủ lực của tỉnh khi gặp khó khăn trong xuất khẩu. Phối hợp với các đơn vị cung cấp phần mềm kế toán triển khai chương trình tặng phần mềm kế toán và hỗ trợ công tác kế toán miễn phí đối với doanh nghiệp mới thành lập. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành về hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ năm, cải thiện và nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp. Vận hành hiệu quả hơn các nguồn quỹ hiện có của

tỉnh, đó là: Quỹ Đầu tư Phát triển; Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Phát triển khoa học công nghệ; Quỹ Khuyến công địa phương. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn quỹ Trung ương và kết nối các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn quỹ của Trung ương để mở rộng phát triển, như: Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ Khuyến công quốc gia; Quỹ Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng, đặc biệt việc tổ chức thực hiện các chương trình tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp tại các tổ chức tín dụng đảm bảo các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện đều được thụ hưởng chính sách. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực ưu tiên. Đẩy mạnh hỗ trợ giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp muốn đầu tư mua sắm máy móc và chuyển giao công nghệ. Kết nối tháo gỡ những khó khăn về tài chính cho, nhất là với các ngân hàng thương mại. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành hàng ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ và tài trợ từ các dự án. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do tác động của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Thứ sáu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phát triển doanh nghiệp thuộc ngành, địa phương mình quản lý thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch chuyên ngành; trong đó phải định hướng hoạt động của doanh nghiệp, tránh phiền hà, phù hợp với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương mình.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã ban hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Nâng cao trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch và bình đẳng giữa các loại hình kinh tế; xử lý nghiêm những đơn vị, cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan, quản lý thị trường... Khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp (Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh, trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh, đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa). Kịp thời biểu dương, khen thưởng những doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh điển hình, có sáng kiến mới, cách làm hay trong sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Thứ bảy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp địa phương, ngành hàng, câu lạc bộ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát huy hơn nữa vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp Hà Tĩnh, Hội doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát

triển doanh nghiệp; tập hợp các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, trong thực hiện thủ tục hành chính của cộng đồng doanh nghiệp,... đề xuất với các cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ. Hỗ trợ doanh nhân, doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, xây dựng chiến lược, xác định giá trị cốt lõi của sản phẩm và vai trò trách nhiệm đối với xã hội./.

Chú thích:

(1). Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Nghị định 80/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị định 34/2018/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư 07/2020/TT-BKHCN hướng dẫn về việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; Thông tư 132/2018/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHI XUÂN



ThS. HỒ THANH

Khoa Nhà nước - pháp luật

Tóm tắt: Hòa giải ở cơ sở là hoạt động mang tính xã hội tự nguyện, tự quản, trên tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, để góp phần duy trì sự hài hòa và ổn định của xã hội. Nghiên cứu, đánh giá, phân tích thực trạng công tác hòa giải ở cơ sở để nhận diện những nguyên nhân cơ bản của kết quả đạt được và khó khăn trong việc thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, từ đó đề xuất, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, điển hình về văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng đối với huyện Nghi Xuân trong giai đoạn hiện nay.

Hòa giải ở cơ sở là “việc Hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật”⁽¹⁾. Hòa giải ở cơ sở có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, thể hiện sâu sắc bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân vì Nhân dân; là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả ngay từ cơ sở. Hòa giải góp phần hàn gắn và khôi phục tình cảm giữa các bên tranh chấp, duy trì mối quan hệ đoàn kết, giữ gìn giá trị văn hóa, phong tục tập quán, cố kết cộng đồng dân cư. Thông qua hòa giải chính quyền cấp xã thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả; hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo tràn lan, vượt cấp, kéo dài; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật xây dựng một xã hội đồng thuận thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng, Nhà nước đề ra.

Nghi Xuân là vùng đất cổ giàu trầm tích văn hóa, hội tụ tinh hoa đặc sắc với 01 di tích đặc biệt Quốc gia, 08 di tích Quốc gia, 72 di tích cấp tỉnh và nhiều dòng họ khoa bảng, danh nhân nổi tiếng. Hiện nay, Nghi Xuân là địa phương có tỉ lệ người dân đi xuất khẩu lao động khá cao. Khi kinh tế thị trường ngày càng phát triển, sự khác biệt về lợi ích kinh tế, quan điểm, nhận thức, lối sống, tính cách, kinh nghiệm... nên việc nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, giữa các hộ gia đình, giữa cá nhân với nhau trong cộng đồng dân cư là điều tất yếu, không thể tránh khỏi.

Trên địa bàn huyện có 149 Tổ hòa giải, 1.143 Hòa giải viên, từ 06-08 thành viên/01 tổ, cơ cấu Tổ hòa giải: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, thành viên tổ chức chính trị - xã hội và người có uy tín được lựa chọn. Các Hoà giải viên có trình độ học vấn từ Trung học phổ thông trở lên, nhiều Hòa giải viên có trình độ chuyên môn cử nhân Luật. Từ năm 2014 đến nay, các Tổ

hòa giải đã hòa giải thành 499/799 vụ việc (chiếm 63%), được Tòa án ra quyết định công nhận 331 vụ (từ 2019 đến nay) chủ yếu là thỏa thuận ly hôn. Hằng năm, Huyện duy trì việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho Hòa giải viên; tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt pháp luật hòa giải; cấp phát hơn 3.000 tài liệu và “Sổ tay hòa giải ở cơ sở”; tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi cấp huyện, tham gia hội thi cấp tỉnh (năm 2018); trích kinh phí từ nguồn PBGDPL và công tác tư pháp cho các xã 02 triệu đồng/01 năm; chỉ đạo, hướng dẫn UBNDTTQ xã, thị trấn chỉ đạo lồng ghép hoạt động hòa giải ở cơ sở trong các phong trào, các cuộc vận động tại cộng đồng dân cư, đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” nhằm gắn công tác hòa giải ở cơ sở với nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội của địa phương, đưa kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở thành một tiêu chí trong đánh giá thực hiện cuộc vận động, góp phần động viên, tôn vinh, nhân rộng các điển hình về hòa giải ở cơ sở.

Có được những kết quả nổi bật nêu trên về công tác hòa giải ở cơ sở trước hết là do nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể về vai trò, vị trí của công tác hòa giải ở cơ sở được nâng lên; sự nhiệt tình của các Hòa giải viên; sự ra đời và tổ chức thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 và văn bản hướng dẫn thi hành đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn; tiêu chuẩn, số lượng Hòa giải viên, thành phần Tổ hòa giải được chuẩn hóa theo đúng pháp luật hòa giải, quy tụ được lực lượng nòng cốt, có uy tín, kinh nghiệm trong cộng đồng dân cư, bảo đảm hoạt động hòa giải đạt hiệu quả cao; hòa giải viên có ý thức tích cực nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật, kỹ năng hòa giải, được rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực, tạo điều kiện cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn huyện Nghi Xuân còn có một số hạn chế: Một số xã, thị trấn thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư kinh phí cho công tác hòa giải; việc phối hợp giữa các ngành trong thực hiện công tác hòa giải chưa đạt yêu cầu; một số tổ hòa giải còn xem việc hòa giải là đơn giản, chỉ mời các bên tiến hành hòa giải miệng, không vào sổ thống kê hồ sơ, nhất là đối với những vụ việc hòa giải thành, nên việc thống kê, báo cáo tỷ lệ hòa giải thành thấp hơn so với vụ việc hòa giải trên thực tế; việc ghi chép các vụ việc hòa giải vào Sổ hòa giải và thiết lập biên bản hòa giải của các Tổ hòa giải còn nhiều sai sót, nhất là việc tóm tắt nội dung vụ việc, xác định loại mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên; việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải hiệu quả chưa cao; công tác kiểm tra, sơ kết khen thưởng công tác hòa giải chưa thường xuyên; Hòa giải viên chưa được nhận thù lao vụ, việc hòa giải; nhiều Hòa giải viên là người cao tuổi, lại thường xuyên thay đổi nên việc cập nhật kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải gặp khó khăn; chưa khuyến khích, huy động được các luật sư, luật gia, người từng là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, thẩm tra viên, cán bộ, công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn tham gia làm Hòa giải viên tại địa bàn sinh sống hoặc hỗ trợ, giúp đỡ hòa giải viên thực hiện hoạt động hòa giải.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên trước hết là do một số địa phương nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác hòa giải ở cơ sở; chưa thường xuyên rà soát, có giải pháp củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ Hòa giải viên; một bộ phận Hòa giải viên cao tuổi, có kinh nghiệm, uy tín nhưng khả năng, điều kiện cập nhật thông tin pháp luật bị hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng vụ việc hòa giải; sự phối hợp giữa chính

quyền, các cơ quan tư pháp MTTQ và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở được quy định rõ trong Luật, nhưng chưa cụ thể nên có nhiều nơi cho rằng công tác hòa giải ở cơ sở là công việc, trách nhiệm của ngành Tư pháp. Do vậy, dẫn đến sự phối hợp trong công tác hòa giải chưa được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, thiếu chủ động dẫn đến hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở chưa cao; một số quy định về pháp luật về hòa giải và pháp luật liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể như: Theo Luật đất đai năm 2013 thành phần tham gia hòa giải có đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó, nhưng ai là người biết rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng rất khó xác định, nhất là trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng như hiện nay.

Để nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, điển hình về văn hóa của huyện Nghi Xuân, tác giả đề xuất, kiến nghị một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Hoàn thiện thể chế về hòa giải ở cơ sở; ban hành văn bản hướng dẫn thi hành một số văn bản quy pháp luật mới có nội dung liên quan trực tiếp công tác hòa giải ở cơ sở, các quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở để bảo đảm tính khả thi, đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Quy trình bầu, công nhận hòa giải viên hiện nay rất phức tạp, không phù hợp thực tiễn, vì vậy cần đổi mới, sửa đổi, bổ sung việc bầu hòa giải viên ở cơ sở theo hướng đơn giản hơn.

Thứ hai: Các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cần quan tâm hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở một cách thực chất và hiệu quả. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt để không ngừng nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và tầng lớp Nhân dân đối với vị trí, vai

trò của công tác hòa giải ở cơ sở; củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng Tổ hòa giải và Hòa giải viên; bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội, kỹ năng hòa giải.

Thứ ba: Tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; giáo dục tính tự nguyện lựa chọn hình thức hòa giải ở cơ sở để giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn. Tích cực tuyên truyền, nhân rộng, cung cấp những vụ việc hòa giải thành để các Tổ hòa giải nghiên cứu, trao đổi trong công tác hòa giải. Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, các quyền lợi liên quan cho công tác hòa giải ở cơ sở và phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thứ tư: Nâng cao hơn nữa năng lực cho đội ngũ Hòa giải viên ở cơ sở về cả kiến thức và kỹ năng. Hòa giải viên thường xuyên tu dưỡng, nâng cao uy tín, đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, hiểu biết chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để giải thích, hướng dẫn các bên tranh chấp, giúp họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, từ đó xử sự phù hợp với quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội.

Thứ năm: Tăng cường giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác hòa giải ở cơ sở để kịp thời chỉ ra những hạn chế, giúp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động hòa giải ở cơ sở. UBMTTQ và các tổ chức thành viên tăng cường phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp trong củng cố, kiện toàn tổ chức tổ hòa giải và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở; động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho thành viên, hội viên tham gia tích cực vào hoạt động hòa giải./.

Chú thích:

1. Điều 2, khoản 1, Luật Hòa giải cơ sở năm 2013
2. Theo Điều 8 Luật Hòa giải ở cơ sở, Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. DƯƠNG THỊ VÂN LINH

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Trong các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là một thành tố đóng vai trò quan trọng góp phần mở rộng khả năng phát hiện và khai thác có hiệu quả các nguồn lực, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội. Đối với Hà Tĩnh, những thành tựu và sự đóng góp của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong những năm vừa qua đã khẳng định được vai trò quan trọng của lĩnh vực này đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo Luật khoa học và công nghệ năm 2013, “Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy”; “Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm”; “Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng. Bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Việt Nam xác định muốn bứt phá để phát triển nhanh, bền vững thì việc xác định phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo là một trong những chiến lược quan trọng là sự lựa chọn phù hợp. Đối với Hà Tĩnh, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định phát triển khoa học công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm đột phá của tỉnh. Nhất quán quan điểm đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tiếp tục xác định khoa học công nghệ là nền tảng, động lực để phát triển nền kinh tế xã hội của tỉnh. Theo đó, nhiều chủ trương chính sách phát triển Khoa học công nghệ được ban hành và đi vào thực tiễn cuộc sống, đã tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, mô hình sản xuất tiên tiến, từ đó nâng cao trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của toàn tỉnh, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường, phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống của Nhân dân, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tiến bộ và thành tựu nổi bật, đóng góp thiết thực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm quốc phòng - an ninh, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Khoa học công nghệ đang từng bước trở thành động lực trong phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được nâng lên rõ rệt.

Tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản quản lý liên quan đến lĩnh vực hoạt động Khoa học công nghệ, trọng tâm là các vấn đề như cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong các lĩnh vực y tế, văn hóa, nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực, ngành; công tác thông tin, truyền thông về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được ngành hết sức quan tâm, nhằm chuyển tải kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến với người dân và toàn xã hội; thông tin đa dạng, báo viết, ấn phẩm, báo hình được triển khai theo đúng định kỳ, báo điện

tử được cập nhật hằng ngày,... góp phần quan trọng, nâng cao trình độ tiếp cận tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, người dân để áp dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống. Công tác quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều đổi mới, từ xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, phê duyệt dự toán và thuyết minh, đánh giá, nghiệm thu, tổ chức giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu. Các đề tài, dự án ngày càng đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa trong xã hội. Đặc biệt từ năm 2022, 100% nhiệm vụ được thực hiện thông qua tuyển chọn, đấu thầu rộng rãi, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng. Đã triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ cấp Nhà nước thuộc chương trình quỹ gen, 08 dự án thuộc chương trình Nông thôn miền núi, 48 nhiệm vụ cấp tỉnh đồng bộ trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ và các mô hình nhân rộng. Theo kết quả thống kê, có trên 90% đề tài, dự án sau nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, nhiều đề tài nghiên cứu về văn hóa có giá trị thực tiễn cao, sức lan tỏa lớn; cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, kết quả phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, nhất là trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp, nhờ đó đóng góp từ 30-40% vào tăng trưởng nông nghiệp. Nhiều sản phẩm đặc sản của tỉnh như cam, bưởi, nước mắm, nhung hươu... nhờ xây

dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể hoặc chỉ dẫn địa lý, làm tăng giá trị từ 30 - 40% so với sản phẩm thông thường.

Lĩnh vực sở hữu trí tuệ có nhiều kết quả nổi bật, đến tháng 3/2023, toàn tỉnh có 2.750 đối tượng sở hữu công nghiệp được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, tăng hơn 8 lần so với năm 2015; có 15 sản phẩm được đăng ký bảo hộ thương hiệu. Qua đó, góp phần phát triển, nâng cao uy tín, chất lượng và tính cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ trên thị trường. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 doanh nghiệp hình thành và phát triển Quỹ Khoa học công nghệ; 19 tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và công nghệ cũng đã cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học công nghệ cho 6 đơn vị.

Như vậy, có thể thấy rằng, hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Tĩnh ngày càng có sự phát triển rõ nét, đóng góp quan trọng và khẳng định vai trò động lực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng bước khẳng định vai trò quan trọng không thể thay thế của khoa học công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời góp phần tạo ra sự chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư, sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên thiên nhiên (đất đai, khoáng sản) chuyển dần sang tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao kỹ năng, trình độ người lao động để mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Đóng góp của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) giai đoạn 2022 đạt 38,7%, tăng 27,6% so với giai đoạn

trước đây. Các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) chiếm 30% trong tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh, trong đó tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 25%. Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình 15%/ năm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Tĩnh vẫn còn một số hạn chế như: Việc tham mưu đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các ngành, địa phương còn ít, chất lượng chưa cao; hoạt động các đơn vị sự nghiệp sau chuyển đổi vẫn gặp nhiều khó khăn; năng lực hấp thụ công nghệ, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp còn thấp. Để phát huy vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh nhanh và bền vững, trong thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất: Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến tận cơ sở, tận doanh nghiệp và tận người dân. Chú trọng công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết và đề ra nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị trong từng giai đoạn. Quan tâm động viên, khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân có nhiều phát minh, đổi mới sáng tạo, các đơn vị có nhiều thành tích trong việc ứng dụng Khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

Thứ hai: Căn cứ chủ trương của Trung ương và tỉnh về những giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội năm 2023, tập trung chỉ đạo sớm cụ thể hoá thành chương trình công tác và kế hoạch thực hiện. Trong đó, xác định công việc cụ thể, phân công chủ trì thực hiện, xác định thời gian hoàn thành và thời điểm báo cáo kết quả thực hiện, nhất là chỉ đạo thực hiện tốt các Đề án, Dự án, chính sách.

Thứ ba: Thực hiện tốt chế độ công khai, minh bạch trong thực thi công vụ; tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác; cải tiến chất lượng các cuộc họp, hội nghị; đổi mới phương thức, lề lối làm việc; tiếp tục rà soát, tổ chức thực hiện tốt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để bố trí nhân sự hợp lý, hiệu quả; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đạo đức tốt và chuyên nghiệp trong công tác; ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công việc; thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính.

Thứ tư: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phân cấp, thẩm quyền được giao, nghiên cứu và ứng dụng các đề tài dự án thuộc lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên, phát triển tài sản trí tuệ sản phẩm hàng hóa chủ lực. Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ, thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực hiện tốt công tác kiểm soát sau thanh tra.

Thứ năm: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, nhất là đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong thực hiện các nhiệm

vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời chú trọng hoạt động quản lý khoa học, đảm bảo hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo hiệu quả, thiết thực, mang lại giá trị thực tiễn.

Thứ sáu: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống. Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phải có tính liên thông, liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, sản phẩm phải có sức cạnh tranh trên thị trường. Ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ có tính ứng dụng cao vào sản xuất, kinh doanh. Lồng ghép các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng vào Chương trình xây dựng Nông thôn mới và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với những thành tựu đạt được và sự đóng góp quan trọng trong giai đoạn vừa qua, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã khẳng định được vai trò, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Trong thời gian tới, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ góp phần xây dựng và phát triển Hà Tĩnh “Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiên bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ; cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân; đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ; phấn đấu năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước”./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG Ở HÀ TĨNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI



ThS. TÔ THỊ THU HIỀN - TRẦN THỊ TÚ ANH

Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Cán bộ và công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng bao gồm tuyển dụng cán bộ, đánh giá cán bộ, quy hoạch cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đề nghị bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, quản lý cán bộ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ... đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Trước yêu cầu xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Hà Tĩnh, vai trò tổ chức cơ sở đảng trong công tác cán bộ cần phải tiếp tục được khẳng định và thực hiện hiệu quả hơn.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời, đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”. Vì vậy, Người coi “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”⁽¹⁾. Người cũng đặt ra yêu cầu đối với cán bộ phải là người có nhân cách, phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Những phẩm chất đó được Người khái quát trong hai chữ “Đức” và “Tài”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Có tài phải có đức, có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nhà nước. Có đức không có tài, như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích được ai”⁽²⁾. Trong mối quan hệ giữa Tài và Đức, Người khẳng định Đức là gốc: “Cũng như sông thì phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có

gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁽³⁾; “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng”⁽⁴⁾; “Đạo đức là gốc”, người cán bộ phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, mới có thể trở thành người cán bộ chân chính. Bởi vì: “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng, hay là không”⁽⁵⁾.

Về vai trò của cán bộ, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”⁽⁶⁾. Đạo đức của người cán bộ cách mạng được thể hiện trước hết ở chỗ: Luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, trước hết, biết giải quyết

đúng đắn giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của giai cấp, của dân tộc. Đạo đức cách mạng là sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, lãng phí, không hủ hóa, tham ô, không đặc quyền, đặc lợi. “Đạo đức cách mạng là bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Đạo đức cách mạng theo Bác là Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Bên cạnh đạo đức cách mạng, người cán bộ cần phải có năng lực (tài), nhưng Tài phải được đi cùng với Đức. Người nói: “Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn; chính trị là đức, chuyên môn là tài”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ có những cán bộ có đức, có tài mới có đủ năng lực đảm đương công việc, dù công việc khó khăn, vất vả đến đâu, trong hoàn cảnh khó khăn thế nào cũng có thể hoàn thành. Năng lực của cán bộ, đảng viên được thể hiện ở trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nhận thức đúng các quy luật, sáng tạo trong giải quyết công việc, làm chủ được tri thức khoa học và có khả năng hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chuyên môn. Người chỉ rõ, những cán bộ vừa “hồng”, vừa “chuyên” là những người để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà; đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho được, cho đến nơi, đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm, việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Mỗi ngày cố làm một việc có lợi cho nước, cho dân; “Phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau”⁽⁷⁾. Người cũng đòi hỏi người cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ, năng lực tổ chức thực hành để hoàn thành các nhiệm vụ được giao “Làm nghề gì cũng phải học, vậy làm cách mạng

cũng phải học. Nếu không giáo dục cho đảng viên làm cách mạng mà cứ yêu cầu họ làm cách mạng thì họ không làm tròn được nhiệm vụ”⁽⁸⁾. Người cán bộ có đức, có tài là người cán bộ có tác phong công tác, làm việc, sinh hoạt sâu sát thực tiễn, gần gũi nhân dân, mở rộng dân chủ, nói đi đôi với làm, lý luận gắn với thực tiễn, thể hiện tinh thần trách nhiệm. Dù ở cương vị nào, làm công tác gì, khó hay dễ, chức vụ to hay nhỏ, cũng đem cả tinh thần và sức lực làm cho đến nơi đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công; luôn nắm vững chính sách, đi đúng đường lối quần chúng và làm tròn nhiệm vụ.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, công tác cán bộ luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ “then chốt của vấn đề then chốt”; cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm”⁽⁹⁾.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần chỉ rõ: Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, không bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức vào đội ngũ cán bộ đương chức và cán bộ quy hoạch cấp chiến lược. Xử lý

ng nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng với kỷ luật của Nhà nước đối với cán bộ vi phạm, những cán bộ có động cơ sai trái, tư tưởng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm” trong công tác cán bộ và cũng không để bị lợi ích nào cám dỗ, không để bị chi phối bởi quan hệ cá nhân, thân quen không trong sáng. Kiên quyết chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Trong những năm qua, thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cấp trên trực tiếp, 626 Đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, đơn vị tiến hành tốt công tác bộ nhằm tạo nên đội ngũ cán bộ ở cơ sở có số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất, năng lực ngang tầm với nhiệm vụ. Nhìn chung công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng đã đạt được những kết quả quan trọng, xây dựng được đội ngũ cán bộ cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: Phần lớn đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, đạo đức trong sáng, được Nhân dân tín nhiệm, đánh giá cao; công tác quản lý, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện ngày càng chặt chẽ, gắn với vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị; tổ chức thi nâng ngạch thăng hạng thực hiện đúng quy định; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo, quản lý giúp nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; công tác bổ nhiệm, quy hoạch, đề bạt, luân chuyển đội ngũ công chức được quan tâm, chú trọng; quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ; gắn trách nhiệm cụ

thể người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ; công tác luân chuyển, điều động cán bộ đạt được những kết quả đáng ghi nhận; công tác đánh giá cán bộ từng bước được đổi mới, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện, lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí việc làm của cán bộ công chức, viên chức làm thước đo chính để đánh giá năng lực, phẩm chất cán bộ. Định kỳ tổ chức thi sát hạch đánh giá đội ngũ công chức, viên chức...

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng ở Hà Tĩnh vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm: Việc quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản của Trung ương, tỉnh, thành phố về cán bộ, công tác cán bộ ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cụ thể, chưa sát với yêu cầu nhiệm vụ chính trị; nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự sâu sắc, toàn diện; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên, nhiều nơi còn chưa gương mẫu, mất dân chủ hoặc nể nang, né tránh, ngại đấu tranh; một số khâu trong công tác cán bộ chậm được đổi mới, một số quy trình chưa hoàn thiện, còn lỗ hổng, bị lợi dụng; chưa có cơ chế hiệu quả để đánh giá đúng cán bộ, nhất là những người năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có động cơ đúng đắn, quyết liệt nhưng không được bảo vệ, bị cô lập; đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, không ít trường hợp rơi vào cảm tính, thậm chí dễ dãi, bao che hoặc định kiến, hẹp hòi; quy hoạch cán bộ thiếu tính tổng thể, chưa bao quát giữa các cấp, các ngành, các địa phương,

các lĩnh vực; công tác tuyển dụng còn nhiều hạn chế, chất lượng chưa đồng đều, có nơi còn xảy ra sai phạm, tiêu cực; chế độ, chính sách cán bộ chưa phù hợp, chậm đổi mới; công tác quản lý cán bộ có lúc, có nơi bị buông lỏng, thiếu chặt chẽ trong phối hợp kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm; vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ; phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm, uy tín của một bộ phận cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ... Trong nhiệm kỳ 2016-2020, đã thi hành kỷ luật 47 tổ chức đảng (trong đó có 01 đảng đoàn, 02 ban cán sự đảng, 01 Ban Thường vụ Huyện ủy, 26 đảng ủy, Ban Thường vụ đảng ủy cơ sở, 17 chi bộ với các hình thức: khiển trách 32, cảnh cáo 15) và 3.066 đảng viên (trong đó có 576 đồng chí là cấp ủy viên các cấp) với các hình thức: Khiển trách 2.439, cảnh cáo 403, cách chức 73, khai trừ 151⁽¹⁰⁾. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai 02 cuộc kiểm tra đối với 05 tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới và chi bộ kiểm tra 587 đảng viên, 663 tổ chức đảng; kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 05 đảng viên và 01 tổ chức đảng. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 01 tổ chức đảng; Ủy ban kiểm tra cấp dưới kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 56 đảng viên và 09 tổ chức đảng; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với 342 tổ chức đảng; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật đảng đối với 239 tổ chức đảng; kiểm tra tài chính đảng đối với 226 tổ chức đảng và 1.760 đảng viên⁽¹¹⁾.

Cần phải thấy rằng, những khuyết điểm, sai phạm của một số tập thể, cá

nhân nói trên chỉ là cá biệt, là “con sâu làm rầu nồi canh”. Bởi trên thực tế, trong những năm vừa qua, sự trưởng thành, lớn mạnh của đội ngũ cán bộ là nhân tố then chốt, quyết định làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới trên quê hương Hà Tĩnh. Trong điều kiện mới, tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của cán bộ và công tác cán bộ. Để công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng trong thời gian tới đảm bảo chất lượng, hiệu quả, theo chúng tôi cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho cấp ủy của các tổ chức cơ sở đảng về cán bộ và công tác cán bộ, coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của việc thực hiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương và việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của các cơ quan đơn vị. Cấp ủy của các đảng bộ, chi bộ cơ sở cần nhận thức đầy đủ về chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cán bộ và công tác cán bộ; triển khai công tác học tập, quán triệt cho cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị, địa phương nắm vững các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tiến hành xây dựng các quy định về tiêu chuẩn cán bộ và công tác cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

Thứ hai, lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, ngày 12/7/2023 của Quốc hội khóa XV về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình tiến hành sát nhập phải rà soát và kiên quyết đưa ra những cán bộ, công chức không đáp ứng về trình độ chuyên môn, năng lực, kỹ năng công tác, suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” để tránh “con sâu làm rầu nồi canh”.

Thứ ba, tổ chức thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng người, đúng việc, tránh hình thức, chiếu lệ. Trong công tác tuyển dụng, cần thiết phải xây dựng được khung năng lực của từng vị trí việc làm đảm bảo đúng người đúng việc, đảm bảo chỉ tiêu biên chế theo các quy định của cơ quan thẩm quyền (đối với các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp) và đảm bảo theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố (Đối với xã, phường, thị trấn). Thực hiện có hiệu quả việc tuyển dụng thu hút nhân tài theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ, trong đó chú trọng ban hành quy định gắn việc tuyển dụng, tiếp nhận thường xuyên với việc tuyển dụng theo chính sách thu hút nhân tài. Sau thu hút cần thực hiện chính sách sử dụng, đãi ngộ nhân tài một cách hợp lý, tạo động lực cho nhân tài phát huy tối đa khả năng, trí tuệ và khả năng cống hiến.

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đúng nhu cầu, sát thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và tăng cường bồi dưỡng bổ sung hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, thái độ, kiến thức về con người, về đối nhân xử

thế. Tiến hành sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức hợp lý, phù hợp với sở trường, năng lực, đúng người đúng việc. Triển khai xây dựng các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ lãnh đạo quản lý. Luân chuyển cán bộ đảm bảo dựa trên nguyên tắc luân chuyển từng bước, thận trọng, dân chủ, công khai; đảm bảo cân bằng trình độ, năng lực cán bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cơ quan, các xã, phường, thị trấn.

Trong đánh giá cán bộ, phải xây dựng cơ chế, quy trình đánh giá dân chủ, khách quan, khoa học nhằm cụ thể hóa tiêu chí đánh giá cán bộ theo chức danh, có sự vận dụng linh hoạt quy định của Trung ương với điều kiện thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Đánh giá trên cơ sở nhiều kênh thông tin, trong trường hợp chưa đủ thông tin từ những kênh này thì không đưa ra kết luận đánh giá. Quy trình đánh giá từ dưới lên trên, cấp trên tôn trọng ý kiến cấp dưới. Việc đánh giá tiến hành công khai, dân chủ trước khi bình xét, người đứng đầu không áp đặt ý kiến chủ quan của mình trước tập thể. Có cơ chế quy trách nhiệm đối với ý kiến cố tình đánh giá sai sự thật. Người đứng đầu, tập thể lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và đơn vị. Nhiệm vụ được cụ thể hóa bằng chỉ tiêu, khi không hoàn thành chỉ tiêu, mục tiêu thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm chính và có hình thức xử lý nghiêm minh. Trong đánh giá phải phát huy tinh đoàn kết, yêu thương đồng chí, đồng nghiệp. Phê bình, đánh giá cán bộ không phải là “vạch lá tìm sâu”, cũng không phải “ban ơn” khi che cho nhau khuyết điểm, khen nhau trước mọi người.

Trong công tác Quy hoạch cán bộ Đảng ủy cơ sở, chi ủy chi bộ cơ sở cần lựa

chọn đúng người để tiến hành làm công tác quy hoạch cấp ủy, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị. Cần cụ thể hóa Quy định số 50-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) và Hướng dẫn số 16-HD/BTCW cũng như các hướng dẫn của cấp ủy cấp trên vào điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, đảm bảo yêu cầu quy hoạch theo hướng “động”, “mở”, có “vào”, có “ra”, cơ cấu tuổi, cơ cấu nam, nữ phải đúng quy định. Quy hoạch phải thực chất, bố trí người đúng với vị trí cần quy hoạch và gắn với sử dụng, tránh quy hoạch “treo”, đảm bảo sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với quy hoạch cán bộ chuyên môn. Đổi mới quy trình giới thiệu cán bộ vào nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, nhất là đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, xem xét đưa vào quy hoạch và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng theo quy hoạch.

Thứ tư, thực hiện tốt chế độ quản lý cán bộ, nhất là quản lý chất lượng chính trị; bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ. Đây vừa là giải pháp vừa là yêu cầu kết hợp biểu dương, khen thưởng đúng mức các cán bộ có thành tích với việc kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ thoái hoá biến chất, vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Phải “kiên quyết đấu tranh loại bỏ những phần tử hư hỏng, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; chống mọi biểu hiện chạy chức, chạy quyền, cục bộ, ưu ái tuyển dụng người nhà, người thân không đủ tiêu chuẩn. Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, nêu gương, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Sớm nghiên cứu cụ thể hóa cơ chế, chính sách khuyến khích và bảo vệ những tổ chức và

cá nhân dám đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”⁽¹²⁾.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm soát chặt chẽ quyền lực của cán bộ. Đây vừa là giải pháp, vừa là yêu cầu thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền và các biểu hiện tiêu cực khác. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong từng khâu của công tác cán bộ, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương cấp xã.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tập 8. Tr.184.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.292.
4. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.9, tr.354.
5. Hồ Chí Minh, toàn tập, Sđd, t.9, tr.354.
6. Hồ Chí Minh, toàn tập, Sđd, t.5, tr.68.
7. Hồ Chí Minh, toàn tập, Sđd, t.5, tr.290 - 291.
8. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.33
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG-ST, H.2021, t.2, tr.230
10. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025.
11. Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo, Tài liệu tham khảo sinh hoạt chi bộ tháng 8/2023
12. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 05/8/2021.



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Số 46
9/2023



Đồng chí Hoàng Trung Dũng - UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy phát biểu tại Lễ khai giảng lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh và cán bộ được quy hoạch Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2025 - 2030 (07/8/2023)



Đồng chí Lê Ngọc Châu - Phó chủ tịch UBND Tỉnh phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo khoa học cấp tỉnh "Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn" (29/8/2023).



PGS.TS Hoàng Phúc Lâm - Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phát biểu khai mạc lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh và cán bộ được quy hoạch Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030 (07/8/2023).



TS Bùi Phương Đình - Viện trưởng Viện Xã hội học và phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; TS Nguyễn Trọng Tử - UVBCH Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú chủ trì Hội thảo khoa học “Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn” (29/8/2023).

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

HỘI THẢO KHOA HỌC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN



Các đồng chí chủ trì Hội thảo khoa học “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - Một số vấn đề lý luận cơ bản”.



Các đồng chí trong Ban Giám hiệu trao Chứng nhận danh hiệu “Giảng viên dạy xuất sắc” và “Giảng viên dạy giỏi” cho các thí sinh